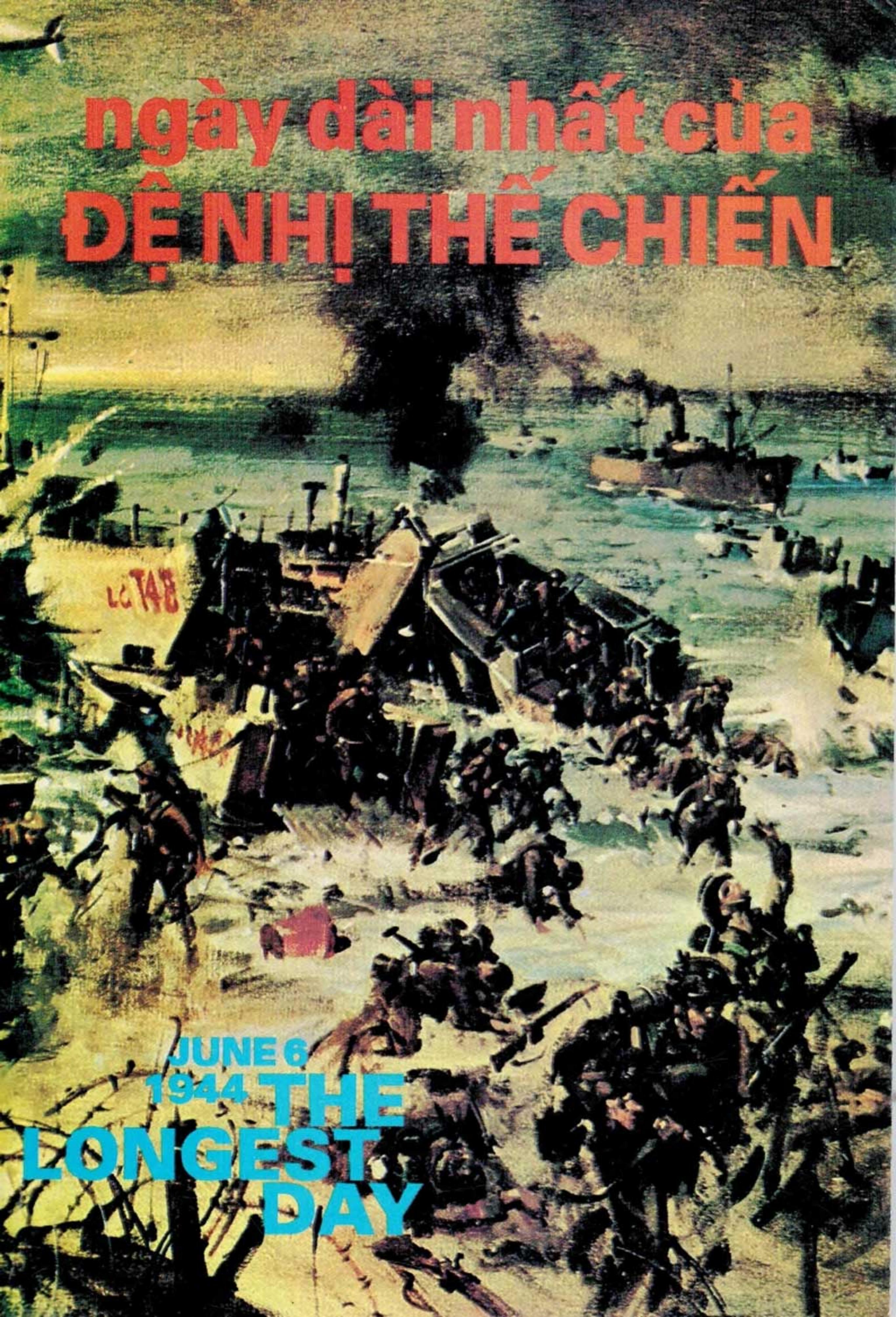


ngày dài nhất của
ĐÊ NHỊ THẾ CHIẾN



JUNE 6
1944 THE
LONGEST DAY

Hans Speidel

ĐẠI TƯỞNG CỦA ĐỨC QUỐC XÃ
George Blond

NGÀY DÀI NHẤT
của
ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN

(Ngày J 6-6-1944)

Do Nguyễn Quốc Trụ và Linh Giang dịch

ANH CHÂU
XUẤT BẢN

Ngày Dài Nhất Của Đệ Nhị Thế Chiến

Nguyên tác LE DÉBARQUEMENT
của GEORGES BLONDE và HANS
SPEIDEL do NGUYỄN QUỐC TRỤ
và LINH GIANG dịch thuật.
ANH CHÂU xuất bản lần thứ nhất
3000 cuốn trên giấy thường tại
SAIGON—Việt Nam in tại HỒNG LAM
32/1 Nguyễn bỉnh khiêm SAIGON

Phần thứ nhứt

**CUỘC ĐỒ BỘ NORMANDIE DƯỚI CÁI
NHÌN CỦA ĐỒNG MINH TÂY PHƯƠNG**

CHIẾN DỊCH OVERLORD

PHẦN NGOÀI TRUYỆN

NHỮNG NGƯỜI ĐEN MẶT

NGÀY SÁU THÁNG SÁU, VÀO LÚC MỘT GIỜ SÁNG, TẠI một tiệm cà phê ở mãi tít đầu cầu bắc ngang kinh đào Caen, thuộc thành phố Bénouville ; ông chủ tiệm đang ngủ bỗng bị bà vợ đánh thức :

— Dậy đi mình ! Ra cửa sổ ngó coi !

Bà vợ không dám nói lớn, cũng không dám bật đèn. Ánh trăng từ bên ngoài lọt qua kẽ hở những bức màn h che nắng gió. Ông chồng ầm ừ :

— Chuyện gì vậy ?

— Có tiếng xột xoạt nghe như tiếng cành cây gãy.

Người chủ quán cà phê tên là Gondrecé. Ông ta ngồi dậy ; xỏ vội chiếc quần rồi đi tới bên cửa sổ khẽ đẩy bức màn h nhìn ra bên ngoài. Tất cả đều yên tĩnh. Mặt trăng chiếu sáng những hàng cây, chiếc cầu sắt, con kênh đào. Ngay ở đầu cầu, một tên lính gác người Đức đứng im lìm. Đúng lúc đó, Gondrecé cũng nhận ra tiếng cành cây

gãy, nghe đánh arào» một cái. Tèn linh gác ôm ngang cày súng, hướng về phía có tiếng động. Gondrée cảm thấy bà vợ run-rẩy tri vai vào mình chồng. Ông ta quay lại thì thầm :

— Em thử hỏi tên linh gác coi có chuyện chi xảy ra.

Bà vợ vốn gốc ở Alsace, nói thạo tiếng Đức. Bà ta cùi xuống cửa sổ, khẽ gọi tên linh. Gã quay người lại. Dưới ánh sáng trăng khuôn mặt gã lộ vẻ gay cấn. Dù không biết tiếng Đức nhưng ông chồng hiểu ngay câu trả lời của gã :

— Nhảy dù !

Bà vợ Gondrée lầm bầm

— Rồi bị bắt hết cho mà coi !

Hai vợ chồng đều nghĩ chắc đó là mấy người phi công Đồng minh nhảy dù ra khỏi máy bay bị rớt. Nhiều lần trước đã xảy ra như vậy.

Đúng lúc đó, những lỗ đạn đỏ rực chui chít vách ngang vách dọc trên nền trời tối đen. Tiếng súng vang lên.

Gondrée đầy vợ :

— Chạy xuống hầm, mau lên !

Bà vợ chạy vội đi kêu hai đứa con đang ngủ trong phòng kế bên.

Trong lúc bầu đoàn thê-tử vừa chạy xuống dưới nhà bỗng có tiếng gỗ cửa rầm-rầm. Tiếng máy tên Đức la to ở ngoài hiên. Vợ chồng Gondrée và lũ con chuồn vội xuống hầm. Bên ngoài, tiếng súng vẫn tiếp tục vang lên. Gia đình ông chủ quán cà-phê chỉ còn có việc ôm chặt lấy nhau, chui vào cuối hầm, một lú đứng im thin thít. Mọi gia đình khác ở trong làng chắc chắn đều bắt chước nhau chui xuống hầm, chẳng cần ai bảo ai.

Họ cứ thế chờ đợi. Hai vợ-chồng cũng không hiểu đến lúc nào mới có thể chui ra khỏi hầm. Họ im lặng

đợi hoài. Sau cùng, người vợ lên tiếng. Người mẹ, dù trong lúc sờ-hãi, cũng không quên lo lắng tới đàn con.

— Mãi thế này chắc mấy đứa trẻ hết chịu nổi lạnh. Anh thử ra ngoài coi xem sao ?

— Ồ, đê tôi đi lên coi đã êm chưa.

Ông chồng trèo lên máy bức hầm, vượt qua gian hàng cà-phê rồi lên trên lầu. Bên ngoài đã êm tiếng súng. Gondréé một mình rón rén đi lại chẳng khác gì một bóng ma, trong căn nhà tối thui. Ông ta không dám gảy nèn một tiếng động nhỏ. Khi vô tới phòng ngủ, Gondréé bèn bò bõn chân đến bên cạnh chiếc cửa sổ. Yên lặng hoàn toàn. Gondréé từ từ nhởm dậy. Máy chiếc mành cửa vẫn còn he-he như cũ. Gondréé ghé mắt nhìn.

Ngay trước hiên quán cà-phê ; kế bên chiếc máy bom xăng, có hai người lính, đầu đội nón. Một cái xác chết nằm dài trên mặt đất, giữa hai người lính.

Gondréé thu hết can đảm, rồi mở miệng hỏi :

— Này hai ông, chuyện gì xảy ra thế ?

Hai tên lính quay lại. Cả hai cùng lên tiếng trả lời ngay sau đó. Hình như một gã trả lời bằng tiếng Pháp, «Armée de l'air», còn gã kia, hình như nói : «English, flieger». Gondréé nghe không rõ. Ông chủ quán cà phê cảm thấy bối rối, sợ sệt. Tim ông ta đập thình thịch. Gondréé sợ thiệt. Bởi vì mấy người lính, người nào cũng mang một chiếc mặt nạ đen ngòm.

Gondréé vội vàng né xa chiếc cửa sổ. Chuyện chỉ lạ vậy ? Mãi suy nghĩ sơ sệt, Gondréé quên mất bà vợ và mấy đứa nhỏ vẫn còn chui rúc ở dưới hầm.

Gondréé lặng lẽ tiến sang phòng bên. Cửa sổ phòng này ngó ra bờ con kênh. Ông ta đầy mành cửa và nhìn ra bên ngoài. Bức mành kêu lên kẽm kẹt. Nghe tiếng động, hai người lính khác, tay cầm tiêu liên cùng quay lại, nòng súng chĩa vào Gondréé. Những trái hỏa châu từ từ rớt

xuống, bên ngoài sáng rực chẳng khác chi ban ngày. Hai người lính này cũng mang mặt nạ đen.

Một người hỏi to :

— Anh kia, xi-vin hả ?

Gondrée vội vàng trả lời :

— Vâng, vâng !

Tên lính nhắc lại câu hỏi vừa rồi :

— Anh kia, xi-vin hả ?

Gondrée lại vội vàng trả lời một cách chắc nịch :

« Vàng vâng » ; vừa nói vừa dùng đầu xác nhận thêm, cho nó chắc ăn ! Giọng nói của tên lính nghe như tiếng Anh. Gondréé đã có một thời kỳ làm công trong một ngân hàng của người Anh, ở Ba-Lê. Ông ta cũng nói bập bẹ được một vài tiếng. Nhưng lúc này, ông ta không dám trổ tài. Liệu có chắc mấy người lính kia là người Anh hay không ? Tại sao họ lại đeo mặt nạ đen ngòm như thế ?

Gondréé thở phào nhẹ nhõm khi thấy họ hạ súng xuống. Tên lính lúc nãy hỏi ông, lấy ngón tay đe lên môi. Gondréé lại lấy đầu ra hiệu, rồi sau đó ông trở xuống hầm.

Vừa thấy chồng, bà vợ hỏi ngay :

— Thế nào ?

Ông chồng kể lại hết. Bà vợ cũng không hiểu chuyện chi mà kỳ cục như vậy. Thường ra, mấy phi công Đồng minh sau khi nhảy dù xuống đất, người thì chạy trốn, người tìm chỗ ẩn nấp ở trong rừng hoặc trong nhà thường dân. Mà có khi nào họ mang mặt nạ đâu ?

Sau đó rất lâu, hai vợ chồng nghe có tiếng chân người đi đi, lại lại ở ngoài sân.

Bà vợ ra điều hiểu chuyện :

— «Chúng nói tôi đó. «Chúng nó» sẽ bắt mấy người kia làm tù binh !

Cả hai đều yên-lặng lắng tai nghe. Mấy đứa trẻ im thin thít ôm chặt lấy mẹ.

— Hinh như họ đang đào đất ở ngoài vườn. Không hiểu chuyện gì ?

Điều kỳ lạ là không có một tiếng súng nổ. Gondréé trèo lên đống gỗ tính nhìn ra ngoài. Một làn gió mát lạnh thổi tới mặt ông. Bình minh đã bắt đầu ló dạng. Gondréé thấy bóng người lở nhổ ở trong vườn. Tất cả đều lặng lẽ đi tới đi lui. Không nghe thấy những tiếng hét, những mệnh lệnh như mọi lần. Ngó một hồi Gondréé trèo xuống. Ông bảo vợ.

— Không thấy bụi nó la hét như thường lệ. Kỳ thiệt ! Trời mỗi lúc một sáng. Gondréé bảo vợ :

— Minh leo lên đó thử nghe coi chúng nói gì. Đợi chút, để tôi giúp dùm !

Một hồi sau, bà vợ từ trên trồ xuống :

— Tụi nó nói nhưng tôi không hiểu chi hết !

Bà vợ trèo xuống. Đến lượt ông chồng lại trèo lên. Bóng dáng mấy người lính mỗi lúc một thêm rõ. nhưng cả hai vẫn chưa nhìn ra mấy bộ đồ quân phục màu gì. Bỗng nhiên, Gondréé cảm thấy tim mình nhảy bắn lên, rồi đập thình thịch ! Ông ta vừa nghe thấy, và nghe thật rõ, có tiếng người nói.

— All right ! (1)

Có tiếng đập cửa rầm rầm. Ông chủ quán cà phê kêu lên :

— Chờ một chút ; tôi tới đây !

Cửa mở. Gondréé thấy trước mặt ông là hai người mặt đen. Nhưng đến lúc này, ông ta đã hiểu mấy người lính đều không đeo mặt-nạ, và họ cũng không phải là mấy người mọi đen. Mặt mũi người lem luốc, đầy són đen và nhọ nồi.

(1) All right : Tán-thán-từ của Mỹ, giống tiếng người mình thường nói : « Xong rồi ! . Được lắm !

Lem luốc đầy sơn đen và nhọ nồi.

Một người lên tiếng hỏi :

— Trong nhà có linh Đức không ?

Gondrée trả lời :

— Không có đâu ! Các ông cứ việc vò nhà khám xét.

Họ đi vò gian phòng cà phê. Gondrée chỉ cho họ thấy con đường dẫn xuống hầm, nắp hầm đã được giở lên. Mấy người lính tò vò ngầu ngừ. Thấy vậy, Gondrée vội tiến lên dẫn đầu, đám lính đi theo紧跟 sau, tay lăm lăm khẩu súng. Gondrée bật đèn, chỉ hai đứa con và người vợ. Một người lính nói với người kia :

— It's all right, chum !

Gondrée biết rằng họ là người Anh. Và một biến cố phi thường vừa mới xảy ra. Cảm động quá, Gondrée bật òa lên khóc. Bà vợ và mấy đứa nhỏ ôm mấy người lính hôn. Thế là mặt mũi người nào cũng đen thui ! Tất cả đều phì lên cười !

Những binh sĩ vừa rời thuộc Đệ lục Sir đoàn không vận Anh. Họ là toàn xung kích đầu tiên hoặc dùng dù, hoặc dùng máy bay nhỏ (planeurs) nhảy xuống đất, với ý định xâm nhập, tấn công mẩy cày cầu nằm trên L'Orne và trên kênh đào Caen ; cốt để sửa soạn cho cuộc đổ bộ xảy ra sau đó.

Trước khi theo dõi đám binh sĩ thực sự nhảy vô vòng chiến, thấp thoáng phía sau họ là cả một đạo quân không lồ, trước khi tham dự trận đổ bộ lớn lao nhất từ xưa tới nay trong lịch sử chiến tranh của loài người, thiết tưởng chúng ta nên lùi lại phía sau vài bước để có được 1 cái nhìn bao quát toàn thể biển cổ vĩ đại đó.

Trong hồ sơ của các sĩ quan cao cấp chỉ huy cuộc hành quân ; chiến dịch đổ bộ Normandie mang mật hiệu « Overlord ». Hai phần nằm trong khu vực đổ bộ có tên là « Neptune ». Tất cả những mệnh lệnh liên quan

tới công cuộc thi hành chiến dịch « Neptune » hợp lại thành một cuốn vở khò học sinh đầy tì bầy phân ruồi. Người ta không biết được tập hồ sơ « Overlord » đầy tì cờ nào. Muốn kiện toàn tập hồ sơ đó, người ta phải kè hết mọi hoạt động của Binh lực Hoàng Gia Anh, cộng thêm một nửa tổng số hoạt động của Binh lực Hoa Kỳ ; thời gian cần thiết dành cho tất cả hoạt động kè trên : Hơn một năm trời !

Cuốn sách hiện đang nằm trong tay các bạn, bao gồm những sự kiện lịch sử liên quan tới những giai đoạn nồng hối nhất của cuộc đổ bộ, kể từ khi chiến dịch được manh-nha hình thành cho tới khi kết thúc. Tác giả thực sự của những trang sách sau đây là cái khói người từ khắp nơi trên mặt đất lù-lượt kéo tới vùng Normandie, chọc thủng bức tường Đại tây dương, nhảy vô lục địa lâu đời nhất của quả địa cầu : Âu-châu thuộc Đức.

Trước hết bạn đọc hãy cùng tôi tham dự cuộc hội họp của những tay đầu não, những nhân vật nằm trong tay sinh-mệnh của hàng trăm triệu con người : Số phận của đám binh sĩ không lồ dưới quyền chỉ huy của họ, của đám quân lính Đức, kẻ thù của họ, cộng thêm số phận của đám thường-dân Âu châu, tất cả đều tùy thuộc vào mấy tay đầu não đó.

CHƯƠNG 1

HỘI NGHỊ HOA-THỊNH-ĐỐN

NGÀY 14 THÁNG BÁY 1940, WINSTON CHURCHILL ĐỌC diễn văn tuyên-bố cùng dân chúng, nước Anh sẽ bắt đầu cuộc phản công vào năm 1942, chống cự Đế Quốc Đức. Lời tuyên-bố trên, đây chỉ có tác dụng nâng cao tinh - thần yêu nước của dân chúng Anh. Trên thực tế, chưa có một kế hoạch phản công nào được soạn thảo ! Người ta cũng không thể nào hình - dung nổi hình dáng của cuộc phản công đó sẽ ra sao, dù là một kế-hoạch lâu dài, ngũ-niên, thập niêng gì đi nữa ! Bao nhiêu dụng cụ chiến-tranh của Anh đều... nằm rải rác ở bên lề đường, đọc theo nước Bỉ và phia bắc nước Pháp. Ngay tại đảo (tại Anh quốc) chỉ có ba sư đoàn bộ binh, trong đó chỉ có một sư đoàn được trang bị đầy đủ. Thủ-tướng Anh bèn tuyên bố một cách thật anh-dũng (ngoài cách đó

đành phải thú nhận, trong một cuộc họp bí mật tại Hà Viện : «Trong năm 1940, chỉ cần một lực-lượng xâm lăng vào khoảng 150 ngàn người, là đủ khiến cho con tim nức-nở của nước Anh ngừng đập !»

Anh quốc, căn cứ nơi phát xuất cuộc đồ bộ trong tương lai, chính nơi này lại là mục tiêu một cuộc đồ bộ của Đức. Một cuộc đồ bộ chớp nhoáng. Chiến dịch Overlord đã được manh nha hình thành vào những giờ phút đen tối nhất của lịch sử nước Anh. Trong lúc đó, một chiến dịch đồ bộ Anh quốc đã được người Đức sửa soạn chu đáo và chỉ còn chờ đợi Hitler bật đèn đồ, ra lệnh xuất quân ! Hai mươi sáu sư đoàn lính Đức đóng dọc theo bờ biển Âu châu, từ thành phố Havre tới Hòa-Lan ; tất cả đều được lệnh sẵn sàng tham dự chiến dịch đồ bộ mang tên *Hải Sir* (See Lowee). Quần đảo Frise là nơi đã diễn ra những cuộc thực tập đồ bộ của đám sĩ quan thiết giáp người Đức. Địa điểm đồ bộ thực sự sẽ là những bờ kè của nước Anh. Nhì cầm quyền người Anh không phải chỉ phỏng đoán, nhưng biết rõ ràng cuộc đồ bộ đó. Những bờ kè phía Nam và Tây Nam của Anh đều được trang bị dây kẽm gai, chướng ngại vật... Những chiếc ô tô phế thải được phép mang ra vứt lỏng chỏng tại những khu đất trống : Người ta sợ phi cơ địch lợi dụng những nơi chốn đó làm bãi đáp. Máy người chủ xe hơi, trước khi rời khỏi chiếc xe của mình, đều phải mang theo máy chiếc bu-gi, cốt đề-phòng địch-quân lợi dụng chiếc xe hơi vào công việc chuyên chở !

Chiến dịch Hải sư đáng lẽ xảy ra vào ngày 21 tháng chín 1940. Cuộc đồ bộ xảy ra tại một địa điểm ở giữa Douvres và Portsmouth. Nhưng đến ngày 21 tháng 9, không có chuyện gì xảy ra. Mãi tới ngày 12-10-1940, văn phòng Hit-Le ra thông cáo : Le Fuhrer quyết định kẽ

Ce-doa thường trực về phương diện chính trị cũng như quân sự. Tới cuối mùa Xuân, hoặc đầu mùa Hạ, nếu cuộc đổ bộ được thực hiện, khi đó Führer sẽ ban hành những mệnh lệnh tiếp theo...»

Thực sự, Hitler đã bỏ cuộc. Le Führer đã hủy bỏ chiến dịch Hải sự, bởi vì những cố-vấn của ông ta tưởng-trình lên xep của họ rằng Hải Quân và Không Quân Hoàng-Gia-Anh đều dữ tợn, hai lực lượng đó đáng ngại lắm ! Tình báo của Đức đã đánh giá quá cao lực lượng quân sự hiện diện tại Đảo. Von Rundstedt, người được chỉ định sẽ cầm đầu cuộc đổ bộ, đã tỏ ra không mấy phẫn khởi trước viễn ảnh sẽ là chủ nhân tương lai của Anh quốc. Ông ta sau này luyên bố : « Ngày đó, Anh quốc được coi như là một con nhàn sứ » (1).



Về phía Đồng minh, cho tới năm 1940, Hoa kỳ vẫn chưa có một kế hoạch đổ bộ Âu-châu nào cả, cho dù một kế hoạch trên giấy tờ, cất trong tủ sắt của 1 cơ quan quân sự nào đó. Đại tướng Eisenhower đã viết : « Quân đội Hoa kỳ hồi đó chỉ có một việc làm, đó là đánh vù-khi cho thật bóng. Lý do là : dân chúng Hoa-kỳ vốn ghê tởm chiến tranh.»

Vào khoảng tháng 6-1940, quân đội Hoa kỳ có chừng 375 ngàn người. Khi nước Pháp kêu gọi một cuộc đình chiến, một ông Tướng chỉ huy một Sư đoàn binh sĩ Hoa-kỳ đã đánh cá với mọi người, theo ông, Anh quốc sẽ không chịu nổi sáu tuần lễ. Ông ta đánh cá số phận nước Anh chẳng khác gì những lần đánh cá trời mưa trời nắng. Một sĩ quan hiện dịch thậm niên mà còn như vậy, huống hồ...

Le sphinx : Quái vật đầu sư tử, hình người, chuyên đặt để nhửing thai đổ khó kiều (CTND).

Mùa Thu năm 1940, Bộ chỉ huy chiến-dịch hỗn hợp (Cominandement des Opérations combinées) đã được thành lập tại Luân-đôn, dưới quyền chỉ huy của Đô đốc Hải quân, Sir Roger Keyes. Bộ chỉ huy ra thông cáo tuyển chọn một số người mạnh-khỏe can đảm, thể chất thật là đặc biệt, và tập luyện cho họ trở thành một nhóm cảm-tử quân, cốt để sử dụng trong những vụ đột kích thật táo bạo.

Trước khi chiến tranh xảy ra, tại Anh quốc đã có một cơ sở mang tên « Comité technique Consultatif Interarmes », Ủy ban nghiên-cứu kỹ thuật quân sự liên-hợp. Công việc của họ cũng tương tự như trên. Ủy ban gồm ba người : một bộ-binh, một thủy-tuỷ, một phi-công. Mấy kiện tướng này trong lúc trà dư tửu hậu, cũng đã bàn tính tỉ mỉ một kế hoạch đổ bộ bằng xà-lan. Sau này, hàng trăm ngàn chiếc tàu hả mồi (landing craft, assault) đổ bộ xuống Normandie, có thể coi như đã diễn lại cuộc đổ bộ trên giấy tờ của ba người lính ở trong Ủy ban vừa kể.

Bộ Chỉ huy chiến dịch hỗn hợp, ngoài việc tuyển chọn cảm tử quân, họ còn cố gắng chế tạo những chiếc xà-lan đổ bộ. Họ kêu gọi những nhà kỹ nghệ dân sự hãy tiếp tay họ. Máy của hàng chục mìn. chế tạo đồ chơi cho trẻ con cũng được mời tham dự...

Vào khoảng cuối năm 1940, những chiếc tàu hả mồi đầu tiên dùng trong việc đổ bộ, đã được cho chạy thử ở trên mặt biển. Có đâu vài chục cái. Tất cả mọi người, kể cả những nhân viên ở trong Bộ chỉ huy chiến dịch, kể cả Churchill, không ai biết được những chiếc tàu kề trên sẽ được đem ra sử dụng ở đâu, vào lúc nào. Khi đó quân Đức đã chiếm đóng Norvège, Đan-Mạch, Hòa-Lan, Bỉ, hai phần ba nước Pháp, Áo-quốc, Pologne, Tchecoslovaquie; đồng minh của họ là Nhật-bản, Ý-đại-lợi, Hongrie, Lỗ-Ma-ni... Mọi người vừa không biết, vừa không thể tiên đoán được nơi nào sẽ xảy ra cuộc đổ bộ.

Ngày 19 tháng 10 1941, viên thuyền trưởng một chiếc chiến-hạm, Đại úy Lord Louis Mountbatten được thăng chức *contramiral*, thay thế Đô đốc Hải quân Sir - Roger Keyes chỉ huy chiến dịch hỗn-hợp. Cuộc chiến tranh chống lại quân Đức vẫn đang tiếp diễn, không ai có dư thời giờ chú ý đến việc thay đổi nhân-sự quá nho-nhặt như vậy.

Vài tuần lễ sau, Lord Louis Mountbatten lại được thăng chức Phó Thủ sự Hỗn, và đồng thời còn được truy tặng chức trung tướng danh-dỰ trong ngành bộ-binH, Thống-tướng không-quân trong Không-lực Hoàng-Gia. Lần này, các sĩ quan cao-cấp đành phải bầy tỏ thái độ bằng cách nhún vai, nbiu mà. Ai chứ, «Lord» Quận công Louis Mountbatten, có gì là đáng ngạc nhiên đâu ? Cháu ta sẽ có dịp nói thêm về nhân-vật ngoại-hạng này. Tuy nhiên, sự thăng ba chức lớn liền một lúc như vậy, quả là một chuyện xảy ra lần thứ nhất trong lịch sử quân đội Hoàng Gia Anh-cát-lợi.

Đó là chủ ý của M. Winston Churchill. Ông ta muốn rằng người chỉ huy các chiến dịch hỗn-hợp phải được kính trọng và nể-vi, bởi vì người đó sẽ ngồi giữa hội nghị các tướng lãnh chỉ huy hành quân, dưới quyền chủ-tọa bởi Thủ-tướng chính-phủ, hội nghị nói trên có trách nhiệm soạn thảo kế hoạch, đường lối điều-khiển cuộc chiến.

Cử chỉ đầu tiên của các vị tướng lãnh chỉ huy tất cả các cuộc hành quân đối với người bạn đồng-viên mồi mě của họ là : « Xin ngoài hãy lائب nhiệm vụ nghiên cứu mọi phương cách nhằm soạn thảo một kế hoạch tấn công Âu-Châu qua biển Manche. Sir Sholto Douglas, Thống-chế Không-quân, và Sir Bernard Paget, Trung-tướng ; cả hai được đề cử giữ chức phụ tá giúp đỡ ngoài trong công-việc nói trên ».

Như vậy, kế hoạch tấn công đại-lục Âu-Châu bằng

cách vượt qua biển Manche, lần đầu tiên được đề cập tới, tại nước Anh chứ không phải tại Hoa-Kỳ. Những nhầm lẫn về trách nhiệm của Mỹ chỉ đưa ra quyết định kế hoạch nói trên có thể thực hiện được, so với mọi kế hoạch khác..

Sau này, có dư luận cho rằng bộ chỉ huy tối cao của Anh đã tổ thái độ khó chịu, thù nghịch khi đứng trước kế hoạch tấn công Âu-châu bằng cách đỗ bộ lên bờ bắc nước Pháp ; trong khi đó Hoa-Kỳ nhất định bảo vệ, hết sức tranh đấu cho đến khi kế hoạch trên được thực hiện. Dư luận nói trên cũng có lý một phần. Vì những lý do chính trị M. Winston Churchill và một số sĩ quan cao cấp người Anh đã có lúc cố gắng đưa ra đề nghị thay đổi địa điểm đỗ bộ ; chẳng hạn như vùng Balkans. Churchill có ý để cho quân Đồng-minh đỗ bộ vùng trung tâm Âu-châu, cốt để ngăn chặn Hồng-quân Nga-Sô khỏi tiến vô nước Áo, Lõ-Mã-Ni và nếu có thể, Hungary-Gia-Lợi nha. Nhưng cho tới cuối năm 1941, Nga Sô chưa bị coi như là một Đồng-minh đáng sợ. Trong lúc đó, sau chục Sư đoàn quân Đức tiến về Moscow, cố tình chiếm đoạt thủ đô nước Nga. Tháng 8-1941 trong cuộc gặp gỡ Tổng Thống Roosevelt tại Argentia, để cùng nhau ban hành Hiến chương Đại tây dương, Winston Churchill đã tuyên bố với Tổng-Thống Hoa-kỳ, theo ý ông ta, Nga Sô khó mà đứng vững trước sức tấn công của quân Đức. Thành thử, kế hoạch đỗ bộ qua biển Manche đối với đám sĩ quan cao cấp người Anh được kề như hết sức tự nhiên, hoàn toàn lỗ lý. Người ta chỉ còn ngạc không hiểu có thể thực hiện nổi cuộc đổ bộ đó hay không ?

Tuy nhiên, ba tay đầu não vừa được đề cử soạn thảo kế hoạch vẫn cứ bắt tay vào việc.

Muốn đưa xuống nước một sư đoàn thiết giáp, cần phải huy động 45 chiếc cargos (tàu chở hàng) và transports

(tàu chuyên chở vận tải), không kèn những chiếc thuyền hộ vệ. Đám binh-sĩ xung-phong tấn công phải được tàu chiến và phi cơ bảo vệ. Đồ bộ không có nghĩa là đặt chân lên bờ bắc thuộc phần đất của địch. Điều quan trọng là, đám binh sĩ đồ bộ phải được tiếp tế đầy đủ, yề vú khi đạn dược cũng như về nhân số ; cho đến khi nào lực lượng đồ bộ coi như đủ sức để đương đầu với mọi cuộc phản công của địch, trong ý đồ đầy họ trở lại mặt biển. Đây là không kèn mục tiêu tối hậu của mọi cuộc đồ bộ, của mọi cuộc chiến tranh : tiêu diệt địch quân, tái lập trật tự, hòa bình. Nếu không đạt được chỉ đáng những kết quả kể trên, công cuộc đưa người vào đất liền coi như là 1 cuộc quấy rối «sea raid» ; một vụ đi «kịch».

Muốn cho 1 Sư đoàn đồ bộ đủ sức chiến đấu, mỗi ngày phải tiếp tế cho họ 60 tấn lương thực đồ dùng cần thiết.

Sau đây là tờ trình thứ nhất của Lord Louis Mountbatten :

«Rõ ràng là cuộc đồ bộ phải xảy ra tại vùng Pas de Calais. Dù rằng địa điểm kè trên được quân Đức bảo vệ kỹ cẩn, nhưng chúng ta không còn chỗ nào khác, ngoài chỗ đó ra. Vấn đề sinh tử của cuộc đồ bộ là Với một số tàu chiến ít ỏi nhất, (càng ít bao nhiêu càng đỡ bấy nhiêu) làm cách nào vượt biển Manche trong một khoảng thời gian ngắn nhất ?

Con số tần chiến tối-thiểu đã được tính toán, nhưng thực sự chúng ta vẫn không có đủ con số tàu chiến cần thiết đó. »

Sau khi tính toán, người ta thấy rõ một điều Anh quốc không sao đủ sức thực hiện cuộc đồ bộ nói trên. Sau cuộc hội họp tại Argentia, M. Winston Churchill đã được Tổng thống Hoa-kỳ hứa sẽ hết lòng giúp đỡ. Tuy nhiên mặc dù có sự tiếp tay của Hoa-kỳ, kế hoạch đồ bộ vẫn coi như khó mà thực hiện nổi.

Vấn đề tiếp iết kẽ như khó giải quyết nhất.

Đúng là đúng đầu vô bức tường. Ba viên sĩ quan bàn tinh quanh quần, không sao kiểm ra cách vượt bức tường. Tất cả mọi phương tiện khoa học, kỹ thuật, chiến thuật... đều được « điều nghiên », kết quả : Bức tường không có một kẽ nứt nào hết !

Trong lực Hoa-Kỳ còn đang ở ngoài vòng chiến, kế hoạch đồ bộ được coi như chỉ có thể thực hiện nổi trên phương diện lý thuyết. Muốn đem thi hành, chắc chắn phải đợi một phép lạ xảy ra.



Ngày 7 tháng chạp 1941, buồm sáng, hàng loạt phi cơ Nhật-bản phát xuất từ những hàng không mầu hạm bay tới tấn công hạm đội Mỹ tại Thái-Bình-Dương hiện đang bỗ neo ở Trân-Châu-Cảng.

Tám ngày sau, Hạ Viện Mỹ bỏ tham chấp thuận một chương trình sản xuất khí giới, quân cự, tàu chiến, máy bay v.v... Con số sản xuất được kẽ như là vô hạn. Kỹ nghệ chiến tranh bắt đầu mở màn. Những nhà chức trách quân sự Hoa-Kỳ hiểu rằng, hiện tại, họ muốn gì được uổng.

Ngày 12 tháng chạp, điện thoại nối liền War Department, tại Hoa Thịnh Đốn, với bộ chỉ huy Đạo quân thứ ba (Troisième Armée) đặt tại San Antonio, Texas ; điện thoại bỗng reo lêu. Dịch thân viên chỉ huy Đạo quân thứ ba cầm điện thoại lên nghe, và trả lời. Ông ta được lệnh của viên chủ huy trưởng bộ tham mưu gọi về War Department ngay tức khắc.

Tham mưu trưởng là trung tướng Marshall. Ngay khi giáp mặt vị sĩ quan chỉ huy Đạo quân thứ ba, ông ta bèn trình bày tất cả tình hình Đại-tây-dương cho viên sĩ quan nghe. Cuộc nói chuyện mất 20 phút đồng hồ.

Sau đó, ông ta hỏi :

— Ngày giờ, kế hoạch hành quân của ông ra sao?

Bữa hạm đội Mỹ ở Thái-Binh-Dương bị tấn công, loại ra ngoài vòng chiến tại Trân-Châu-Cảng, cùng ngày hôm đó, đảo Guam, 1 vị trí quân sự của Hoa-kỳ tại Thái Bình-Dương, cũng bị lọt vào tay quân Nhật. Ngày 10 tháng chạp quân đội Nhật đồ bộ Luçon, Phi Luật - Tân - Quần Hoa - Kỳ hiện đang trú đóng tại Corregidor và các đồn kề cận, con số binh sĩ quá ít ỏi không sao chịu đựng nổi cuộc tấn công của Nhật. Trên mặt bờ, nơi nào cũng có bóng dáng tàu chiến Nhật bắn. Đường liên lạc điện thoại giữa Úc và Hoa-kỳ cũng bị hăm dọa, không biết sẽ bị gián đoạn vào giờ nào.

Vìen sĩ quan chỉ huy đạo quân thứ ba trả lời :

- Hãy cho tôi suy nghĩ một vài giờ.
- Được lắm !

Vìen sĩ quan nói trên dáng người cao lớn, đầu hơi hói, khỏe mạnh; cặp mắt trong thắt thông minh, lạnh loblin. Tên tuổi của ông ta chưa được đám đông chú ý tới. Hai tháng trước đó, một tờ nhật báo có đăng hình ông ta cùng với một số sĩ quan khác, nhân một cuộc thao diễn. Bên dưới bức hình, người ta đọc thấy dòng chữ : Trung tướng D.D. Ersenbeing. Tên thật của ông ta là Dwight David Eisenhower.

Trong kỷ Đệ nhất thế chiến, Dwight D. Eisenhower đã không qua Âu-châu, mặc dù cho đến năm 1941 ông ta đã được 51 tuổi.

Lên lớp Trung úy năm 1917, ông ta ở lại Hoa-kỳ đóng vai sĩ quan huấn-luyện, chuyên viên về xe tăng, và sau cùng sĩ quan tham mưu. Năm 1935, ông được gửi qua Phi-Luật-Tân làm cố vấn quân sự cho nhà cầm quyền xứ này.

Trong sổ quân bạ có ghi D. Eisenhower sinh ngày 14 tháng 10-1890 tại Tyler, Texas ; là em trai thứ ba trong một gia đình có sáu anh em. Gốc người Đức, ông tổ già

định đi qua Hoa-kỳ vào thế kỷ thứ mươi bấy. Cha cũ Eisenhower làm nghề chủ trại, kỹ sư, chế-tạo cà rem, trước khi trở thành nhân viên của hãng điện thoại United Telephone Company.

Ngay từ hồi nhỏ, Eisenhower đã có biệt danh *Ike*, mặc dầu chính ông ta cũng không hiểu do đâu mà có. Cậu bé *Ike* vò trưởng vồ bị West Point, tốt nghiệp sĩ quan năm 1915. Trong khi tuần tự lên lầu, ông ta trau dồi kinh nghiệm bằng cách sưu tầm tất cả các loại băng cắp nhà binh : băng cắp về chiến xa, băng cắp chỉ huy tham mưu, băng chiến tranh, băng kỹ nghệ quân sự... Các bè bạn phải gọi ông là một tay lý thuyết gia. Nhưng các sĩ quan cấp trên thì coi ông như là một huấn luyện viên chuyên môn.

Cuộc đời binh nghiệp của Eisenhower thay đổi hẳn sau cú điện thoại kể trên. Đại tướng Marshall gọi ông về làm sĩ quan cố vấn, trực tiếp tham dự, soạn thảo kế hoạch hành quân.

Ngoài tài năng quân sự, Eisenhower còn nổi tiếng vì giỏi đánh bài bridge và bài poker. Mặc dù ông ta chỉ chơi bài cùng đám hè bạn thân, và không bao giờ đánh lớn, vậy mà mỗi năm ông ta thu về cờ chừng ba ngàn đôla, tiền được bạc.

❖

Ngày 24 tháng Chạp 1941, W. Churchill tới Hoa Thịnh-Đốn cùng với bộ tham mưu Anh. Báo chí ghi lại, W. Churchill tuy trên miệng vẫn cắn chặt điếu xì gà, nhưng đôi mắt của ông sáng rực ! Vậy là nước Mỹ sau cùng cũng phải nhảy vô vòng chiến !

Tình hình Đồng-minh lúc bấy giờ không có chi đàng gọi là phán khởi. Hồng-Kông vừa bị lọt vào tay Nhật-bản. Quân Nhật đã đỗ bộ xuống Bornéo, tiến dọc theo các khu rừng tới tận hòn đảo nhỏ Malacca, uy hiếp Singapour ; một tháng sau nơi này cũng thất thủ.

Singapour chiếc then gài cửa của mặt trận Đông phương ; các nhà quân sự Tây phương coi đó như là một Gibraltar của Á châu ! Tại Âu-châu, mặc dù quân Đức bị chặn ở ngoài Moscou, nhưng mọi người đều nghĩ rằng tới mùa Xuân, Nga-Sô sẽ mãi về tay Đức.

Cuộc gặp gỡ ở Hoa-Thịnh-Đốn mang tên Hội nghị Arcadia. Thoạt đầu, người Mỹ dự tiệc quân đội Hoa-kỳ từ các căn cứ quân sự, phản công chống lại sự hành trướng của quân Nhật tại vùng Thái-Bình-Dương. Đô đốc King trình bày ý kiến của Hải quân, nhưng cũng là ý kiến của nhiều tướng lãnh khác :

« Chúng ta phải chiếm lại các vùng bị rơi vào tay Nhật. Phải kết liễu cuộc chiến tranh với Nhật bản trước đã, sau đó chúng ta mới được rảnh tay mà nghĩ tới Âu-châu ».

W. Churchill trả lời liền :

« Các ngài phải can thiệp ở Âu châu trước đã. Phải làm như vậy, nếu không các ngài sẽ thua trận. Xin các ngài nhớ rằng, giữa hai kẻ thù của các ngài, Đức và Nhật bản : chỉ có Đức là đủ khả năng tấn công cùng một lúc trên khắp các mặt trận : Anh quốc, Nga sô và Hoa Kỳ. Nếu các ngài muốn kết liễu Nhật bản trước, sau đó các ngài sẽ phải tấn công cái pháo đài khổng-lồ, kiên cố là Âu châu thuộc Đức, trong khi các đồng minh của ngài đã chung tôi đã hoàn toàn kiệt lực. »

May mắn cho W. Churchill, Đại tướng Marshall không đồng quan điểm với Đô đốc King. Đại tướng hỗ trợ ý-kiến của Thủ tướng Anh. Khi tái họp hội nghị, Đại tướng đưa ra bản tường trình trong đó có câu : « Mặc dầu chúng ta đang lâm chiến chống lại Nhật bản, nhưng Đức quốc luôn luôn được coi là kẻ thù chính. Sự bại trận của Đức sẽ đem đến chiến thắng. Ngay sau khi Đức quốc tan rã, Ý-dai-lợi và Nhật bản sẽ chịu cùng một số phận đó ».

Tổng thống Roosevelt chấp thuận ý kiến của Đại tướng Tổng tham mưu Marshall. Ông ta rất ghét Hit-Le và chế độ nazi. Tuy nhiên Tổng thống đưa ra một nhận định : Dân chúng Hoa-kỳ, hiện đang thù ghét Nhật bản, bởi vì cú đánh trộm Trân châu cảng vừa qua. Họ muốn trả thù tại « Japs lốm nacent, bắn thiêu » ngay lập tức. Thành thử, vẫn đề là phải hành động một cách từ-tử, phải hóng dẫn dư luận Hoa-kỳ...»

Kết quả sau cùng của Hội nghị : Hoa kỲ đồng ý nhảy vô vòng chiến, chống lại kẻ thù Âu châu. Một cơ quan tham mưu hồn hợp đồng minh được thành lập.

Các tướng lãnh Hoa kỲ, sau khi bắt tay nghiên cứu kế hoạch tấn công kẻ thù Âu châu, họ cũng gặp một trở ngại như người Anh : « Bức tường đồn số » (le mur du tonnage). Nhưng với sức mạnh lớn lao của nền kinh tế Hoa kỲ, vẫn đề không còn quá nan giải như trước nữa. Phép lạ của Hoa kỲ từ xưa tới nay, vẫn là : Sản xuất thặng dư, sản xuất vượt quá nhu cầu cần dùng.

Hội nghị Hoa thịnh đồn vira mới kết thúc, Đại tướng Marshall liền triệu tập ngay một cuộc họp các tướng lãnh tại War Department. Ông ta cho thành lập văn phòng tham mưu chỉ huy các chiến dịch hành quân. Thiếu tướng Eisenhower, được thăng lên chức Trung tướng, và được trao cho chức chỉ huy văn phòng tham mưu chỉ huy trên.

Trung tướng Eisenhower liền cho gọi một số kỹ sư làm việc tại War Department, và ra lệnh :

« Các ông hãy gán thật nhiều máy ghi âm trong văn phòng này. Tôi muốn tất cả những lời nói ra tại đây đều được thu băng. Như vậy, không một chi tiết nhỏ nhất nào bị bỏ quên và đỡ phải ghi tốc ký trong khi hội họp ».

Văn phòng nói trên tương tự như một pháo dài chỉ

huy riêng của Đại Tướng Marshall. Tất cả mọi tin tức đều được chuyển tới đó. Sau khi nghiên cứu, Đại tướng sẽ đưa ra những quyết định thi hành vẫn phòng soạn thảo kế hoạch tấn công Nhật bản tại mặt trận Thái Bình Dương, và khôi phục tại Âu châu. Những sĩ quan làm việc tại War Department cũng tham dự những cuộc họp dưới quyền chủ tọa của Eisenhower.

Thoạt đầu, các sĩ quan tham mưu đều đồng ý với nhau ở một điểm : không nên tấn công ở dưới đất liền, nên quy tụ sức mạnh máy bay tại các căn cứ Anh quốc, và cứ thế dội bom xuống nước Đức và các vùng đất bị chiếm cứ, cho tới khi nào Hit-Le dor tay xin hàng. Nhưng, sau khi đã nghiên cứu thật kỹ càng, giải pháp trên bị hủy bỏ. Sinh mạng dân chúng Âu châu trong những vùng đất do Đức chiếm đóng cũng phải được Đồng minh tôn trọng, như là nhân dân những vùng đất tự do.

Ý định đưa quân Mỹ qua Nga, tấn công Đức quốc từ miền Đông, cũng được đưa ra, nhưng bị hủy bỏ liền khi đó : Vấn đề di chuyển quân tạo nên rất nhiều khó khăn, phiền nhiễu. Hơn nữa con đường di chuyển quân phải đi qua vùng bắc Arctique. Vùng bắc này có nhiều băng tuyết và luôn luôn bị máy bay Đức xuất phát từ các căn cứ ở Norvège chiếu cố tận tinh. Con đường bắc thứ hai từ vịnh Persique qua Mũi Hảo vọng (Bonne-Espérance) dài 11.500 hải-lý, 73 ngày trời lênh đênh trên mặt biển. Từ mấy tháng nay, cả hai con đường trên được sử dụng trong việc tiếp tế Nga sô, kết quả không mấy khả quan, bởi vì các hải cảng đón nhận đồ tiếp-tế nằm ở cuối đường quá nhỏ, luôn luôn ở tình trạng chật ních thuyền bè, tàu chiến.

— Tại sao không đưa quân qua Trung Đông và tấn công khôi phục từ vùng Balkans ?

Một chuyên viên chiến thuật đưa ra ý kiến như vậy. Dự định trên chỉ có thể thực hiện nếu vùng Địa trung

hải ra vào đê dàng. Trên thực tế, vùng bờ này bị khóa chặt ở ngay tại trung tâm. Các đoàn công voa của Anh chỉ có thể tiến tới Malte, sau khi đã đê lại trên mặt bờ một con sô tồn thắt đắng kẽ.

Ý kiến trên đây lại bị hủy bỏ.

Một chuyên viên khác đưa ý kiến đỗ đỗ xuống... Libéria. Đoàn quân viễn chinh sau đó sẽ dùng xe lửa tới Âu châu, vượt qua Guinée, Sénégal, những sa mạc vùng Mauritanie, Rio Del Oro và Maroc. Ý kiến trên bị rơi vǎo... sa mạc.

Nhiều chuyên viên chấp nhận ý kiến sử dụng những vùng đất thuộc quyền sở hữu của Pháp tại Bắc Phi, và coi nơi đó như là bàn đạp tấn công Âu châu từ phía Nam. Ý kiến trên, sau khi đã được nghiên cứu kỹ càng, cuối cùng bị hủy bỏ, bởi vì Những phiền nhiễu về phương diện chính trị, Những căn cứ hành đạp nói trên lại ở quá xa Đức quốc.

Sau hết, các chuyên viên chiến thuật bên nhau kẽ lại bản đồ thế giới, và thấy rằng : giải pháp tốt nhất, giản dị nhất đó là : Biển Royaume-Uni (Anh quốc và Bắc Ái nhĩ lan) thành bàn đạp, và tấn công ngay mặt Đức quốc bằng cách vượt qua biển Manche.

Con đường hàng hải nối liền Hoa kỳ — Anh quốc được coi là ngắn nhất, so với mọi dự tính chuyên chở. Điều đó có nghĩa : Tiết kiệm được số tàu bè cần dùng. Nếu quyết định đỗ bộ, phải bảo vệ con đường bằng hải nội trên bằng đủ mọi cách, nếu không muốn hy sinh Anh quốc và đoàn quân viễn chinh. Tối thiểu, mỗi năm Anh quốc cần phải nhập cảng 25 triệu tấn đỗ dùng, thực phẩm (thay vì 50 triệu vào thời bình). Cần gì phải tìm kiếm ở đâu xa xôi con đường vận tải nhũ cầu cần thiết cho cuộc đỗ bộ xâm lăng Âu châu ? Cứ việc sử dụng con đường vừa kẽ. Giải pháp tấn công ngay phía các bờ bắc nước Pháp kẽ đứt hoàn toàn hữu lý, tuy không kém phần cam go.

Một vài chuyên viên phản đối

— Một cuộc tấn công như vậy có nghĩa là một cuộc tự sát tập thể. Bức tường « Đại tây dương » được bảo-vệ kỹ càng bằng hàng trăm ngàn khẩu đại bác, cộng thêm bao nhiêu ở tàu ngầm nằm dọc theo bờ biển. Bất cứ lúc nào quân Đức cũng có thể đem qua Pháp hàng ngàn chiếc máy bay, sẵn sàng chào đón cuộc đổ bộ. Không thể đỗ bộ xuống vùng bờ biển nước Pháp. Có họa diên mơi quyết định như vậy.

— Kế hoạch nói trên không có gì là diên rồ cả. Nếu chúng ta làm chủ được không phận, bằng cách đe dọa khống lực Đức, nếu cô lập được vùng đổ bộ, bằng cách oanh tạc ngăn chặn tất cả các con đường giao thông tiếp tế tới vùng đó ; và sau cùng, nếu chúng ta đơn dẹp sạch sẽ các bờ biển trước khi đổ bộ.

Kế hoạch sau cùng được trình lên Đại tướng Marshall. Đại tướng ngồi yên lặng nghe từ đầu cho tới cuối, không cắt ngang một lần nào.

— Gái đó được ! Tôi chấp thuận !

Ngày 1 tháng 4-1941, đến lượt Tổng thống Roosevelt chấp thuận kế hoạch.

Ngày 7 tháng 4, Đại tướng Marshall đáp máy bay Luân Đôn, tháp tùng Đại tướng có Harry Hopkins, cánh tay mặt của Tổng thống F. Roosevelt. Sau khi hội nghị tại Luân Đôn ngày 14 kết thúc, Bộ chỉ huy tối cao của Anh, qua lời tuyên bố của Thủ tướng W. Churchill, quyết định Đồng minh sẽ dành mọi nỗ lực thực hiện một cuộc tấn công qua biển Manche. Tuy nhiên, điều mong mỏi hơn hết của Thủ tướng Anh, đó là được chứng kiến Hoa Kỳ chuyên vận hàng đợt phi cơ, quân cự và binh sĩ từ bên kia bờ trái đất, tới Anh quốc, tiếp theo lệnh động viên tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian đó, kế hoạch tấn công qua eo biển Pas de Calais vẫn được Luân Đôn theo đuổi. Đầu tháng 5-1942, một kế hoạch tấn công, do Bộ chỉ huy các chiến dịch hành quân hỗn hợp, soạn thảo, được trình lên « Ủy ban nghiên cứu trung ương », dưới quyền chủ toạ của Thủ đốc Sir Bertram Ramsay, cựu chỉ huy trưởng Hải quân tại Douvres, người đã tổ chức kế hoạch rút lui khỏi Dunkerque. Ủy ban này cũng gấp phải chường ngại y hệt như những chuyên viên đầu tiên : Bức tường đồn số, trọng tải. Thủ đốc trình lên Bộ tham mưu một tờ tường trình, trong đó có ghi : kế hoạch tấn công kẽm như không thể thực hiện nổi, chiểu theo những khả năng hiện hữu của chúng ta.

Người đọc tự hỏi tại sao người Anh lại không theo đuổi kế hoạch đầu tiên, một khi bức tường trọng tải đã được Hoa Kỳ phá vỡ. Không ai giải thích nổi bí mật trên đây. Có thể, vào thời kỳ đó, Thủ tướng W. Churchill muốn trưng ra những khó-khăn của cuộc tấn-công qua biển Manche, với hy vọng rằng các chuyên-viên chiến-thuật, chiến-lược Hoa Kỳ ngả theo kế-hoạch tấn-công từ vùng Balkans, bởi vì, theo Thủ tướng Anh kế hoạch này coi bộ thích hợp hơn. Cũng có thể, bộ chỉ huy tối cao Anh, muốn thực hiện một vài căn cứ quân sự tạm bợ trước đỗ, còn kế-hoạch tấn công hay ho vừa rồi, hãy để đó, tính sau.

Ít ra, cũng có một người Anh tin rằng kế hoạch tấn công qua biển Manche không bao giờ bị đem chôn vùi xuống đất : Đầu tháng 4-1942, Lord Louis Mountbatten tham dự một cuộc trình-diễn khé giới mới : những ông phóng hỏa. Sau khi cuộc trình diễn chấm dứt, một vị bộ trưởng kiêm chức Phụ-tá Quốc vụ khanh bí mật ngành Dầu hỏa, đã đến gần Thủ đốc lên tiếng hỏi, ngành dầu hỏa của ông ta liệu có giúp ích gì trong việc sắm soạn cuộc đổ bộ...

Mountbatten trả lời :

— Có chứ ! Ông có thể nào đặt một ống dẫn dầu qua biển Manche cho tụi tôi hay không ?

Các kỹ-sư chuyên môn ngành dầu hỏa bèn bắt tay vào việc nghiên-cứu câu hỏi.



CHƯƠNG 2

CUỘC XÂM LẤN ĐẦU TIÊN

ANH QUỐC LÀ NƠI TIẾP NHẬN CUỘC XÂM LẤN ĐẦU TIÊN của đoàn quân viễn chinh Hoa kỳ.

Sư đoàn kinh ky thứ 34, và sau đó là Sư đoàn thiết giáp đệ nhất của Hoa kỳ được đồ bộ xuống Ái nhĩ lan. Tiếp theo là những đơn vị phi cơ lẻ tẻ. Mức độ chuyên vận mỗi lúc một tăng. Con số thanh niên Hoa kỳ được động viên, được huấn luyện rồi sau đó được chuyển qua Anh quốc, mỗi lúc một thêm đông. Kỹ nghệ chiến tranh của Hoa kỳ mở hết tốc độ sản xuất. Anh quốc và Bắc Ái nhĩ lan, sau cùng, đã bị xâm lấn bởi gần hai triệu binh lính Hoa kỳ.

Lính đồ bộ đóng trại ở khắp mọi nơi : nhà thương, nhà trường, rạp hát, rạp chiếu bóng, sân banh, vườn chơi. Chiếc nào cũng thấy lính Mỹ. Một binh sĩ Hoa kỳ chỉ được phép rời khỏi trại tiếp nhận, sau khi đã học kỹ 4 điều lệ : 1.— Bí mật quân sự, luôn luôn phải kín miệng

2.— Luật lệ liên quan tới vấn đề xuất trại, đi phép. 3.— Luật lệ liên quan tới vấn đề giao thiệp với dân chúng Anh, 4.— Vấn đề màu da.

Trong những cuộc họp nói về vấn đề giao thiệp với dân Anh, các sĩ quan Hoa kỳ cố gắng giảng giải cho binh sĩ của họ hiểu rằng không phải nơi đây là một xứ « bảo-hộ », và đừng nên nghĩ rằng chúng ta là những Thập-tự-quân đặc biệt, được phái qua đây để kéo Anh quốc ra khỏi cái hổ mà họ rớt xuống. Những tập quán, phong tục khác biệt không có nghĩa là dân trí này bán khai, « moi rợ » hơn Hoa kỳ v. v... Nói tóm lại, một binh sĩ Hoa kỳ phải cư xử sao cho ra vẻ một « gentle man » !

Sau này đại tướng Eisenhower có ghi nhận một số cảm tưởng của ông về Anh quốc : Dân chúng ở đây—trừ giai cấp trưởng giả giàu có, ở thành thị — không có đầu óc kỹ thị chủng tộc. Những binh sĩ da trắng Hoa kỳ đã trợn tròn mắt khi thấy các cô thiếu nữ Anh nhận lời đi chơi, đi ciné, đi nhảy với các binh sĩ da đen người Mỹ. Đã xảy ra những rắc rối lộn xộn bởi vì có một số người Mỹ da trắng cho rằng làm như vậy là xúc phạm tới họ. Họ càng tức giận hơn nữa khi thấy báo chí ở đây nghiêng về phía người da đen. Các sĩ quan của họ đã phải giảng giải cho họ hiểu rằng, cái gì được coi là chân lý ở Nữ ướt có thể bị coi là lầm lạc ở Luân đôn ; và họ cần phải để cho tính kỹ thị chủng tộc của họ ngủ yên, hoặc cất kỹ nó ở bên quê nhà, trước khi qua đây.



Đại tướng Eisenhower được cử giữ chức Chỉ huy trưởng lực lượng Hoa kỳ tại Âu châu. Đại tướng tới Luân đôn ngày 25 tháng 6-1942. Tổng hành dinh của Đại tướng mang một cái tên rất kỳ cục : ETOUSA. Đó là chũ tắt của 1 cái tên thật dài « European Theater of Operations, United States Army. » (Tạm dịch : Tổng hành

dịnh các chiến dịch hành quân tại Âu châu, Quân đội Hoa kỲ).

E TOUSA lo việc đóng quân, thao dượt binh sĩ Hoa kỲ tại Anh quốc, dội bom Âu châu song song với R.A.F. và sửa soạn kế hoạch đồ bộ.

Đơn vị không quân đầu tiên được gửi tới Anh quốc là « Huitième Air Force » (Không đoàn thứ Tám) không phải cả đơn vị cùng tới một lúc, nhưng từng chút một, tùy theo mức sản xuất máy bay và sự huấn luyện các phi công. Trên cuốn sổ ghi chú lịch trình thành lập Không đoàn, người ta đọc thấy ngày : 4 - tháng 7-1942. Số máy bay được gửi tới : 1B/7E. Tổng cộng số hàng gửi tới trong ngày : 1.

Tuy nhiên, cùng ngày hôm đó, vào buổi chiều, sáu phi cơ Hoa kỲ Boston, hợp với sáu phi cơ của RAF, cùng đồng duỗi tới dội bom phi trường Hà lan. Hai phi cơ Hoa kỲ bị hạ. Phi vụ tiếp theo (ngày 17 tháng 8), do phi cơ Hoa kỲ đảm nhiệm, kết quả khả quan hơn. Tất cả phi cơ đều bình an trở về, sau khi hoàn tất công tác. Phá hủy nhà ga xe lửa Rouen.

Có sự bất đồng ý kiến giữa Anh và Hoa kỲ về phương pháp dội bom. Những phi vụ ban đêm được thực hiện theo đúng chiến thuật « vùng oanh kích tự do », (raids sur zone — area bombing) còn được gọi là chiến thuật thả dàn (tactique de saturation); các phi công có nhiệm vụ thả tối đa số bom mang theo, trong một thời gian tối thiểu, xuống một khu vực đã được quy định từ trước. Hoa kỲ tin rằng các phi vụ ban ngày chính xác hơn và kết quả khả quan hơn nhiều. Trong thời bình, không lực Hoa kỲ tỏ ra rất cù khôi trong các phi vụ « Pin-Point » (dội bom trúng đích.) Trong thời kỳ chiến tranh, sự chính xác bớt đi rất nhiều, bởi vì phản ứng của hệ thống phòng không và sự can thiệp của phi cơ địch. Người ta tính rằng, trong những phi vụ chính xác, 82%

số bom rơi xuống cách mục tiêu trung tâm cỡ chừng 500m số bom còn lại rớt rải rác xung quanh, cách xa mục tiêu từ 500m cho tới 1000m.

Cả hai bên đều tranh đấu bảo vệ chiến thuật đội bom của phe mình, sau cùng, đi tới giải pháp hòa giải : R.A.F. lo phần đêm, còn Hoa kỳ lo phần ngày.

Các cuộc hội họp bàn về kế hoạch đổ bộ được triệu tập với sự tham dự của phía Hoa Kỳ, Đại tướng Eisenhower và rất nhiều sĩ quan trong bộ Tham mưu của ông ; phía Anh : Thủ tướng Churchill, Đô đốc Ramsay, Đại tướng Paget, Thống tướng Không quân Hoàng gia Douglas, và một số tướng lãnh. Ngay trong cuộc họp đầu tiên, Đại tướng Eisenhower tuyên bố, theo sự nhận định của ông, vấn đề quan trọng cần phải thực hiện trước nhất, đó là chỉ định một viên chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh, lãnh nhiệm vụ điều khiển, sửa soạn cho cuộc đổ bộ.

Một người hỏi Đại tướng :

— Đại tướng lính chỉ định ai ?

Thời kỳ đó, mọi người đều nghĩ rằng, cuộc đổ bộ sẽ được thực hiện vào năm 1943, và sự tham gia của Anh được coi là quan trọng hơn cả.

Đại tướng Eisenhower trả lời :

— Người nào cũng được hết. Nhưng theo tôi, Đô đốc Mountbatten đúng là người mà chúng ta cần đến. Tôi được nghe nói là ông ta rất thông minh, lanh lợi và can đảm.

Một sự yên lặng dài tiếp theo câu nói của Đại tướng.

Sau cùng, Đại tướng Brooke, Tham mưu trưởng quân đội Hoàng gia lên tiếng :

— Thưa Đại tướng, chắc là Đại tướng chưa hề gặp mặt Lord Louis Mountbatten lần nào. Ông ta đang ngồi ngay trước mặt Đại tướng.

Đến đây, người viết xin mở một cái ngoặc để nói

qua về một trong những anh hùng Đệ-nhị thế chiến của Anh. Thân sinh của Quận công «Lord» Louis Mountbatten là Ông Hoàng Louis de Battenberg, người Áo, anh em họ của George V. Tới năm 1917, Ông ta bỏ những tước vị cũ và đổi tên là Mountbatten, do chữ Battenberg đọc theo giọng Anh lè. Hoàng đế Anh quốc nhận đó bèn phong cho Ông ta làm Công tước đệ nhất Milford Heaven.

Bà mẹ của Mountbatten là công chúa Victoria, con gái Louis IV. Ông Hoàng trẻ tuổi Mountbatten sinh tại Windsor năm 1900, hấp thụ một nền giáo dục cao quý nhất của Anh và khi trưởng thành, đi thẳng vô Hải quân Hoàng Gia, Royal Navy, tham dự Đệ nhất thế chiến với chức vụ thuyền trưởng. Trong những năm bình yên năm giữa hai cuộc thế chiến, ngôi sao Mountbatten sáng ngời trong thế giới vương giả. Năm 1920, Ông ta tháp tùng một trong những anh em bà con : Edouard, Ông Hoàng xứ Galles, đi chu du khắp thế giới, với chức vụ sĩ quan tùy viên. Năm 1922, Ông ta kết hôn với một cô gái tuyệt đẹp và tuyệt giàu tên là Edwina Cynthia Annette Ashley, con gái của Quận công Mount Temple. Đám cưới vương giả trên được tất cả các nhân vật Hoàng giá tham dự, và được báo chí hoàn cầu theo dõi. Tuần trăng mật của đôi vợ chồng trẻ diễn ra tại Hoa kỲ.

Điều kỳ lạ, mặc dù sống trên nhung lụa, viên sĩ quan hàng hải trẻ tuổi kia vẫn không quên nghề nghiệp của mình. Ông ta theo học những khóa đặc biệt : tốt nghiệp rất nhiều chứng chỉ chuyên môn thích lệnh đèn trên các chiến thuyền vùng Địa trung Hải.

Lord Louis Mountbatten sau đó được phong chức sĩ quan tùy viên của Hoàng đế Edouard VIII, một người anh em bà con của quận công. Bỗng nhiên xảy ra vụ Hoàng đế Edouard thoái vị, biến cõi quốc gia quan trọng. Người ta đã tưởng rằng sự nghiệp của Lord Mountbatten cũng trôi theo dòng nước. Nhưng không ! Ông ta

lại được phong chức Thuyền trưởng và được cử làm sĩ quan cận vệ của Hoàng đế Edouard VI.

Chiến tranh xảy ra. Mountbatten trở về với biển cả, lãnh chức thuyền trưởng ngư lôi hạm *Kelly*. Chiếc ngư lôi hạm nhỏ bé *Kelly* này đột nhiên nổi tiếng : Tháng 12 năm 1939, chiếc *Kelly* trong khi tuần tiễu vùng bờ phía Bắc, đã va phải mìn. Thuyền trưởng Mountbatten đem hết tài khéo léo của mình ra, và đưa được chiếc tàu trở về tới bến. Sau khi sửa chữa, chiếc *Kelly* tiến về Địa trung hải hoạt động. Ngày 9 tháng 5-1940, tại vùng bờ Crète, một trái bom rót trúng *Kelly*, Mountbatten lại đem chiếc *Kelly* (trái bom đã biến nó thành một chiếc tàu hả mìn) trở về tới bến.

Lần này, Đô đốc Hải quân bảo Mountbatten :

— Chiếc *Kelly* chắc phải nằm dưỡng bệnh khá lâu. Trong khi chờ đợi, anh hãy xài tạm chiếc *Javelin*.

Ngày 29 tháng 11, tại vùng bờ Brest, chiếc tiêm thủy đinh *Javelin* lọt vào vòng vây của máy chục chiếc Tiêm thủy đinh Đức. Kết quả : *Javelin* ăn ba trái ngư lôi. Tàu chìm chăng ? Không đâu ! Mountbatten, vì hồi hả mong được nhìn lại chiếc *Kelly* nên đã cố lết chiếc *Javelin* về tới bến.

Đô đốc Hải quân trả lời :

— *Kelly* hả ? Nó đã bình phục hoàn toàn. Trao lại cho anh đó !

Ngày 24 tháng 5-1941, chiếc *Kelly* đang trận tại nơi mà hai năm hai tuần lễ trước đây, nó đã suýt bị chìm : vùng bờ Crète. Lần này những chiếc Stukas lao thẳng vào nó. *Kelly* bèn chìm luôn xuống đáy bờ, và không trồi lên được nữa. Thuyền trưởng và hầu hết thủy thủ đoàn được cứu thoát, nhờ một tiêm thủy đinh bạn.

Ngày 19 tháng 8-1941, Quận công Mountbatten đáp phi cơ tới Hoa kỳ cùng vợ là *Lady Mountbatten*, đại diện cho Hồng thập tự Anh quốc. Lần này, Mountbatten được

chỉ định chức thuyền trưởng Hàng không mẫu hạm *Illustrious*, đang nằm sửa chữa tại một hải quân công xưởng ở Hoa kỳ.

Nhưng một vài ngày sau, Mountbatten nhận được điện tín : « Hãy bỏ mặc chiếc *Illustrious* năm đó, trở về Luân đôn càng sớm càng tốt. Một nhiệm vụ hết sức quan trọng tại *Cabinet de guerre* đang chờ đợi ngài ».

Độc giả chắc chắn rã được, đó là chức vụ chỉ huy các chiến dịch hành quân phối hợp.

Khi bước chân vào phòng họp, Đại tướng Eisenhower, tuy chỉ nghe nói, nhưng chưa hề biết mặt Lord Mountbatten. May mắn thay, Đại tướng đã dùng những lời ca tụng thật tốt đẹp, và chức vụ mà Đại tướng đề nghị thật quá vinh dự đối với Mountbatten.

Tuy nhiên, M. không được hân hạnh giữ chức chỉ huy cuộc đổ bộ. Vì nhu cầu công vụ, ông ta sau đó, được chỉ định chức chỉ huy tối cao mặt trận Đông nam Á.



Và Luân đôn vẫn tiếp tục các cuộc tranh luận. Một sự thực hiển nhiên : kế hoạch đổ bộ vào mùa Xuân 1943 đúng là một ảo tưởng điện rồ !

Cảm thấy nhục nhã sau những thất bại trước tướng Rommel tại mặt trận Libye, Anh quốc bắt buộc phải tăng cường phòng vệ tại Ấn Độ và Trung Đông, thành thử, Anh quốc chỉ có thể ném vào cuộc đổ bộ mười lăm sư đoàn càn thiết. Mặc dù những cố gắng của Hoa kỳ, cuộc đổ bộ vẫn bị coi như thiếu thốn về mọi phương diện : quân số, phi cơ, khí giới, đạn dược...

Eisenhower sau cùng đã tới kết luận. « Cuộc đổ bộ lớn lao như vậy chỉ có thể thực hiện vào khoảng đầu mùa Xuân 1944 ».

Trong khi đó, Thống chế Staline thúc giục Đồng minh phải mở thêm một chiến tuyến thứ nhì. Báo chí Hoa kỳ và Anh làm ầm lên, nhất là báo chí Hoa kỳ :

« Đúng vậy, nhưng đến khi nào Đồng minh mới phóng ra mặt trận thứ hai cần thiết đó ? »

Vì những lý do an ninh quân sự, các chuyên viên chiến lược không làm sao trả lời cho báo chí rõ về một mặt trận thứ hai sẽ xảy ra ở đâu, và khi nào ? Họ chỉ có thể quay về phía nhà cầm quyền của họ, trịnh trọng trả lời : « Thưa các xếp, dư luận thế giới là vậy đó ! »

Về phía Anh quốc, Thủ tướng W. Churchill gần như không bỏ một cuộc hội họp bàn về kế hoạch đồ bộ. Ông ta cũng không tỏ vẻ phản đối về việc dời ngày phát động chiến dịch «Round Up» (1). Nhưng về phía Hoa kỳ, dư luận tỏ ra hết sức nóng nảy. Tổng thống Hoa kỳ cũng lên tiếng hỏi : « Phải chăng việc kéo dài kế hoạch Round Up có nghĩa là bỏ rơi ? »

Bàn đi bàn lại, sau cùng Roosevelt quyết định phải thực hiện chiến dịch đồ bộ, càng sớm càng tốt. Không có lý do gì để trì hoãn nữa. Toàn thể mọi người đều đòi hỏi. Nhất là Staline.

Ba dự phỏng kế hoạch được đưa ra : Tiếp viện binh sĩ Anh tại Trung Đông để chặn đứng Rommel. Con đường tiếp viện đi qua Mũi Hảo Vọng (Cap de Bonne Espérance). Tạo một địa đầu chiến tuyến tạm thời (tête de pont provisoire) tại vùng bờ Cotentin, hoặc tại Bretagne. Xâm lăng Bắc Phi thuộc Pháp. Mọi người ngừng lại ở dự tính thứ ba. Quyết định sau chót xảy ra ngày 24 tháng 7-1942.

Bộ tham mưu khởi sự hoàn tất mọi điểm về một chiến dịch hành quân được gọi là « Operation Torch ». Hoa kỳ nhấn mạnh chiến dịch Torch được phỏng ra không có nghĩa là Round Up bị hủy bỏ. Toan tính chiếm lại Phi châu chỉ được coi như là một chiến dịch phân tán, chiếu

(1) Chiến dịch đồ bộ Normandie, thoát đầu mang một hiệu Round Up, sau đổi thành Overlord.

theo hoàn cảnh cần thiết. Người ta hy vọng nhờ chiến dịch đó, Đồng minh rút ra được nhiều lợi điểm.



Ngày 19 tháng 8-1942 diễn ra chiến dịch người nhái, mục tiêu tấn công là Dieppe. Đoàn quân cảm tử *commandos*, trước đó đã phóng ra một vài cuộc tấn công lẻ tẻ, tại vùng bờ Norvège và quần đảo Lofoten. Bộ chỉ huy Anh coi chiến dịch người nhái Dieppe là một cuộc thăm dò sức mạnh của địch. Không thể coi đó là một cuộc xâm lăng, cũng không phải là một toan tính nhằm tạo một địa đầu chiến tuyến lâu dài. Các nhà chức trách quân sự chỉ muốn thăm dò sức phản kháng của Bức tường Đại Tây dương.

Các toán đồ bộ (phần lớn là binh sĩ Gia nã đại) đã đe lại một con số tổn thất thật đáng nể: Trong số 5.000 lính xung kích, 3.366 người bị giết, bị thương và bị bắt làm tù binh.

Kết quả cuộc thám thính được ghi nhận như sau:

1) Với một tiềm thủy đinh bị hy sinh, người ta tính được con số chiến thuyền tập trung tại ven biển địch, trong suốt một ngày đẹp trời.

2) Hỏa lực của các chiến thuyền dù được tập trung tại một chỗ vẫn không đủ sức khóa miếng các căn cứ phòng vệ địch tại bờ bắc dù chỉ trong thời gian một vài chục phút, cần thiết cho các toán lính đồ bộ vượt qua quãng trống.

Bức tường Đại Tây dương được bảo vệ một cách thật chu đáo tại những vùng xung quanh các hải cảng.

Về phía Đức, tướng Goebbels tuyên truyền àm ỉ, chế nhạo Đồng minh nhân chuyến đồ bộ « hụt » vừa rồi. Nhưng đó chỉ là bịa ngoài. Những hồ sơ, giấy tờ thâu lượm từ những xác chết, những người bị bắt, đã khiến cho giới quân sự Đức hiểu rằng có một điều chí bi ẩn

bên trong cuộc đòn bộ. Mặc dù vậy văn phòng của Hitler-Le vẫn chấp nhận lời giải thích dễ dãi của Goebbels, bởi vì nó phù hợp với những lời huyên hoang của Đức quốc trưởng Fuhrer : Đồng minh sẽ bị đánh bật ra ngoài mặt biển, nếu đại đội tấn công lục địa Âu châu. Trong số những sĩ quan Đức tại mặt trận miền Tây có một vài người không bị chấn thương mắt vì sức mạnh vô biên của chế độ quốc xã. Những người này cho rằng, nếu muốn thực hiện một cuộc đòn bộ, việc phải làm trước tiên của người Anh là chiếm đoạt các hải cảng ở ven biển. Cuộc đòn bộ dù lớn lao cách mấy, vẫn bị hạn chế về phương diện quân số, quân trang, khí giới, đạn dược... Nếu không chiếm được các hải cảng, các toán quân đòn bộ kè như là mồi ngon cho lực lượng ở trên đất liền. Phương pháp ngăn chặn đòn bộ cứ do đó mà suy ra : Tăng viện tối mức tối đa công cuộc phòng thủ của các pháo đài, hải cảng v.v...

Nói tóm lại, Đồng minh lợi dụng nhược điểm của phe mình, tức là bài toán nan giải về trọng tải, và lấy đó làm ưu điểm cần thiết để cho cuộc đòn bộ được thành công. Phía bên Đức, bài toán bị lật ngược trở lại.



Eisenhower rời Luân đôn ngày 5 tháng 11-1942, tới Gibraltar. Trung tâm hành quân của ông ta đặt tạm thời ở phía bên trong một khối đá nổi danh, giữa một vùng đường hầm hành lang (Couloirs caves) mập mờ, tranh tối tranh sáng, nước luôn luôn rỉ ra từ những vách đá. Tám ngày sau, Đại tướng đi Alger để gặp những tướng lãnh hải lục không quân của Pháp, dưới quyền cầm đầu của Đô đốc Darlan. Hai người ký kết một thỏa ước nhằm chấm dứt mọi thái độ thù nghịch giữa người Pháp và đoàn quân viễn chinh Đồng minh.

Ngày 13 tháng Giêng 1943, Tổng thống Roosevelt đáp phi cơ tới Casablanca để gặp gỡ M. Winston Churchill.

Rất nhiều tướng tá Hoa kỳ, Anh, cùng một số nhân vật dân sự, cùng tham dự những cuộc họp diễn ra từ ngày 13 tới 23 tháng Giêng. Trong các cuộc họp, các hội nghị viên tha hồ nói chuyện về hàng trăm kế hoạch đồ bộ Âu châu. Vì bận điều khiển mặt trận Tunisie, Đại tướng Eisenhower chỉ cói tham dự một ngày họp. Người ta hy vọng sẽ có mặt của Thủ tướng Staline, nhưng ông ta không tới.

Tại hội nghị, M. Winston Churchill tán thành một cuộc tấn công tại Balkans, rất cần thiết cho cuộc xâm lấn Bắc Phi. Nếu cuộc tấn công thành tựu, các lực lượng Tây phương sẽ nhở đó kiểm soát tới mãi vùng Đông Âu. Mặc dù sợ làm mất lòng «chú Joe», nhưng Tổng thống Roosevelt rất muốn kế hoạch tấn công qua biển Manche được thực hiện càng sớm càng tốt, dựa vào ý kiến của các tướng lãnh Hoa kỳ, luôn luôn chủ trương : một cuộc đồ bộ như vậy rất là giản tiện mà lại có nhiều hiệu quả.

Cuối cùng, một giải pháp dung hòa được đề ra. Ngay sau khi Bắc Phi được giải phóng, Đồng minh sẽ tấn công Sicile để mở cửa Địa trung hải. Duy có sự kiện này được coi như chắc chắn : Cuộc đồ bộ qua biển Manche bắt buộc phải xảy ra vào mùa Xuân 1944. Không có gì làm thay đổi quyết định đó nữa.

M. Churchill tuyên bố bằng lòng ; với hậu ý : cuộc xâm lăng Sicile tất nhiên đưa tới một cuộc vây lăng Ý đại lợi — và cả hai sẽ làm cho cuộc tấn công tại vùng bờ Balkans trở thành hiển nhiên. Tới khi đó, thế nào Hoa kỳ cũng phải ngả theo kế hoạch đầy cảm đỗ đó.

Một vài dòng chữ trên đây không đủ diễn tả hết sự quan trọng của hội nghị Casablanca. Trên thực tế, đó là một cuộc trình diễn quốc tế, với Tổng thống Roosevelt là ngôi sao sáng hàng đầu *la grande vedette*. Tuy rằng sau này có nhiều người không hài lòng về cách hành động của cố Tổng thống Hoa kỳ ; họ đã lập luận Tổng thống

điều khiển một cuộc chiến tranh trong khi không lo lắng gì cho một kế hoạch hậu chiến. Nhưng nếu người ta đọc lại tất cả những chi tiết về Hội nghị Casablanca, họ sẽ thấy rằng ông ta đã nghĩ chu đáo đủ mọi chuyện. Một trong những ý kiến của Tổng thống trong cuộc Hội nghị đó là : **đã đến lúc chúng ta — những cường quốc — phải nên nghe theo những lời nói của các dân tộc thuộc địa.**

«Ấn độ phải trở thành một tân quốc gia, với tất cả mọi sự cải tổ về văn hóa cũng như về vệ sinh, sức khỏe».

Tổng thống đã nói như vậy, với con trai của ông là Elliotts.

«Nước Pháp phải hàng năm làm báo cáo cho tổ chức Liên Hiệp Quốc về tình trạng các quốc gia thuộc địa hiện được đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp. Tình trạng nhân sinh : cuộc tranh đấu chống nạn mù chữ, giảm số người chết, chống nạn bệnh tật, nghèo đói, thất nghiệp... sau đó, các quốc gia thuộc địa, trên đà tiến bộ, có quyền thuỷ đoạt lại nền độc lập của quốc gia đó ».

Ông ta bảo con trai :

«Con hãy coi xứ Đông dương. Thuộc địa đó ngày nay ở dưới quyền kiểm soát của Nhật bản. Nhưng tại sao người Nhật lại có thể vừa chắc chắn vừa dễ dàng chiếm đoạt Đông dương từ tay người Pháp ? Bởi vì, dân chúng vùng đó, bị áp bức, nộp lệ đến nỗi phải thốt lên : Gi cũng được miễn thoát khỏi tay người Pháp. »

Ông ta cũng tiên đoán một cuộc chiến tranh khác sẽ xảy ra nếu L.H.Q « mặc tình để cho hàng triệu con người lại rơi vào chế độ « semi-esclavage coloniale ». (Nô lệ thuộc địa trái hình).

Tổng thống một bữa cho mời quốc vương Maroc và, trong bữa tiệc, ông ta đã tố cáo các nhà tư bản Pháp — Anh chỉ tìm cách chiếm đoạt sự giàu có của các quốc gia như Maroc. Tình trạng đó phải được thay

đòi. Sau khi chiến tranh kết liễu : các công ty thương mại Hoa kỳ sẽ giúp đỡ Maroc bằng cách đấu thầu đầu tư, để hoạch định một kế hoạch phát triển, nâng cao mức sống của dân chúng trong nước. Quốc vương Maroc tỏ vẻ chú ý đến ý kiến của Tổng thống Hoa kỳ. M. Churchill, cũng hiện diện ở trong bữa tiệc, đã cố gắng tìm cách hướng cuộc nói chuyện qua một ngã khác.



Trong một cuộc họp báo, Tổng thống Hoa kỳ tuyên bố cùng các phóng viên, Đồng minh sẽ theo đuổi cuộc chiến cho tới khi nào Đức, Ý, và Nhật bản phải « đầu hàng không điều kiện ». Đó là lần thứ nhất công thức « đầu hàng không điều kiện » được Tổng thống Hoa kỳ chính thức đem ra sử dụng và tuyên bố cùng báo chí. Đó là một quyết định mãnh liệt về phương cách chấm dứt cuộc chiến. Tất cả thế giới đều bằng hoảng. Đức quốc, Nhật bản... cũng phải thay đổi cách đối xử đối với dân chúng các quốc gia bị họ chiếm đóng. Sau này, Tổng thống Hoa kỳ xác nhận ông ta đã phát biểu câu nói trên một cách thực hoàn toàn bất ngờ, không có dự định trước. Tuy nhiên, một vài sứ giả, thí dụ như Robert Sherwood, đã quả quyết câu nói trên được sửa soạn chu đáo từ lâu. Bởi vì, một khi tuyên bố sẽ đánh quân địch tới độ « nốt ao », Hoa kỳ vừa « trấn an » Stalin vừa đầy mạnh tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội Đồng minh. Chester Wilmot, một sứ giả khác, tác giả cuốn *La lutte pour l'Europe*, đã viết : « Lời tuyên bố trên đã làm cho dân chúng Đức tuyệt vọng vì không còn có cách nào trốn khỏi Hitler ». Tướng Goebbels đã khai thác lời tuyên bố của Tổng thống Hoa kỳ. Ông ta bảo động cho dân chúng Đức hay, Đồng minh không những chỉ muốn tiêu diệt chế độ quốc xã không thôi, nhưng còn muốn xóa luôn nước Đức. Và dân chúng Đức chỉ còn một hy vọng độc nhất : chiến đấu cho tới cùng.

Trong thời gian đó, Eisenhower chỉ huy mặt trận Bắc phi. Lần thứ nhất Ông ta đóng vai trò chỉ huy tối cao, điều khiển một chiến tuyến quá rộng lớn. Khó khăn đầu tiên : làm sao cho các binh sĩ, sĩ quan thuộc nhiều quốc gia khác nhau chịu nghe theo mệnh lệnh của cá nhân Ông ta và cùng sát cánh chiến đấu. Ông ta đã dễ dàng vượt qua thử thách trên đây. Đó là một dịp để cho Ông ta chứng tỏ, ngoài tài năng chiến lược, Ông còn là tay ngoại giao cừ khôi : Hai điều kiện cần thiết mà một vị chỉ huy một chiến dịch lớn lao, vĩ đại như chiến dịch «Overlord», bắt buộc phải có.



Ngày 30 tháng Giêng năm 1943 là kỷ niệm thứ mươi ngày Hit-Le nắm chính quyền. Thống chế Goering, theo đúng quan cách lễ nghi, sẽ lên tiếng ở trên Đài phát thanh vào lúc mươi một giờ. Nhưng tới đúng lúc đó, một «đám mây» phi cơ Anh «Mosquitoes» (một đám muỗi thì đúng hơn) bay tới tham dự cuộc trình diễn trên không phận Bá Linh. Còi báo động vang lên. Bài diễn văn dành bị hủy bỏ.

Goering bèn thay vào đó bằng một lời đe dọa :

— Một vài người trong... các Ông chắc đã tự hỏi tại sao phi cơ Anh có thể bay tới quấy nhiễu chúng ta, vào giờ phút này ; và cớ sao chúng ta không chịu đáp trả lại ? Đây là câu trả lời của tôi : Ngày nào mà ô kháng chiến cuối cùng của tôi Bên xé vich đã bị quân ta xé nát, khi đó, cuộc trả thù khủng khiếp sẽ giáng xuống. Tôi hứa trước với các Ông như vậy ! »

Tới 16h, đến lượt Goebbels cầm chiếc micro lên, nhưng chỉ được một vài phút, bởi vì một đám muỗi Mosquitoes khác lại bay tới quấy nhiễu Bá Linh.

« Mosquitoes XVI », dưới quyền điều khiển của Haviland, gồm những pháo pháo cơ loại nhẹ, chỉ có thể mang được 1.800kg bom. Cuộc không tập ngày 30 tháng

Giêng thực ra, chỉ có tác dụng tâm lý. Nhưng, nó còn có một giá trị tượng trưng, vì đã đánh dấu ngày phát động chiến dịch được đặt tên là « kế hoạch Anfa », theo đó, Đức quốc và các vùng đất bị chiếm đóng sẽ thường trực bị phi cơ Đồng minh chiếu cố, coi như để sửa soạn cho cuộc đổ bộ sắp xảy ra. Tối thiểu, mỗi ngày Âu châu phải được tưới trên một ngàn tấn bom ; theo đúng quy ước : Hoa kỳ bắn đêm còn Anh quốc ban ngày. Những phi cơ phát xuất từ các căn cứ khác nhau, cùng tuân theo những chỉ thị về chi tiết chuyến bay do một hệ thống vô tuyến điều khiển cùng tập trung về một địa điểm và sau đó cùng bay tới mục tiêu dội bom. Công tác chấm dứt, các phi cơ, từng chiếc bay về căn cứ đầu tiên, và tự do xoay sở nếu có phi cơ địch bay lên cản đường.

Hệ thống không lưu do các phi cơ RAF sử dụng, kể từ tháng 3-1943, mang mật hiệu « Oboe ». Theo đúng kế hoạch, mỗi phi cơ sẽ do hai đài vô tuyến đặt dưới đất chỉ dẫn chi tiết chuyến bay. Một đài vô tuyến mang tên « Chat » (Mèo) và đài kia « Souris » (Chuột). « Mèo » điều khiển, còn « Chuột » xác định vị trí của mỗi phi cơ. Nếu phi cơ đang bay đúng đường, « Mèo » sẽ phát ra một làn sóng âm thanh « u u » liên tiếp, không ngắt quãng. Nếu phi cơ lệch qua trái, phi công sẽ nghe những âm thanh « tạch té » như ám hiệu Morse. Nếu lệch qua phải, những âm thanh dấu chấm : « Tin tin tin ». « Chuột » sẽ nhận những âm thanh trên, do phi cơ phát thành lại, và do đó tính ra vị trí của phi cơ. Khi tới gần mục tiêu, phi công sẽ nhận được 1 ám hiệu đặc biệt do « Mèo » phát ra. Đó là ám hiệu ra lệnh sửa soạn, sẵn sàng dội bom. Còn cách mục tiêu 8 phút, ám hiệu bốn chữ B liên tiếp. Còn 5 phút : bốn chữ C. Ám hiệu ra lệnh dội bom : Năm chấm « tạch », một « té ».

Hệ thống chỉ dẫn kể trên có điều bất tiện : Không điều khiển được nhiều phi cơ cùng một lúc, Nhầm cài

thiện, RAF bèn tung ra kế hoạch dùng phi cơ «dẫn đường» (*Pathfinder, éclaireurs*). Những phi cơ dẫn đường sẽ do «Oboe» điều khiển, và thả xuống vùng chung quanh mục tiêu những trái bom hỏa châu, chiếu sáng nơi sắp bị ăn bom.

Phi cơ Hoa kỳ bay thành từng toán, các phi công liên lạc bằng radio với phi cơ trưởng đoàn. Phi công trưởng đoàn có nhiệm vụ hướng dẫn, ra lệnh đội bom và trở về căn cứ. Phi cơ trưởng đoàn tới gần mục tiêu nhờ một hệ thống không lưu «Loran», giống như «Oboe» của RAF, tuy hơi khác một chút. Phi công trưởng không phải tuân theo sự điều khiển những ám hiệu, nhưng chỉ dựa theo đó để xác định vị trí của phi cơ bằng cách chiếu theo những bản đồ đặc biệt mang theo bên mình. Khi nào phi công trưởng «nghe rằng» mình đang ở trên mục tiêu ông ta bèn ra lệnh cho các phi công đồng đội lần lượt lao xuống tấn công.

Nguyên tắc của không lực Hoa kỳ : các phi cơ đội bom vẫn nặng nề, cho nên luôn luôn có những chiếc phi cơ hộ vệ bay theo sát bên.



Thiết tưởng độc giả (vốn tinh tò mò) cũng nên biết qua về một vài «mật hiệu» Đồng minh sử dụng trong thời kỳ đệ nhị thế chiến.

Một trong những mật hiệu kỳ cục là : COSSAC. Đó là chữ dùng để chỉ Bộ tham mưu hổn hợp Anh — Hoa kỳ trong lúc điều khiển các cuộc hành quân tại Phi châu và Siale. Cossac có nghĩa là : *Chief of Staff, Supreme Allied Commanders*. (Tạm dịch : Tổng tư lệnh quân đội Đồng minh). Chắc bạn đọc sẽ hỏi ai là người lãnh chức Tổng tư lệnh ? Chẳng có ai cả ! Chưa ai được chỉ định chức đó, nói như vậy đúng hơn. Một khi đã được chỉ định, viên tướng lãnh chức này sẽ thấy ngay trên bàn làm việc của mình tại Luân đôn, một kế hoạch

hành quân, và chung quanh ông ta sẽ có một số người hiểu biết cẩn kẽ về kế hoạch kẽ trên. Tùy ông ta, hoặc theo đúng kế hoạch, hoặc đảo lộn tất cả, và bắt đầu lại từ đầu, thay đổi mọi công sự viễn v.v... Sau này, người mang tên Cossac là Đại tướng Sir F. Morgan.

Một ám hiệu khác cũng không kém kỳ cục : X. Bộ tham mưu hành quân X.

X được thành lập vào tháng Tư 1943, lúc đầu gồm toàn là người Anh ; mục đích nghiên cứu phần dưới biển của cuộc đổ bộ.

Kế hoạch Cossac quan trọng nhất ở điểm này : Binô sĩ tham gia cuộc xâm lăng Âu châu sẽ được đổ bộ xuống bờ biển nước Pháp, ở giữa Orne và Vire.

Địa điểm trên đây được chọn vì những lý do :

1.— Lực lượng phòng thủ của Đức tại vùng đó tương đối yếu, so với các vùng bờ kè khác, nhất là so với Pas-de-Calais.

2.— Theo những tin tức tình báo do các điệp viên Đồng minh và do kháng chiến Pháp cung cấp, Bộ chỉ huy Đức chỉ chăm chăm nhìn về có mỗi một nơi : Pas-de-Calais (1).

3.— Bán đảo Cotentin sẽ là nơi trú ẩn chống lại những luồng gió Tây rất dữ dội.

4.— So với các nơi khác, vùng Tây bắc nước Pháp dễ trở thành 1 hòn đảo cô lập, sau những cuộc oanh tạc của phi cơ Đồng minh, nhắm vào các hệ thống giao thông.

Tháng 7-1943, tại Quebec, kế hoạch Cossac được trình lên Tổng thống Roosevelt và Thủ tướng Churchills. Ngoài hai vị nguyên thủ, một số đồng các tướng lãnh

(1) Pas de Calais : Đường bờ nối Anh và Pháp lại chỗ này ngắn nhất so với các nơi khác trong biển Manche (CTND).

Anh quốc và Hoa kỳ cũng được phép tham dự cuộc biểu quyết. Kết quả : kế hoạch được chấp thuận. Cuộc xâm lăng Âu châu qua biển Manche được đặt tên chính thức là chiến dịch « Overlord ».

Những hoạt động trên mặt biển của « Overlord » được gọi là « chiến dịch Neptune ».

Cho tới giờ phút đó, chức vụ chỉ huy tối cao chiến dịch Overlord vẫn chưa được chỉ định. Viên tướng lãnh trách nhiệm sửa soạn, phát động chiến dịch Neptune được chỉ định ngày 20 tháng 10-1943. Đó là Đô đốc Sir Bertram Ramsay, người đã tổ chức cuộc di tản quân Anh tại Dunkerque. Sau khi được chính thức trao phó chức vụ chỉ huy lực lượng hải quân Đồng minh (trong các hồ sơ quân sự, chức vụ mới này mang một cái tên tắt rất khó đọc ; ANCXF) đô đốc Ramsay bèn nắm ngay lấy *État major X* (Bộ tham mưu X) và tăng cường thêm bằng cách đây một viên tướng vào trong đó : Phó đô đốc Alan G. Kirk. Ông này về sau được chỉ định chỉ huy lực lượng *task force* của Hoa kỳ tham dự cuộc đổ bộ xâm lăng Âu châu.

Đã có phụ tá cõi ván người Mỹ rồi, đô đốc Ramsay chỉ còn một việc phải làm, là đây mạnh công cuộc sửa soạn, chờ ngày phát động chiến dịch Neptune.



CHƯƠNG 3

NHỮNG HẢI CẢNG NHÂN TẠO

VÀO KHOÁNG THÁNG 9-1943, MỘT BUỒI SÁNG, THIẾU tướng Taylor, thuộc Royal Naval Resere nhận được một bức thư của Bộ Tổng tư lệnh Hải quân. Mở thư đọc, Thiếu tướng thấy mình được lệnh trình diện Bộ tham mưu ANCXF (Bộ chỉ huy lực lượng Hải quân viễn chinh Đồng minh : Allied Naval Commander Expeditionary Force). Lúc đầu coi bộ ông ta thất vọng, bởi vì Thiếu tướng Taylor chỉ mong được hoạt động ở trên mặt biển. Nhưng sau đó ông ta lại nôn nao, muốn rời ngay đơn vị mới. « Đồ bộ, xâm lăng Âu châu ! Đâu phải một việc làm bình thường ! »

Và ông ta đáp xe lửa đi Luân đôn.

Jiên sĩ quan có nhiệm vụ tiếp đón chỉ dẫn, nói ngay với thiếu tướng :

- - Thiếu tướng sẽ làm việc tại sở Gooseberries. (1)

-- Tên chi nghe kỳ cục vậy ? Liệu có phải sở tiếp tế, tiếp liệu gì đó không ?

— Vì chỉ huy trưởng sẽ giải thích cho thiếu tướng rõ. Xin thiếu tướng đợi một chút. Ông ta 'vội liền bây giờ.

Nửa giờ sau, viên Chánh sở tới. Một Trung tướng.

— Hân hạnh gặp anh. Taylor ! Anh sẽ là sĩ quan « Gooseberry ». Chắc anh không biết ý nghĩa của cái tên quái quỉ đó, cũng như không biết công việc ở đây ra sao, phải vậy không ?

— Thưa vâng, đúng thế !

— Được rồi, đi theo tôi ! Lối này !

Vì trung tướng đầy cửa bước về một văn phòng khác. Ông ta uốn với một viên sĩ quan đang ngồi sau một chiếc bàn

— Đưa cho tôi chìa khóa số 24.

— Thưa có ngay. Xin Trung tướng ký vô đây.

Sau khi ký nhậm, ông ta kéo Taylor đi dọc theo mấy hành lang.

— Lại đây !

Hai người đi vô một căn phòng tối om. Viên tướng mở đèn neon, đóng cửa khóa lại, rồi bỏ chìa khóa vào trong túi. Taylor ngó lên trần nhà dày bụi, nhìn ra mấy chiếc cửa sổ đóng kín mít. Trước mặt ông ta là một tấm rideau vải đen, trông thật dơ dáy, bụi bặm.

-- Không có một người giúp việc nào được phép vô đây. Như vậy cho tiện !

Viên tướng kéo tấm rideau qua một bên, để lộ ra một chiếc bàn thật rộng, trên mặt bàn là một mô hình phong cảnh, màu sắc lóng lẫy, mặc dù đã có một lớp bụi dày phủ lên.

Gooseberries : Phúc bồn tử một thứ trái cây dùng làm mứt, rõ.

Mô hình trình bày một vùng biển, sóng vỗ nhấp nhô, bãi cát chạy dài, và những mái nhà, cây cổ ở phía đằng xa, bên trên đất liền.

Mặt biển không vắng hoe nhưng chỉ chít những bóng tàu. Những chiếc tàu vận tải nằm ngoài xa. Những chiếc tàu hả mòn (dùng trong việc đồ bộ) chạy ngược chạy xuôi, giữa lớp tàu lớn và bờ biển.

Taylor không tỏ ra ngạc nhiên khi nhìn thấy mô hình tượng trưng cho cuộc đồ bộ. Việc đó phải được bàn tính từ lâu rồi. Nhưng nhìn kỹ mô hình, Taylor cảm thấy có một sự lạ : xa hơn, vượt ra ngoài tầm đập của những chiếc thuyền vận tải, một con đê khúc khuỷu, đứt đoạn. Ngoài con đê, Taylor nhận thấy còn : một con đường khác nữa, hành như do những chiếc thuyền nằm sát bên nhau, ông ta chỉ nhìn thấy lờ mờ những ống khói, vượt lên trên lớp sóng biển nhấp nhô.

— Vậy giờ anh đã hiểu chưa ?

— Không rõ lắm. Hiểu lơ mơ, đại khái thôi !

Trên mô hình cũng như trên mặt bàn không có một dòng chữ chỉ dẫn nào cả. Đưa mắt nhìn lên phía trên, Taylor thấy một tảng biển nhỏ (đầy bụi), mang một hàng chữ :

« Kế hoạch này được coi như chìa khóa mở cánh cửa chính đưa đến sự thành công của chiến dịch Overlord. »

(Trích bản tường trình của Ủy ban phản đối kế hoạch)

Viên trung tướng lấy ngón tay chỉ mô hình :

— Những căn nhà nhỏ thuộc vùng Arromanches, Còn đây là bãi biển, nơi một vài gia đình người Pháp thường tới nghỉ hè trong thời kỳ bình an. Còn kia là một cảng nhân tạo, một sáng chế độc đáo đang được hoàn thành ngay tại nước Anh, rải rác mỗi nơi một cái. Đó là một bến cảng nồi, tiêu chế.

Tới đúng lúc đồ bộ, chúng ta sẽ móc nó vô sau mây

chiếc tàu rời kéo những chiếc hải cảng nhân tạo đó vượt qua biển Manche.



Ai là người nghĩ ra cái sáng kiến quái quỷ đó ?

Sau này Đại tướng Eisenhower đã kể lại : « Lần đầu tiên, tôi được nghe nói tới dự tính trên, đó là mùa Xuân 1942. Và người đưa ra ý kiến là đô đốc Mountbatten ».

Có thể Đại tướng đã làm một năm. Tất cả những nhân vật cao cấp tham dự cuộc chiến và sau đó kể lại trong những cuốn Hồi ký do họ là tác giả, đôi khi họ đã làm lẩn về một số chi tiết. Chuyện này quá dễ hiểu phải không các bạn ?

Trên thực tế, sau khi xảy ra vụ người nhái (mà chúng ta đã biết ở trên ; xảy ra ngày 19 tháng 8-1942 tại Dieppe) các chuyên viên chiến lược tại Bộ tham mưu soạn thảo kế hoạch hành quân, khi đó họ mới hiểu vấn đề « hải cảng » là một trong những bài toán gai góc, khó « nhai » nhất.

Ngay khi bắt đầu đồ bộ, làm cách nào chiếm liền mấy hải cảng của Đức, vốn được bảo vệ hết sức là chua đáo ?

« Chiếm ngay được », khó thật. Nhưng nếu chiếm đoạt một pháo đài phòng thủ hay (một hải cảng đã ở trong tình trạng đồ nát, như vậy cũng vô ích. Trước khi rời khỏi nơi đó, các toán lính Đức phòng thủ pháo đài sẽ phá hủy tất cả những gì còn có thể đem ra sử dụng.

Người ta đã tính, trong những ngày đầu tiên của cuộc xâm lấn, mỗi ngày phải đồ bộ cỡ 12.000 tấn đồ dùng, thực phẩm, và 2.500 tấn xe cộ đủ loại ; đấy là chưa kể những toán quân tăng viện. Mức độ kể trên phải được giữ nguyên, hoặc tăng thêm, chứ không được giảm (trừ ra, nếu cuộc đồ bộ thất bại) trong suốt thời gian kể từ ngày J + 90. Nhưng làm cách nào hàng ngày có đủ số nhu cầu cần thiết kể trên ? Lấy ở đâu ra ?

Hiện nay chúng ta đã biết rõ về phương cách chế tạo những căn nhà tiền chế, và không còn ai ngạc nhiên về chuyện này nữa. Nhưng vào thời kỳ đó, ý nghĩ chế tạo sẵn một số hải cảng từ bên Anh rồi đem qua biển Manche, đặt vô những địa điểm đã định trước, ý nghĩ trên quả là thần diệu !

Những sự kiện kè trên cho thấy, người đầu tiên đưa ra sáng kiến « hải cảng nhân tạo », người đó là Tư lệnh Hải quân J. Hugues Hallet. Hình như ông ta đã nảy ra ý nghĩ thần diệu trên đây khi là chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy X, cỡ tháng 4, tháng 5-1943. Cũng có thể ông ta đã nghiên ngẫm dự tính trên từ lâu, và có nói qua với Lord Mountbatten, vào lúc mà hai người cùng làm việc tại Bộ chỉ huy chiến dịch hành quân hỗn hợp.

Sáng kiến « hải cảng nhân tạo », được nghiên cứu một cách thật cẩn thận, bàn đí tính lại trong một cuộc hội họp tại Luân đôn, dưới quyền chủ tọa của Lord Mountbatten, sau đó được chuyển lên các tướng lãnh chỉ huy các cuộc hành quân hỗn hợp bắn doanh đặt tại Quebec, và đang có nhiệm vụ nghiên cứu, soạn thảo kế hoạch Cossac.

Mấy ông tướng khoái quá là lên:

— Hay lắm ! Nhờ cái này mà chúng ta giải quyết được tất cả những khó khăn nan giải, gần như không sao vượt qua nổi ! Nhưng các ngài đã hỏi qua ý kiến của các chuyên viên xây cất chưa ?

Mấy tướng lãnh Hoa kỳ lên tiếng :

— Tại Hoa kỳ có rất nhiều chuyên viên về vấn đề này. Hãy để cho họ « check » kiểm soát lại dự án này.

Kế hoạch được bay đi bay lại giữa Anh, Hoa kỳ và Gia nã đại. Sau chót, một bản tường trình đúc kết những ý kiến khác nhau của các chuyên viên ba nước, được chuyển tới các tướng lãnh chỉ huy. Sau khi đã trình qua Hoa Thịnh Đốn, họ chấp nhận. Kế hoạch đè ra

Cần phải xây cất những «hải cảng nhân tạo» càng sớm càng tốt.

Viên trung tướng nói với Taylor :

— Hai cái như vậy hiện đang được xây cất. Chúng tôi gọi nó bằng cái tên Trái Dâu *Mulberry*. Cái mà anh nhìn thấy trên mô hình, phía đằng trước bãi bờ Arromanches đó là *Trái Dâu B*. Cái kia, *Trái Dâu A* sẽ được đặt ở mãi phía Tây, đằng trước bãi bờ Saint-Laurent. Còn đây là vật liệu dùng để chế tạo *Trái Dâu*.

Ông ta cầm một chiếc thước kẻ để trên mặt bàn, bên cạnh mô hình, rồi chỉ về phía mặt bờ làm bằng thạch cao màu xanh

— Phía ngoài *Trái dâu* có một dãy phao nổi, làm thành một con đường dài. Thực ra đó là một cái đập chặn sóng thì đúng hơn. Những phao nổi này gọi là *Bombardons*. Phần đáy chìm dưới nước dày độ 18m. Bên trong con đập chặn sóng đó là «hải cảng nhân tạo». Bạn thấy giống như những con đê bao bọc một vùng nước biển. May con đê đó, hiện đang được chế tạo tại đây, tại nước Anh. Chúng làm bằng những chiếc «thùng» bê tông, có thể nổi lên trên mặt biển. Sau khi kéo chúng qua biển Manche tới 1 địa điểm đã định sẵn, bây giờ chúng ta mới ráp lại cho nổi gần bên nhau, hợp thành «hải cảng nhân tạo». Những khối bê tông được đặt tên là *Phượng Hoàng*

— Còn những chiếc tàu gầm chìm, chỉ nhô lên những chiếc ống khói, cột buồm kia... ?

— Đè đó, lát tinh sau. Đừng quên *Phượng Hoàng*. Mỗi *Trái Dâu* to gần bằng chu vi hải cảng Douvres. Anh thử tưởng tượng phải cần bao nhiêu *Phượng Hoàng* cho *Trái Dâu* ?

— Thưa không, nhưng tôi nghĩ cái đó tùy theo khuôn khổ của *Trái Dâu*, hải cảng nhân tạo. Chắc là sẽ có rất nhiều khuôn khổ, hình dạng...

Viên trung tướng lại dùng chiếc thước chỉ lên mô hình :

— Bạn thấy không những chiếc thùng bê tông nồi ở phía bên ngoài, xa bờ bờ, chúng phải lớn hơn những cái ở gần bờ. Người ta đã tính, cần phải có 6 khuôn khổ khác nhau. Cái lớn nhất chưa được cỡ 8044 tấn hàng ; cái nhỏ nhất, 1.872 tấn. Như vậy sẽ phải có 60 cái 8.044 tấn. Trên lát, cần phải có 146 (Phượng Hoàng) cho hai Mulberry. Vật liệu cần thiết dùng trong việc chế tạo 146 Phoenix là : 275.000 m³ bê tông, cần nồng cở chừng 600.000 tấn, 31.000 tấn thép ; một triệu rưỡi mét vuông (1.500.000 m²) tôn lượn sóng. Chắc anh ngạc nhiên tại sao tôi nhớ rõ từng con số như vậy ? Vài ngày nữa, anh cũng như tôi. Ngoài ra, chúng ta còn phải nhớ nhiều thứ khác...

— Tôi cũng mong được vậy. Theo ý tôi, trước khi được ráp thành một hải cảng nhân tạo, những Mulberry trong lúc lênh đênh trên mặt biển, trông giống như một hạm đội (fleet armada) với 146 chiếc thùng khổng lồ vượt qua biển Manche.

— Đúng thế. Một thùng bê tông át cả trong chặng khác chỉ một chiếc thuyền. Một chiếc thuyền không máy móc, không rò mạc, nhưng gồm có một dài chỉ huy với thủy thủ đoàn, một khẩu đại bác Bofor một kho dự trữ súng ống, đạn dược... Đến tối, những Phoenix được thả trong vòng lô phai, khi đó, hạm đội biến thành một hải cảng nhân tạo.

— Còn máy con để nối liền bờ biển và trung tâm hải cảng nhân tạo.

— Đó là con đường gốm bộ, những chiếc cầu nồi.

Lệnh cho phép bắt đầu sản xuất Phoenix ban ra vào cuối tháng 10-1943. Không thể nào sản xuất tại Hoa Kỳ, bởi vì cuộc cu ngoạn của thám đội Phoenix từ Hoa Kỳ qua Đại Tây Dương, tới Anh, cuộc du ngoạn đó vừa khó khăn vừa dài hơi một thời gian dài. Hơn nữa, chiếc

chắn Đức quốc sẽ không bỏ qua một cuộc trình diễn dèn dáng ở trên mặt biển.

Hai mươi ngàn người thợ được trưng dụng ; vài trăm viên kỵ sĩ, họa viên... tất cả đều chui đầu làm việc. Anh quốc đúng là 1 bàn đạp đồ bộ, nhưng bàn đạp này nhỏ quá. Ngay cả việc kiếm cho đủ những chiếc sân cần thiết cho việc chế tạo *Phoenix*, vậy mà không kiếm ra. Con số cơ xưởng tại Anh quốc quá ít so với con số *Phoenix* cần được đóng gấp.

— Nếu không có đủ sân xây cất *Phoenix*, tại sao chúng ta không xây cất những cái sân trước đã, rồi tới lượt *Phoenix* sau ?

Thoạt nghe, ai cũng tưởng người nói điện rồ. Nhưng sau khi giải thích, mọi người đều phải phục ý kiến thần diệu kề trên.

Một buổi sáng tháng 11, những dân cư ở hai bên bờ sông Tamise thấy một đám chuyên viên lũ lượt đi về phía sông, khiêng theo một lô máy móc. Họ đào những chiếc hố thật lớn, trông như những cái ao. Đó là những cái sân dùng trong việc xây cất *Phoenix*. Những người thợ chỉ việc nhảy xuống ao và khởi sự nhào xi măng, xây *Phoenix*. Có một bất tiện : Nước sông Tamise nhỉ qua ao. Một đám thợ bơm được kêu tới. Họ cũng làm việc ngày đêm như những người thợ xây cất *Phoenix*.

Sau khi một *Phoenix* coi như được hoàn tất, các người thợ bèn phá một con đường dẫn nước sông Tamise vô trong ao. *Phoenix* nồi lên rồi theo con đường dẫn nước trôi ra mặt sông.

Sau đó, lại đào một cái ao khác, tiếp tục sản xuất *Phoenix*.

Viên trung tướng nói tiếp :

— Tất cả những gì tôi vừa giải thích thật ra không được rõ ràng cho lắm. Trên thực tế, vấn đề ráp các «*Phoenix*» lại thành một *Mulberry* không thể làm ngay một

lúc. Công việc đó đòi hỏi ít ra mười ngày trời. Ngoài ra lại còn phải chế tạo 11 km cầu nồi. Khó nhất là những đầu cầu nồi ; phải làm sao cho chúng lén xuống theo cùng với mức nước thủy triều. Công việc nói trên lại càng không thể bắt đầu vào đúng ngày 1. Làm cách nào thả xuống biển cả ngàn tấn thép, bê tông giữa làn mưa đạn của quân địch, trong khi đó, lại còn phải thả hàng trăm chiếc xuồng đổ bộ nữa ?

Đây là cách giải quyết vấn đề :

— Ngay sau khi cuộc đổ bộ vừa mới bắt đầu, và trước khi khởi sự dựng những chiếc *Mulberry* ở trên mặt biển, chúng ta phải đánh chìm một số tàu cũ ở ngay trước bờ biển. Mấy xác tàu cũ này sẽ là bức thành bảo vệ cho những chiếc xuồng đổ bộ.

Những bức tường trú ẩn lain bằng các xác tàu được đặt tên là *Gooseberry* (1). Có 5 cái tất cả. Mỗi bờ biển một cái. Varreville, St. Laurent, Arromanches, Courseulles, Ouistreham. Hai cái *Gooseberry* ở St. Laurent và Arromanches sau đó sẽ được hợp lại thành một phần của hải cảng nhân tạo *Mulberry*. Mấy cái kia được để nguyên, coi như những bức tường trú ẩn. Trước mặt anh là *Gooseberry* ở Arromanches. Bạn chỉ nhìn thấy những ống khói tàu, cột buồm của mấy chiếc tàu lớn bị đánh chìm. Chắc bây giờ bạn hết thắc mắc rồi ? Đến lúc chúng ta bắt tay vào việc.



Tại Bộ chỉ huy hải quân ai nấy đều sững sờ khi nhận được bức điện của đô đốc Ramsay, xin cung cấp 66 chiếc tàu, cần dùng cho việc đổ bộ. Chúng có nhiệm vụ tự động chìm xuống dưới đáy biển, tạo bức tường thành che chở các xuồng đổ bộ.

(1) Trái phúc bồn tử, dùng làm mồi.

Ngay từ hồi đầu cuộc chiến, Anh quốc gần như đã tận dụng mọi khả năng chuyên chở. Cho tới khi cuộc đổ bộ được sửa soạn, mọi phương tiện chuyên chở đều được sử dụng tới mức tối đa. Nhiều chiếc tàu đã hư hỏng, sắp sửa phế bài, nhưng cũng lôi ra sửa chữa, cố gắng xài tiếp. Thành thử khi Bộ tư lệnh ANCXF đưa ra lời hô trên đây, mọi người đều nghĩ rằng đô đốc Ramsay chắc đã phát điên !

Sau khi bìn tinh, Bộ Tư lệnh Hải quân bèn làm 1 danh sách những chiếc tàu bị hy sinh. Tất cả có 60 chiếc. Danh sách nói trên phải qua sự kiểm soát của Bộ trưởng Vận Tải, trong thời kỳ chiến tranh, và của Hoa kỳ, cơ quan Us Shipping Board

Một số chuyên viên lãnh trách nhiệm chỉ định coi những chiếc tàu nào được vinh dự đánh chìm, những chiếc blockships. Trong số những chiếc tàu quá cũ, họ chọn được 18 tàu buôn Anh, 24 tàu Hoa kỳ, Gia nã đại, 3 tàu Hy lạp, 2 tàu Norvège, 1 tàu Hà Lan, 1 Thụy Điển, 1 Pologne. Ngoài ra còn có thêm 4 chiếc chiến thuyền : chiếc Centurion của Anh, được hạ thủy từ năm 1911, chiếc Courbet của Pháp, 1911 ; Simatra của Hà Lan, 1920. Durban của Anh, 1919.

Lẽ tự nhiên, những thương thuyền có tên trong danh sách blockships ở trên, từ thuyền trưởng cho tới thủy thủ đoàn không ai ngờ rằng tàu của họ được vinh dự «đóng chìm». Ngay khi chiếc tàu vừa cập bến, một toán thợ nhảy ào lên tàu, để săn sóc chiếc cổ «con vật tế thần». Viên thuyền trưởng ngạc nhiên chạy tới là, các người có điên hay không ?

— Không đâu. Chúng tôi thi hành lệnh trên !

Một lát sau, một viên cơ quan thuộc Royal Navy Reserve (1) tới xin ý kiến vị thuyền trưởng chiếc tàu «gấp nạn» đó

(1).Royal Navy Reserve:

Lực lượng Trợ bị Hải Quân Hoàng Gia
(CTND)

— Tôi từ Luân đôn tới để giải thích cho ngài thuyền trưởng về quyết định đặc biệt đối với chiếc tàu của ngài...

Mấy người thợ trước tiên cắt bỏ những lỗ thông hơi tại những vách ngăn, rồi đặt chất nổ ở dưới hầm tàu. Viên thuyền trưởng sau đó sẽ đưa chiếc tàu tới 1 hải cảng đã được chỉ định, và thả neo nằm chờ công tác đặc biệt. « Tôi không thể nào nói trước cho ngài hay về công tác đặc biệt này, nhưng chỉ có thể cho ngài biết đại khái, công tác đó nằm trong Kế hoạch V.

« Kế hoạch V » thực ra chỉ là một đề nghị các vị thuyền trưởng, thủy thủ tàu buôn ký với một tờ cam đoan sẵn sàng tham gia bất cứ một công tác nào liên quan tới công cuộc giải phóng Âu châu. Bên ngoài bìa cuốn sổ lương俸 của người nào chấp nhận ký với tờ cam đoan có đóng một con dấu mang hình chữ V to tướng.

Viên đại úy thuyền trưởng chiếc tàu vừa kè trên, mặc dầu chấp nhận hy sinh nhưng tỏ ra không được hài lòng cho lắm. Ông ta biết chắc đây là chuyến đi cuối cùng của chiếc tàu tuy cũ nát nhưng đã quá quen thuộc đối với ông và thủy thủ đoàn. « Thà rằng hy sinh một chiếc thuyền mới hạ thủy còn hơn chiếc này », đó là ý nghĩ của ông và đa số thủy thủ trên tàu. Tất cả đều mong mỏi sẽ ở trên thuyền tới phút cuối cùng.

Đối với những thủy thủ đoàn từ chối không ký, chiếc thuyền của họ được chuyển giao cho một thủy thủ đoàn tình nguyện.

Những chiếc *blockships* sau đó được tập trung tại các hải cảng Methil, Oban thuộc xứ Tô cách Lan. Thủy thủ trên tàu bị cấm phép, vì lý do bí mật quân sự; trong nhiều tuần lễ trước khi xảy ra ngày J. Có 2 thủy thủ tuy tình nguyện, nhưng chịu không nổi cảnh chờ

Đội nên đã đào ngũ. Bộ tham mưu X lén ruột ! Nhưng họ chỉ còn có cách cầu nguyện Thượng đế sao cho hai người đó bị « câm » để bí mật đừng bị phát giác ! Để phòng ngừa tình trạng đào ngũ tái diễn mấy người Hoa Kỳ bèn cho đặt 1 chiếc máy chiếu phim « cinéma » giúp vui đám người bị giam lỏng.

Có thể nói, gian hàng bắn *Trái Dâu* và *Trái Phúc Bồn Tử* (Mulberry và Gooseberry) tức sở « hải cảng nhân tạo », là một trong tổ chức vĩ đại nhất, ly kỳ nhất nằm trong kế hoạch đồ bộ giải phóng Âu châu. Đô đốc Ramsay trao quyền chỉ huy gian hàng này cho Phó đô đốc Tennant, một công sự viên của ông trong chiến dịch di tản quân sĩ Anh khỏi Dunkerque.

Hạm đội *Trái Dâu* và *Phúc Bồn Tử* gồm có 400 đơn vị, trọng tải một triệu rưỡi tấn. Người ta tính rằng những hải cảng nhân tạo này sẽ vượt biển Manche với tốc độ trung bình là 35 *remorquages* mỗi ngày. Nhân số cần thiết là 500 sĩ quan và 10 ngàn binh sĩ.



CHƯƠNG 4

ARMADA RA ĐỜI

ĐÊM ĐÃ XUỐNG TỪ LÂU. MẶT BỀ KHÔNG TRẮNG.
Mắt đã quen với bóng tối dày đặc, viên thuyền trưởng chiếc tiềng thủy định bỏ túi, phân biệt rõ ràng bóng dài g to lớn của chiếc tàu trinh sát đang lúc lắc thân hình giữa lớp sóng biển. Máy chạy thật chậm. Viên thuyền trưởng quay lại phía sau : chiếc xuồng đồ bộ loại đặc biệt vẫn luôn luôn nằm đúng vị trí ở đầu sợi dây cáp. Mọi việc đều hoàn toàn. Đúng như dự tính.

Bờ biển nước Pháp ở phía trước, tuy chỉ cách một vài dặm, nhưng vẫn còn lẩn trong bóng đêm; Chiếc tàu trinh sát có nhiệm vụ kéo đoàn công voa nhỏ bé tới địa điểm này và sau đó quay ra biển khơi nằm chờ, không tiến xa hơn nữa. Công tác do thám Bức tường Đại Tây Dương phải được tuyệt đối yên lặng và... bí mật.

— Thả dây buộc!

Tiếng nói của viên sĩ quan chỉ huy chiếc tiềng

thủy đinh, ra lệnh cho một thủy thủ đang ngồi lom khom ở đầu đuôi tàu, mỉm mỉy ướt đầm vì sóng biển.

Đám người phía đằng sau chiếc trinh sát chui vô rò mọc. Sau đó, chiếc xuồng to lớn mở gaz và lao đi, đè lại một đường cong ở đằng sau nó. Chiếc tiêm thủy đinh bỏ túi cho động cơ điện chạy. Đó là một chiếc tàu ngầm bỏ túi cùng loại với những chiếc «X» đã tham dự công tác đặt chất nổ đánh đắm chiếc *Tirpitz* tại Alten Fjord thuộc xứ Na-uy.

Bên trong chiếc xuồng đồ bộ loại đặc biệt, mọi người đều sẵn sàng tại vị trí của mình. Chỗ ngồi thật thoải mái. Các chuyên viên đặt cho nó một cái tên nhà nghề : chiếc L.C.P (Sy), một loại *landing craft*, đặc biệt sử dụng trong các công tác quan sát (*Sy Surveying*) ban đêm, sát bờ biển địch. Đây là 1 khi giới mới mẻ nhất của phe Đồng Minh. Bên trong LCP là một phòng với đủ các dụng cụ quan sát, đo lường, máy móc dò chiều sâu và băng siêu thanh.

Chiếc tàu ngầm bỏ túi có nhiệm vụ dò xét dọc theo bờ biển Pháp. Tốc độ ổn định tối đa 3m/1 giờ. Đây là chuyến công tác thứ mười của nó. Trong những ngày đầu tuần trăng, dù cho trời thật sáng, chiếc X, hoặc chiếc LCP (sy) cả hai đều dễ dàng lọt qua con mắt cú vọ của đoàn tàu tuần tiễu duyên phỏng. Cả hai đều tha hồ lênh đênh ở trên mặt bờ, miễn là đừng dài dột lao đầu vào thẳng một chiếc tàu tuần thám, hoặc một chiếc trinh sát của địch.

Nhân viên phục vụ bên trong ECP (sy) đều là các sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc Royal Naval Voluntary Reserve (1). Họ có nhiệm vụ đo mực nước, quan sát hình thể, vị trí những nơi đã được lựa chọn để đồ bộ và đặt «hải cảng nhân tạo».

(1) Lực lượng trừ bị tình nguyện Hải Quân Hoàng Gia. (CTND)

Kế hoạch đổ bộ vào buổi sáng ngày J sẽ xảy ra tại 5 bờ biển thuộc vùng Normandie ; giữa vùng cửa sông *Orne* và *Vire*. Hai bãi biển phía Tây hải cảng *Port-en-Bessin*, được đặt tên là *Utah* và *Omaha* ; và sẽ do lực lượng Hoa Kỳ bảo lãnh ; ba bãi biển còn lại ở phía Đông *Port-en-Bessin* dành cho lực lượng Anh cát lợi, Gia nã đại ; đó là các bãi biển *Gold*, *Juno*, và *Sword*. Theo kế hoạch *Cossac*, nay được gọi là kế hoạch *Overlord*, lực lượng đầu tiên tham dự cuộc đổ bộ gồm có 3 sư đoàn (divisions) ; liền sau đó, 2 sư đoàn nữa sẽ được tăng viện.

Cuộc thám thính bờ biển Pháp do các LCP (Sy) đảm trách, đã được thực hiện bởi những chuyên viên vừa lành nghề vừa quả cảm, kết quả của bao tháng trời tập luyện trước đó. Họ nhiều khi liều lĩnh tìm tới sát bãi biển, nghe được cả tiếng sóng đập vỗ bờ, tiếng xe chạy ở trên đường phố ven bờ biển. Một đôi lần họ còn thả một chiếc *you-you* (1) và một vài người ở trên đó, bò lên bờ, rồi đi lom khom tới tận kè đá, và khi trở về mang theo một ít cát, sỏi. Các chuyên viên sẽ căn cứ vào chút cát sỏi đó để tính coi một chiếc tàu, một khi bị mắc cạn, sẽ lún sâu xuống mặt cát cỡ bao nhiêu phần, mét ? Bãi biển đó sẽ chịu đựng được bao nhiêu chiếc xe vận tải hạng nặng, xe tăng... trong thời gian bao lâu ? v.v...

Và trong lúc họ lặng lẽ dò thám ngay bên cạnh sườn quân địch, chiếc tàu trinh sát nằm kiên nhẫn ở ngoài khơi, chờ đợi họ trở ra và kéo chiếc tàu ngầm bờ túi, cùng chiếc LCP (sy) vượt qua biển Manche trở lại Anh quốc.

Tất cả các công tác dò thám kể trên được thực hiện trong những đêm đầu tuần trăng, từ tháng 11-1943 tới tháng 2-1944. Gần như mọi chuyến đi đều chót lọt. Chuyến này thật hoàn toàn ở ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

(1) *You-you* một thứ xuồng nhỏ chở theo xuồng lớn.

Trên thực tế, có thể một vài rắc rối đã xảy ra, nhưng có một sự kiện chắc chắn : những toán lính duyên phòng vùng Normandie đều không phải là những chuyên viên, họ lại không phải là dân Đức thực sự ; hoặc Đức nhưng không phải thứ Đức quốc xã ! Hơn nữa, các tướng lãnh Đức đều chĩa mũi dùi quan sát, phòng vệ về phía bờ bắc Pas-de-Calais, họ tin rằng cuộc đổ bộ nếu có, sẽ xảy ra tại nơi đó. Hình như, họ không hề nghĩ rằng Đồng minh sẽ táo bạo đổ bộ bờ bắc nước Pháp, xâm lăng Âu châu ! Bởi vì ngay tại bờ bắc vùng Pas-de-Calais, người Đức cũng sợ hãi, phản ứng rất ít : Trong các công tác đò thám, chỉ có một người commando, hoặc bị bắt, hoặc bị giết, vì không trở về căn cứ.



Theo đúng chiến thuật cổ truyền, diễn tiến một cuộc đổ bộ như sau : Những chiếc tàu vận tải lớn, được bảo vệ bởi chiến thuyền và phi cơ, tiến tới gần bờ biển địch rồi đậu lại ở ngoài khơi. Các xuồng đổ bộ sẽ từ đó phóng thẳng vô bờ, dưới hỏa lực yểm trợ của máy bay và pháo thuyền. Sau đó, tới phiêu binh sĩ đổ bộ, bằng đủ mọi cách vượt qua các chướng ngại vật, tiến đánh các vị trí phòng thủ của địch quân.

Kế hoạch *Nemeth* đại khái cũng vậy. Nhưng quan trọng nhất trong kế hoạch *Overlord*, đó là sự tham gia của nhiều loại xuồng đổ bộ tối tàn ; do Đồng minh mới sáng chế ra. Thiết tưởng độc giả cũng nên biết qua về các loại xuồng đổ bộ khác nhau đó :

LCA : *Landing craft assault*. Xuồng đổ bộ tấn công ; chở theo bộ binh đổ bộ vũ trang vũ khí hạng nhẹ.

LSI : Những chiếc LCA được chở trên những chiếc tàu lớn, gọi là tàu đổ bộ dành cho bộ binh LSI (*Landing-ship, Infantry*).

LCT : *Landing-craft, tanks*. Chở theo chiến xa và xe

cô. Trọng tải : 350 tấn. Hai máy Diesel 500 mã lực. Thủ trưởng đoàn : 2 sĩ quan, 10 hạ sĩ quan và binh sĩ.

L. C. V. P : *Landing craft, véhicule, personnel.*

Như trên. Thường chuyên chở xe cô và binh sĩ.

LST : *Landing ships, tanks* : Lớn hơn LCT cỡ 10 lần. Có thể chuyên chở 80 chiếc xe và 360 người. Thành tàu mở ra như một cánh cửa. Thường kêu là tàu hả mồm.

LCTR : Xưởng đồ bộ vũ trang hỏa tiễn (*rockets*).

LCG a Súng lớn, (*canons*), Lại liên (*guns*).

LCF a Súng phòng không (*flak*).

LCK a Nhà bếp (*kitchens*).

Duck : (thường gọi là *Dukws*).

Duck có nghĩa là con vịt. Một loại xưởng chạy dưới nước và trên cạn. (*Engins amphibies*).

Sau khi cuộc đổ bộ thành công, một số người dân Ba lê đã được chứng kiến những chiếc xe hơi lội nước *Ducks* bò ngench ngang trên đường phố Paris. Một vài chiếc LCA loại nhỏ còn chở thêm nhiều loại khí giới đặc biệt dành riêng cho những toán lính đổ bộ lãnh trách nhiệm bảo vệ, mang theo bên mình những vũ khí nặng, kể cả các vũ khí hóa học, bom hơi ngạt, lựu đạn cay v.v...

Đặc biệt, những chiếc LST được sản xuất tại Hoa Kỳ. Chúng có thể một mình vượt Đại Tây Dương. Kể từ tháng Giêng tới tháng Chạp 1943, các xưởng hải quân tại Hoa Kỳ đã sản xuất được 21.525 chiếc xưởng đồ bộ đủ loại, nhưng phần lớn được đem sử dụng tại mặt trận Thái Bình Dương. Anh quốc do đó lãnh phần sản xuất các xưởng đồ bộ dành cho chiến dịch *Overlord*, nhất là các loại xưởng không thể một mình vượt biển Thái Bình Dương. Như trên đã nói, Anh quốc là một xứ quá nhỏ, thành thử đã xảy ra rất nhiều những rắc rối kỹ thuật không ai có thể tính trước được. Các nhà chức trách đã kêu gọi tới các cơ sở thương mại tiếp tay với họ. Ngay

cả những xưởng kỹ nghệ sản xuất máy may, đồ chơi trẻ con, bồn tắm... cũng được chiếu cố. Mỗi xưởng thợ lanh phàn sản xuất từng bộ phận riêng rẽ rồi sau đó ráp lại thành nguyên chiếc. Những sai lầm về kích thước các bộ phận nhỏ nhiều khi đã làm chậm bộ máy sản xuất. Anh quốc có nhiều sông ngòi, thật quá tốt cho kế hoạch sản xuất tàu bè, xuồng đồ bộ ! Buồn cười nhất là, con số tàu bè, xuồng máy đồ bộ v.v... được sản xuất nhiều quá, lẹ quá cho nên không có đủ hải cảng để hạ thủy và làm bến đậu ! Hàng trăm ngàn cát sỏi cát nồi đã được chế tạo nhưng làm cách nào đưa chúng xuống nước ? Cuối cùng các chuyên viên đã nghĩ ra hệ thống *hards* (1) đó là những hệ thống đường dốc, có sức chịu đựng rất cao (*pistes résistantes*), đặt từ trên bờ dẫn xuống biển, tại những nơi chung quanh một hải cảng. Những chiếc xuồng đồ bộ được xe vận tải chuyên chở tới, đặt lên đầu piste, rồi... cứ thế chạy xuống mặt biển, mang theo cả người lẫn đồ đặc cần thiết, ngược hẳn lại kế hoạch đồ bộ ! Nhiều người đã ngạc nhiên tự hỏi tại sao một hệ thống giản dị như vậy mãi tới giờ mới được nghĩ ra ?



Sau khi giải quyết xong công cuộc sản xuất, chế tạo xuồng máy đồ bộ, các tướng lãnh Đồng minh lại phải lo tới vấn đề làm sao có đủ người sử dụng, điều khiển những chiếc xuồng đó.

Tất cả các sĩ quan thuộc Hải quân Hoàng gia « Royal Navy » và Bộ Hải quân ; đều được trưng dụng. Ngay cả những người vừa mới ra trường. Nhiều lớp huấn luyện cấp tốc đã được mở ra, đào tạo lớp người có đủ khả năng điều khiển các chiếc xuồng máy đồ bộ. Chương trình huấn luyện kéo dài 4 tháng. Người ta lựa chọn những thanh niên mạnh khỏe, cứng cỏi, và nhất

(1) *Hards* : Tiếng Anh có nghĩa là cát rắn,

là phải can đảm, bình tĩnh, biết soay sở mõi khi gặp tai nạn ; khéo léo lèo lái chiếc xuồng tới đúng địa điểm đổ bộ dưới lăn mưa đạn của quân địch.

Như vậy là độc giả đã biết sơ qua sự thành hình của Armada, hạm đội vĩ đại gồm đủ loại tàu bè, từ chiếc tàu vận tải lớn lao cho tới chiếc xuồng đổ bộ nhỏ bé ; kè cả sự ra đời của những hải cảng nhân tạo, một trong những phát minh kỳ diệu nhất trong chiến dịch Neptune, một phần của chiến dịch Overlord.

Đầu tháng chạp 1943, đô đốc Ramsay, thiết lập một danh sách liệt kê con số những chiến thuyền cần thiết, nhằm bảo vệ kế hoạch đổ bộ. Vào thời kỳ đó, Hoa Kỳ đang bận rộn vì mặt trận Thái bình dương ; ngoài ra còn phải lo hộ tống các đoàn tàu vượt Đại tây dương ; thành thử lực lượng hải quân cần thiết dành cho Neptune tất cả đều do Royal Navy đảm trách. Chúng ta có thể tưởng tượng ra một cuộc đối thoại giữa đô đốc Ramsay và Bộ Tư Lệnh Hải Quân Hoàng Gia.

Ramsay : Tôi cần có : 2 chiếc cuirassés (1), 3 chiếc monitors (2) hoặc cuirassés, 15 croiseurs 107 destroyers, 48 corvettes, 64 chalutiers được trang bị vũ khí chống lại tàu ngầm địch 228 embacations, vedettes lance torpilles... (xuồng máy, tuần thám hạm phòng ngư lôi...)

Bộ chỉ huy : Như vậy là ngoài cần tới hơn 467 chiến thuyền đủ loại ?

Ramsay : Thưa vâng ! Đây là chưa kể các tàu đổ mìn. Kế hoạch Neptune thành công hay không nhờ phần

(1) Cuirassé : Thiết giáp hạm.

(2) Monitors : Tàu quan sát.

(3) Croiseur : Tuần dương hạm.

(4) Destroyer : Khu trục hạm.

(5) Corvette : Hải phòng hạm.

(6) Chalutier : tàu kéo lưới rà

lớn các tàu đồ mìn. Tôi cần độ 12 đoàn tàu đồ mìn, tức là độ 150 chiếc tất cả.

Bộ chỉ huy : Ở đây chúng tôi không phải chỉ lo riêng cho Neptune, ngoài ra còn phải lo lắng cho toàn thể hoạt động quân sự trên bầy vùng mặt bờ. Yêu cầu ngài hãy cố gắng tiết giảm con số tới mức tối thiểu.

Ramsay : Tôi đã cố gắng lối đa về vấn đề đó !

Bộ chỉ huy : Vấn đề khó khăn nhất đó là làm sao có đủ sĩ quan chỉ huy các soái hạm lớn. Nên chúng tôi lo đủ cho Neptune; các nơi khác sẽ thiếu người.

Nếu có thể xin ngài hãy lấy 40% người và số tàu.

Ramsay : Thưa Ngài không thể được

Bộ chỉ huy : Tôi tin có thể được, bởi vì, thay vì ngài sử dụng lực lượng thuyền trên đây vào việc bảo vệ đoàn tàu đồ bộ vượt qua biển Manche ; thay vì vậy, xin ngài thay đổi kế hoạch và chỉ sử dụng một con số chiến thuyền ít hơn vào việc tuần tiễu, bao vây khu vực sắp xảy ra cuộc đồ bộ. Theo ý ngài, ý kiến của tôi có thể chấp nhận được hay không ?

Ramsay : Tôi đã nghĩ tới chuyện đó ; nhưng sau khi nghiên cứu kỹ càng với các tướng lãnh chỉ huy kế hoạch đồ bộ, dự định trên bị hủy bỏ. Bởi vì trong những ngày kế tiếp ngày J tức là những ngày J + 1, J cộng 2 và J cộng 3, con số tàu bè hiện diện tại khu vực đồ bộ quá lớn, một lực lượng tàu chiến tuần phòng (patrouilleurs) không thể nào bảo vệ chu đáo, hữu hiệu được số tàu bè lớn lao đó. Chỉ cần 1 tàu ngầm của địch vượt qua lưới phòng thủ, cũng đủ gây nên rất nhiều thiệt hại. Hơn nữa trong thời gian từ 5 tới 6 tuần lễ, ngày nào cũng có 8 chuyến công voa tàu-chuyên-chở, và 12 chuyến công voa tàu-đồ-bộ.

Quân địch sẽ làm đủ mọi cách để cắt đứt con đường chuyên chở tiếp vận Anh quốc — Normandie, được coi như mạch máu của đoàn quân viễn chinh. Tôi không

thề bỏ qua sự kiện «Con đường máu» trên đây năm ở giữa các cảng cứ hải quân của địch rải rác từ Havre tới Cherbourg. Theo tin tức tình báo, Hải quân Đức có chừng 14 *destroyeurs* thường trực hoạt động trên biển Manche.

Họ có thể tăng viện thêm nữa, từ các vùng bờ Baltique và Na-uy. Con số tàu chiến Đức hiện diện tại biển Manche vào khoảng trên 100 chiếc, phần lớn là ngư lôi hạm cộng thêm từ 130 đến 200 chiếc tàu ngầm, trong những ngày J, J + 1, J + 2.

Bộ chỉ huy : Các oanh tạc cơ thuộc lực lượng «Coastal Command» sẽ lãnh phần tiếp đón đoàn tàu chiến Đức nói trên. Họ đã hoạch định phương pháp chế ngự luôn cả các tàu ngầm của địch.

Ramsay : Công cuộc phòng thủ đó chỉ hữu dụng ban ngày. Ban đêm cần phải có những chiếc tàu hộ vệ (escorteurs) ngay trên mặt biển. Tôi đã dự liệu con số tàu biển hạng nhẹ, thay thế cho những chiếc bị tổn hại rải rác khắp các bờ biển đồ bộ. Chúng ta đừng nên quên các khí giới bí mật của Đức. Ngoài bom bay V1, V2 (1), Đức quốc hiện đã sản xuất được những loại mìn từ tính, mìn âm thanh, ngư lôi do âm thanh điều khiển... Chúng sẽ không ngại gì mà không mang ra sử dụng nhằm đón tiếp các đoàn quân đồ bộ. Vì những lý do đó, con số chiến thuyền do tôi đòi hỏi thật ra không có gì là quá đáng... Vì vấn đề an ninh của kế hoạch *Neptune*, xin Ngài hãy chấp thuận...



Tất cả có ba cơ quan trực tiếp lo lắng, sửa soạn kế hoạch *Overlord*. Đó là Bộ chỉ huy tham mưu X do đồn đốc Ramsay chỉ huy. Bộ chỉ huy của trung tướng Sir Frederick Morgan (kế hoạch Cossac cũ) và Bộ chỉ huy

(1) Trong một cuộc thí nghiệm, Bom bay V1 của Đức đã rơi xuống Suède (Thụy Điển) vào năm 1943.

hành quân, QG của đạo quân thứ 21 (21^e Groupe d'Armées) sau này trở thành lực lượng viễn chinh Anh quốc (futur corps expéditionnaire britannique). Đây là chưa kể những cơ quan gián tiếp liên hệ xa gần tới kế hoạch *Overlord*; chẳng hạn như cơ quan tiếp vận, thiết kế đô thị, cơ quan nhiên liệu, năng lượng, cơ quan chuyên chở vận tải thời chiến v.v...

Ngày J theo 1 điện văn mật, sẽ là ngày 1-5-1944. Quyết định trên do một cuộc họp mặt giữa các tướng lãnh Đồng minh tại Teheran. Tất cả các công cuộc sửa soạn cho kế hoạch *Overlord* đều phải sẵn sàng trước ngày J: vấn đề trọng tài chuyên chở đồ dùng, quân cụ, vũ khí, đạn dược... con số tàu đổ bộ, hạm đội bảo vệ, phi cơ đội bom khu vực đổ bộ, hạm đội dò mìn, công tác dựng trại tập trung quân số tại miền Nam nước Anh, vấn đề thực phẩm, kế hoạch phòng không, không chiến, radar, công tác thiết lập hải cảng nhân tạo v.v...

Một trong những dự tính quan trọng cần phải được nghiên cứu hết sức tỉ mỉ, tức là những sửa soạn dành cho những giây phút đầu tiên của cuộc đổ bộ. Làm cách nào để cho cuộc đổ bộ trở nên hết sức bất ngờ, khiến cho địch quân trở tay không kịp. Muốn thế cuộc tấn công phải được tính toán sao cho thật mãnh liệt vào mấy phút đầu. Con số binh sĩ dự tính cần thiết cho những giây phút đầu tiên đó phải là bao nhiêu? Theo kế hoạch Cossac, đã được chấp nhận tại cuộc họp Quebec, quân số dự trù lúc đầu gồm có 3 sư đoàn, cộng thêm 2 sư đoàn tăng viện liền sau đó. Các chuyên viên dân sự đã căn cứ vào những con số trên đây để tính ra những nhu cầu cần thiết hầu đáp ứng kế hoạch quân số: Như cầu ăn ở, tổng số khẩu phần K và E cần thiết vv... Tất cả những trù tính, kế toán trên đây đều trở thành vô dụng, bởi vì 3 tuần lễ sau đó, kế hoạch tấn công trong mấy phút đầu bị thay đổi! Lại phải tính lại từ đầu!

CHƯƠNG 5

CÚP PHÉP

NGÀY 24 THÁNG CHÁP 1943, TỒNG THỐNG ROOSEVELT báo trên vô tuyến, Đại tướng Eisenhower được cử giữ chức tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Đồng minh (*Supreme Commander Allied Expeditionary Forces*, viết tắt là SCAEF)

Trong kế hoạch đồ bộ, Hoa Kỳ là nước tham gia nhiều nhất, từ nhân sự cho tới đồ dùng, vật liệu cần thiết. Việc chỉ định một tướng lãnh Hoa Kỳ vào chức chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh là chuyện tất nhiên. Tuy nhiên, trong giới tướng lãnh Anh, Hoa Kỳ người ta vẫn băn khoăn tự hỏi ai là người được đề cử ? Eisenhower hay Marshall ? Hình như ngay cả Roosevelt cho tới phút chót, vẫn còn phân vân không biết chọn người nào trong số 2 vị đại tướng. Tổng thống Hoa Kỳ không đưa ra những lý do giải thích quyết định trên. Nhiều người cho rằng Thủ tướng Anh W. Churchill đã ảnh hưởng tới sự lựa

chọn đó. Tuy nhiên, trên thực tế, qua những cuộc hội họp tại Teheran, mọi người thấy rằng ý kiến của Churchill không ảnh hưởng nhiều đến quyết định của Tổng thống Roosevelt. Vào thời kỳ đó, hai vị nguyên thủ coi bộ không hợp «jeu» lắm. Tổng thống Hoa Kỳ tỏ ra khoan khoái mỗi lần «échoi» được ông bạn Đồng minh một vố. Ông ta vẫn thường coi Churchill như là một tay thực dân đế quốc (impérialiste-colonialiste) và tỏ ra khó chịu vì Thủ tướng Anh khăng khăng bảo vệ một kế hoạch tấn công tại vùng bắc Balkans. Winston Churchill đã nhiều lần đưa ra đề nghị trên, hoặc quả quyết một cuộc đổ bộ như vậy sẽ thành công hơn kế hoạch *Overlord* hoặc cho đó như là một cuộc đổ bộ thứ nhì, rất cần thiết, để hỗ trợ cho *Overlord*.

Franklin Roosevelt tâm sự với cậu con trai Elliott:

— Cha biết rõ ông ấy (Churchill) muốn gì khi cõi võ kế hoạch đổ bộ vùng bắc Balkans. Ông ta muốn đầy Hồng Quân càng xa về phía Đông Âu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Ông ta chỉ nghĩ đến lúc chiến tranh kết thúc Ông ta rất sợ quân Nga sau này sẽ quá mạnh. Có thể quân Nga sau này sẽ rất mạnh tại vùng Âu châu. Nhưng để coi xem đó là một điều tốt hay điều dở... Cái đó còn tùy thuộc rất nhiều yếu tố.

Về quyết định đề cử Eisenhower người ta có thể nêu ra những lý do sau đây:

« Ike » (tên tắt của Eisenhower) là một chuyên viên tờ chức lối lạc, chẳng kém chi Marshall. Ông ta lại là một tay ngoại giao rất giỏi. Tổng thống Hoa Kỳ mặc dù rất thích « chọc què » ông bạn Churchill, nhưng rất cần một người có tài ngoại giao để bình vực quan điểm Hoa Kỳ tại bàn hội nghị. Về điểm này, Eisenhower được lợi điểm hơn Marshall. Eisenhower vừa trẻ hơn Marshall, vừa không phải là một nhân vật chính trị, ông ta sẽ biết cách hướng dẫn các công cuộc điều động quân sự theo đúng ý của Roosevelt.

Sau khi đề cử Eisenhower, và một số nhân vật tiếp theo, danh sách các tướng lãnh chỉ huy kế hoạch *Overlord* được thành lập như sau :

— Tổng tư lệnh : Đại tướng Dwight Eisenhower.
— Phó Tổng tư lệnh : Đô đốc không quân Sir Arthur Tedder.

— Chỉ huy trưởng lực lượng Hải quân Đồng minh : Đô đốc Sir Bertram Ramsay.

— Chỉ huy trưởng lực lượng Không quân Đồng minh : Đô đốc Không quân Sir Strafford Leigh Mallory.

— Chỉ huy trưởng lực lượng Bộ binh Anh quốc và Gia nã đại : Đại tướng Montgomery.

Chức chỉ huy trưởng lực lượng Bộ binh Đồng minh chưa được chỉ định. Nhưng người ta được biết, trong giai đoạn đầu tiên của cuộc dồn bộ xâm lăng (giải phóng) Âu châu, đại tướng Montgomery được chỉ định « phối hợp chiến thuật tất cả các lực lượng Bộ binh Đồng minh » (coordination tactique de toutes les forces terrestres alliées)

Eisenhower sau này viết : « Tôi rất lấy làm hài lòng vì chức vụ chỉ huy trưởng lực lượng Bộ binh Anh quốc trao cho Montgomery. Đối với tôi đây là một sự chỉ định rất tốt ». Thực sự Eisenhower vẫn mong muốn tướng Alexander ở vào chức vụ đó. Ông ta viết : « Tôi coi Alexander như là một trong những chiến lược gia hàng nhất của Anh quốc. Hơn nữa, ông ta còn là một người cởi mở, thân thiện. Binh lính Hoa Kỳ rất ưa ông ta ». Riêng về những đức tính cởi mở, thân thiện, đại tướng Montgomery coi bộ « hơi » thiếu. Đại tướng vẫn được kể như một tay khồ hạnh, biếng tự kiềm chế, và dễ dàng bỏ ngoài tai những lời chỉ trích cá nhân ông ta.

Trước tháng Mười 1942, đại tướng vẫn còn là người vô danh đối với dư luận đám đông, ngay cả tại Anh quốc. Ông sinh tại vùng Bắc Ái nhĩ lan, chào đời ngày 17 tháng Mười một 1887 tại Moville, County Donegal. Cha ông là

mục sư, le Réverend H. H. Montgomery. Ông nội ông ta cũng là mục sư, tác giả cuốn sách nhan đề *Cuộc đời Chúa Jé-su (Vie du Christ)*, Chính đại tướng cũng là người rất ngoan đạo ; phải nói là cuồng tín thì đúng hơn. Một trong những vĩ nhân mà Montgomery kính phục là danh tướng Oliver Cromwell. Đại tướng Mont suốt đời chỉ ưa nước trà hoặc nước lạnh, chưa hề hút một điếu thuốc lá. Đã lập gia đình nhưng góa vợ, và có 1 đứa con trai. Tốt nghiệp tại trường bộ binh Sandhurst năm 1908. Năm 1914 là đại úy, hai lần bị thương tại Pháp, được tuyên dương *Distinguished Service Order* và *croix de Guerre*. Sau khi Thế nhất thế chiến kết liễu, lãnh chức vụ chỉ huy tại Rhéonie sau đó được đổi qua Ấn độ. Năm 1938, lãnh chức chỉ huy một sư đoàn tại Transjordanie. Đầu Thế nhì thế chiến, ông ta lãnh chức đại tướng ; chỉ huy trưởng lực lượng Anh quốc tại Dunkerque. Tháng chạp 1941, Mont. được phong chức chỉ huy trưởng lực lượng bộ binh tại vùng phía Nam Anh quốc. Ông ta bắt đầu được nói tới kể từ chức vụ đó.

Vùng đất phía Nam được coi như một «tiền đồn» (*une position avancée*). «Monty» đã quyết định như vậy. Đó là nơi đạo quân chiến thắng được thành lập. Để bắt đầu tất cả các sĩ quan, đơn vị trưởng, cho tới chức vụ chỉ huy trưởng 1 binh đoàn, ai cũng phải làm một cuộc đi bộ xuyên qua lanh thô (*unross-country*), cỡ 11km, mỗi tuần thực hiện 1 chuyến đi bộ như vậy. 14 lần sau, khi viễn ảnh, cuộc đi bộ của Đức lên đất Anh, đã hết còn ám ảnh mọi người, cuộc đi bộ rút lại còn 9km. Buổi sáng nào cũng vậy, tại Bộ chỉ huy của Mont. tất cả mọi người, từ binh sĩ cho tới sĩ quan, đều phải tập thể dục lúc 7g sáng. Monty đều có mặt trong tất cả mọi chuyến đi bộ cũng như trong các cuộc tập thể thao.

Monty tuyên bố : Tất cả mọi người ở trong quân đội, ai ai cũng phải có « ánh lửa của chiến trường rực lên trong khói m� » (la lueur de la bataille dans l'ocil).

Tháng 6-1942, đoàn quân miền Nam thao diễn tại Devonshire. Từng tiều đoàn tiến vò các vùng đồi núi xanh rì, hoặc dàn hàng ngang vượt qua các khu đồng cỏ. Mỗi khi gặp một thôn xóm, vào quãng trưa, các binh sĩ thường có thói quen là cà các hàng quán để ăn uống, nghỉ ngơi, nhưng Monty ra lệnh cấm ngặt. Nghỉ là nghỉ, nghĩa là ngồi nghỉ tại chỗ, lấy khẩu phần mang theo ra dùng; làm như đoàn quân hiện đang ở giữa sa mạc, hoặc tại một vùng đồng khêng nhà trống...

Trong các cuộc hội thảo hành quân, Monty ra lệnh cấm hút thuốc lá và cấm... ho, «các anh chỉ có 2 phút để ho trước khi ngồi vào họp. Sau đó cấm ho trong khoảng 20 phút. Hết 20 phút, các anh lại có 60 giây để ho...»

Ngày 18 tháng 8-1942. Monty được cử giữ chức chỉ huy trưởng Đội quân thứ Tám (VIII^e Armée) tại Ai cập, thay cho Tướng Auchinleck.

Hai tháng sau đó, ông ra lệnh tấn công Đạo binh Afrika Korps, và đầy quân Đức chạy dài tới El Alamein. Chiến thắng vĩ đại, vỗ vang.

Công cuộc sửa soạn trọng pháo và phi cơ chỉ kéo dài 12 ngày trời. Trong giới nhà binh. Ngôi sao «Super-Original» Montgomery nổi danh nhờ không bao giờ bỏ qua một chuyện gì dù nhỏ nhặt tới đâu đi chăng nữa, không bao giờ tin vào yếu tố ngẫu nhiên hoặc tình cờ «Ông ta tính toán thật chí lí, cẩn thận và thật «suya». Đó là lời Eisenhower về Montgomery.

Trong thời gian chuẩn bị đỗ bộ, Ike luôn luôn phải tự kiềm chế để khỏi tỏ vẻ khó chịu vì những tính tình «khó thương» của «Monty». Ông tướng Anh-lê này sống xa cách mọi người, suốt ngày giam mình trong, chiếc rò mạc chúng quanh cổ một vài tùy viên, và sẵn sàng từ chối nói chuyện với một sĩ quan, dù rằng sĩ quan đó cũng

là 1 ông đại tướng, nhưng bởi vì đó là 1 ông đại tướng « loại » khác, không giống như Monty

Sau khi thủ tục chiếm đóng nước Đức đã được ký kết ở Bâlinh, chiến tranh coi như hoàn toàn kết thúc. « Monty » viết thư cảm ơn đức tính nhẫn耐 của « Ike ». « Tôi phải thành thực nhận rằng tôi là 1 kẻ khó hòa minh được với mọi người, và nhất là rất thích làm theo ý tôi. Nhưng ông đã giúp tôi đi đúng theo con đường tốt trong suốt thời gian khó khăn, giống bão vừa qua. Ông đã dạy cho tôi rất nhiều điều ».

Cần phải nói thêm, « Monty » nhiều lần tỏ vẻ cứng rắn vì phải phục tùng mệnh lệnh của một viên tướng Hoa kỳ trẻ tuổi hơn ông ta, hơn nữa tai chưa hề được nghe tiếng súng đại bác của quân thù, vậy mà đã lên tướng.

Eisenhower chính ra cũng ngạc nhiên vì được đề cử chức vụ chỉ huy trưởng quân đội Đồng minh. Khi đó ông đang ở giữa mặt trận Italie.

Tổng thống Roosevelt cũng đã nói qua cho Eisen, hay ý định của mình, ngày 12 tháng chạp tại Tunis, trong khi ông ta ngồi bên cạnh Ike trong xe hơi :

— Nay Ike, tôi nghĩ chắc là anh sẽ chỉ huy Overlord.

Trung tướng Jacob L. Devers, lúc đó đang chỉ huy lực lượng Hoa Kỳ tại Roganme-Uni (1) được đề cử Chỉ huy trưởng vùng chiến thuật Địa trung hải, trong khi vùng Ý đại lợi được trao cho đại tướng Clark. Montgomery bèn đến gặp Eisenhower tại Tổng Hành Dinh của ông này ở Tunis.

Ike bảo ông ta :

— Tổng thống Hoa Kỳ và đại tướng Marshall muốn tôi trở về Mỹ nghỉ vài ngày trước khi giữ chức chỉ huy trưởng. Tôi rất mong muốn được Ngài thay thế trong thời gian đó. Ngài hãy nghiên cứu thật sát chiến thuật tấn công vùng bờ bắc Normandie. Mấy người phụ trách vẫn đề

(1) Royaume Uni bao gồm Anh quốc và Ái Nhĩ Lan.

đó vừa mới trao cho tôi một bản tường trình kế hoạch tấn công, nhưng tôi thấy còn thiếu xót một vài điều.

Quan hệ nhất là vấn đề các sư đoàn tham gia cuộc đổ bộ ngay lúc đầu. Họ tính 3 sư đoàn nhưng tôi thấy không ổn. Ngài thủ coi lại xem sao. Có gì cho tôi hay.

Montgomery, khi đó đã rời khỏi chức vụ chỉ huy trưởng Quân đoàn VIII ; ông ta tới Luân đôn ngày 2 tháng giêng 1944 và đòi hỏi ngay bản kế hoạch để nghiên cứu. Ba ngày sau, ông ta gửi 1 báo cáo cho Bộ chỉ huy tham mưu Đồng minh, trong đó nêu ra những luận cứ để đến kết luận 2 sư đoàn không đủ tăng viện cho mấy phút tấn công đầu tiên.

Ít lăm cũng phải 5 sư đoàn tăng viện. Eisenhower từ Hoa Thịnh Đốn gửi điện văn về Luân đôn, chấp thuận đề nghị của Monty. Ike trở lại Luân đôn ngày 13 và ngày hôm sau, ông bắt tay vào công cuộc sửa soạn kế hoạch đổ bộ, theo những tiêu chuẩn mới. Đây là kế hoạch « définitif » (chính thức) của chiến dịch *Overlord*.

*

Như đã hứa với Staline, kế hoạch tấn công sẽ xảy ra ngày 1 tháng 5-1944. Nhưng người ta bắt đầu nhận thấy không thể giữ đúng lời hứa cùng Chủ tịch nước Nga : Những thay đổi phút chót về con số các sư đoàn tăng viện đã đảo lộn tất cả mọi tính toán về trọng tải, khí giới, chiến thuyền... cần thiết cho cuộc đổ bộ. Eisenhower xin dời chiến dịch Overlord chậm lại một tháng.

Ngày J vẫn chưa được ấn định dứt khoát. Sự lựa chọn căn cứ vào mức độ thủy triều, tuần trăng, thời tiết, và rất nhiều yếu tố khác. Phải đợi tới những ngày gần chót của chiến dịch, khi đó mới có đủ yếu tố cần thiết để xác định rõ ràng ngày J. Hiện tại, mọi người chỉ có thể nghĩ rằng ngày J sẽ là một ngày nào đó trong tuần lễ thứ nhất của tháng 6, vậy thôi.

Eisenhower đặt bản doanh của SHAEF tại một vùng

phụ cận Luân đôn : Bushy Park. Đầu máy SHAEF — OVERLORD tới những ngày chót, đã đòi hỏi sự tham gia của 30 ngàn người, vừa nhà binh vừa xi-vin. Muốn sửa soạn đầy đủ cho một đơn vị gồm 700 binh sĩ để bộ đội đầu, con số nhân viên cần thiết tại SHAEF là 1.000 người.

Để cho bộ máy hoạt động điều hòa giống như một mạch-kín (un circuit fermé), Eisenhower cắt cử một số người có trí nhớ thật bén nhạy luôn luôn theo sát tất cả những đường dây hoạt động lớn chạy qua những cứ điểm chiến thuật quan trọng của bộ máy SHAEF — OVERLORD. Tuy bộ máy thật phức tạp, nhưng công tác của nó rất rõ ràng và giản dị. Theo chỉ thị của Bộ chỉ huy Đồng minh, Eisenhower có nhiệm vụ : Tiến vào lục địa Âu châu, rồi sau đó phối hợp cùng các quốc gia Đồng minh khác, mở những cuộc tấn công tới tận trung tâm nước Đức, phá tan sức mạnh quân sự của địch.



Tại bộ chỉ huy X của đô đốc Ramsay, công việc cũng nặng nề chẳng kém gì SHAEF. Trước hết, là kế hoạch đưa quân qua biển Manche. Vấn đề không phải chỉ thu hẹp vào công việc chuyên chở các sư đoàn tham dự đợt đầu của đồ bộ. Ngay sau khi chiến tuyến địa đầu được thành lập, Ramsay phải lo chuyên chở, từ 26 tới 30 sư đoàn tăng viện đợt nhì, chưa kể những sư đoàn tăng viện «lai rai» về sau. Người ta ước đoán, kể từ sau tháng 6 1944 mỗi tháng phải đồ thêm vô lục địa Âu châu cỡ chừng 3 đến 5 sư đoàn, cho tới khi... chiến tranh chấm dứt !

Ramsay tuyên bố : « Chúng tôi cố tránh không sử dụng tất cả các tàu bè cùng một lúc. Đợt này nghỉ phải có đợt khác thay thế ». Ông cho thành lập một cơ quan đặc biệt, đặt tên TURCO (Turn Control Organisation) có nhiệm vụ theo dõi sự luân phiên thay đổi tàu bè. Một cơ quan khác, BUCO (Build-up Control Organisation) có nhiệm vụ

điều hòa nhu cầu quân sự và khả năng trọng tải của các tàu bè hiện dụng.

Muốn biết rõ các nhu cầu quân sự, BU CO phải nghiên cứu cẩn kẽ một tài liệu do SHAEF gửi tới, nhan đề là « Q - Appréciation » ; trong đó ghi tất cả những đòi hỏi cần thiết của *Overlord* : Nhân sự, vật liệu, xe cộ, khí giới, thực phẩm...

Ngoài ra, Ramsay còn phải lo lắng kế hoạch tấn công bờ biển địch bằng trọng pháo đặt trên các chiến hạm.

Cuộc tấn công bằng trọng pháo sẽ khởi sự ngày J, giờ « H — 40 phút ». Các dàn trọng pháo thi nhau tưới các trái phá 350mm và 380mm lên bờ biển địch. Đường bắn kính hoạt động là 15.000m. Mục tiêu rót trọng pháo là pháo đài phòng thủ, những công sự chiến đấu v.v... Đó là nhiệm vụ của những chiếc *cuirasseurs*. Những chiếc *croiseurs* và *destroyeurs* lo việc bắn phá các pháo đài phòng thủ ở ngay trên bờ biển ; ngay trước khi các đợt xung phong đỗ bộ đầu tiên được tung ra và tạo thành một lưỡi chặc (un barrage). Trong các hòn sa quân sự, cuộc bắn phá này có cái tên là « carrossage », giống như ta tưới nước các vườn bông vậy. Các xuồng máy vũ trang hỏa tiễn cũng có phiến sự tham gia cuộc « tưới đạn » này. Trong một thời gian ngắn, hỏa lực của đoàn xuồng hỏa tiễn tương đương với hỏa lực của 80 *croiseurs* hạng nhẹ hoặc 200 *destroyeurs*.

Công tác « bắn tưới » này phải được ngừng vào đúng giờ « H — 3 phút ».

Các dàn trọng pháo chiếc thuyền sau đó, tùy theo sự đòi hỏi của bộ binh, sẽ tiếp tục nã đạn hỗ trợ đoàn quân đỗ bộ leo dần lên cao, hoặc tấn công một công sự chiến đấu nằm dọc theo đường tiến quân. Cho tới khi nào đoàn quân đỗ bộ tiến quá xa tầm súng hoạt động ; khi đó các chiến thuyền mới coi như chấm dứt công tác

hỗ trợ. Ngoài các cuộc tấn công trọng pháo, phải được phối hợp chặt chẽ với hỏa lực của phi cơ.

Các pháo đài bay (Fortresses Volantes) những chiếc Lancasters, Halifax, Liberators của không lực Hoa Kỳ và Anh quốc có nghiệm vụ dội bom theo chiến thuật «ramollissement» (công tác «làm mềm» vùng đồ bộ), kể từ 0 giờ ngày J. Các phi vụ được liên tiếp thực hiện trong nhiều tiếng đồng hồ. Thời giờ «H — 30 phút» ; «H — 35 phút» các pháo đài bay hạng nặng thuộc không đoàn tháp tăm (VIIIe Ais Forel) lãnh phần tham gia công tác «tươi» (arrache) cùng với các chiến thuyền. Số bom ướt lượng thả xuống vùng bờ biển đồ bộ là 2000 tấn.

Vấn đề tiếp tế đạn được cho các chiến thuyền, cũng được sửa soạn chu đáo. Một chi tiết quan trọng suýt nữa bị bỏ quên : các nòng súng trọng pháo nếu bị sử dụng quá mức sẽ cháy ra. Tiếp tế đạn trái phá không thời chưa đủ, phải lo cả việc thay thế các nòng súng nữa !

20

Anh quốc và Bắc Ái nhỉ lan trở thành một vùng thao diễn, tập không lò của đám quân sĩ tham gia kế hoạch Overlord. Cùng với sự có mặt của quân sĩ Hoa Kỳ những căn lều vải mọc lên như nấm. Từ tháng chạp 1943, các cuộc tập dượt đồ bộ được thực hiện nhiều lần, cùng với sự tham gia của Hải quân và Không quân. Trong số binh sĩ, có nhiều người trước đó chưa hề bắn một viên đạn, tai chưa nghe tiếng súng lớn. Tại vùng phía Đông nước Anh, quân đội Anh quốc thiết lập một «vùng đất địch» với tất cả những chướng ngại vật, hàng rào dây kẽm gai, bãy mìn, chiến xa, binh sĩ Đức... Chính nhờ các cuộc tập dượt đồ bộ mà các chuyên viên vũ khí đã chế tạo được một khí giới đặc biệt, dùng trong việc phá hủy các hàng rào dây kẽm gai. Đó là «ngư lôi Bangalore». Trong cuộc thế chiến 1914, công cuộc phá hủy hàng rào kẽm gai được trao cho pháo binh. Trong cuộc đồ bộ sắp diễn ra, công

cuộc đó được trao cho «torpille Bangalore». Đó là một cái ống dài trong chứa đầy chất nổ. Cứ việc ném cái đó ra, cả một vùng dây kẽm gai và những trái mìn lân cận khu đó đều bị tiêu hủy.

Ngoài ra phòng thí nghiệm chiến thuật «laboratoire tactique» cũng thâu hoạch được rất nhiều kết quả đặc biệt, tất cả những kết quả này sẽ được binh sĩ Đồng minh sử dụng trong cuộc đổ bộ.



Chúng ta cũng nên biết qua loa về kế hoạch tập trung quân số của Đồng minh. Các binh sĩ sau khi được di chuyển tới các trại lính, họ sẽ sống tại đó trong khoảng một vài tháng, chờ đợi ngày đổ bộ. Lịch trình di chuyển quân số cũng được tính toán thật cẩn thận. Trong một xứ nhỏ bé như Anh quốc, sự gia tăng hàng trăm ngàn binh sĩ quả là một vấn đề đáng ngại, nhưng cũng thật tung bừng, náo nhiệt.

Theo đúng lịch trình của SHAEF, các toán quân trước hết được tập trung tại một vùng cách xa nơi đổ bộ chừng 320 km. Họ tạm trú trong những căn lều vải độ hai hoặc ba tuần lễ. Sau đó các toán quân được gửi tới những trung tâm huấn luyện. Họ được chia thành từng nhóm ; hay nói đúng hơn, từng trung đội, đại đội, tùy theo khả năng chuyên môn. Trong thời gian ở trại huấn luyện, họ phải qua những cuộc thử thách lâu hàng giờ đồng hồ ở dưới biển, cho quen với công tác đổ bộ sau này. Sau đó, họ được chuyển tới vùng đổ bộ. Ở đây, họ được lãnh khẩu phần K tức khẩu phần đổ bộ. Mỗi khẩu phần K có thể để lâu chừng 24 tiếng đồng hồ. Ngoài ra, còn có khẩu phần tiếp trợ ; bánh chocolat, kẹo vitamine, và tiền Pháp (phật lăng).

Vấn đề ăn uống, tập luyện cho đám binh sĩ không lồ trên đày quả là nặng nề. Ngoài ra còn phải lo lắng tới đời sống tinh thần, và vấn đề sinh lý của họ nữa.

Một trong những câu hỏi hay được đám binh sĩ nhắc đi nhắc lại : « Bao giờ thì xảy ra cuộc đổ bộ ? » Một ưu túc quan trọng nào đó, vô tình được xì ra, đủ khiến họ xôn xao bàn luận. Chờ đợi lâu quá, một số binh sĩ trở nên nóng ruột. Một số người cho rằng cuộc đổ bộ không bao giờ xảy ra. Có người lại nói đó là công việc của không quân. « Cứ việc dội bom thật nhiều xuống Âu châu, vậy là tự Đức phải rút. Đâu cần phải đổ bộ ? »

Nhưng tới những ngày cuối tháng 3-1943, những binh sĩ hiện đang đồn trú trong những vùng đổ bộ, tất cả đều cảm thấy một chuyện nghiêm trọng đang xảy ra chung quanh họ. Báo chí, đài phát thanh đều loan tin căm thường dân vượt qua Ái nhĩ lan. Tất cả các vùng bờ biển phía Đông và phía Nam đều bị « bế mạc tỏa cảng ». Không một thường dân nào có quyền lai vãng nơi đó, trừ những người có phép đặc biệt.

Về phía binh sĩ, để ghi dấu những biến cố quan trọng thực sự sắp sửa xảy ra. Tất cả các cuộc đi phép đều bị định chỉ. Cảnh trại 100%.



CHƯƠNG 6

TOUT EST PRÉVU !

TẠI TỔNG HÀNH DINH CỦA ĐẠO QUÂN THỦ 21. (21 È d'Armee). Đại tướng Montgomery chỉ huy công cuộc sửa soạn kế hoạch tấn công của bộ binh.

Vốn là người cẩn thận và băng say làm việc, Đại tướng gần như không bỏ qua 1 chi tiết nhỏ nhặt nào nằm trong kế hoạch, đồ bộ. Trên tấm bản đồ hành quân, những vùng đất trên bờ biển đều coi như đã bị xâm chiếm. Nhiệm vụ của từng sư đoàn đều được chỉ định rõ ràng. Ngày 5 tháng tư, Monty điện thoại cho Ike

«Tất cả đều sẵn sàng. Yêu cầu ngài duyệt lại lần chót toàn bộ kế hoạch, và thông báo cho Không quân cùng Hải quân»:

Cuộc họp phối hợp chiến thuật diễn ra ngày 7 tháng tư, ở Luân đôn : tại trường St. Paul. Sau đây là 1 vài điểm quan trọng trong kế hoạch tấn công do Monty soạn thảo :

(1) Mọi việc đều tinh trước !

(CTND)

Vùng đồ bộ thuộc các bờ biển chạy dài từ cửa sông Orne tới sông Vire. Năm bãi biển đồ bộ lần lượt mang tên : *Sword, Juno, Gold, Omaha, Utah Beach,*

Lữ đoàn II (II^e Armée Britanique) của Anh (trong đó gồm 2/5 Gia nã đại) lãnh phần tấn công các bờ bắc phía trái, tức là các bãi biển *Gold, Juno* và *Sword*. Lữ đoàn I (I^{ère} Armée Américaine) tấn công bên mặt : *Omaha* và *Utah*.

Trước khi đồ bộ, các toán dù, và các toán dùng máy bay nhỏ (planeurs) được thả xuống bên trong đất liền. Bên trái : Sư đoàn thứ Sáu Không vận của Anh (6e division aéroportée Britanique). Bên phải : Các sư đoàn 82 và 101 của Hoa Kỳ.

Lữ Đoàn II của Anh quốc phải thiết lập cảng sớm càng tốt một chiến tuyến địa đầu chạy dài tới tận phía Nam con đường Saint-Lô-Caen ; và phía Đông Nam Caen. Nơi đó có những cánh đồng rộng có thể dùng làm phi trường. Trong khi đó, Lữ Đoàn I Hoa Kỳ bằng đủ mọi cách phải cắt đứt bán đảo Cotentin và chiếm đóng Cherbourg. Theo đúng kế hoạch, Cherbourg phải được giải phóng vào khoảng giữa J + 10 và J + 15.

Monty trình bày tiếp :

« Khi đã giữ vững miền địa đầu, các toán quân sẽ phỏng ra chọc thủng cánh sườn phía Đông, tức là vùng Caen. Đó là một cách dụ địch. Các cánh quân chủ lực của Đức sẽ ở tới vùng này. Tôi sẽ cầm chân họ lại bằng cách để cho các đạo quân Anh và Gia nã đại dàn thành hàng ngang đối đầu với các đạo quân Đức. Cảnh quân Hoa Kỳ do đại tướng Bradley chỉ huy, có nhiệm vụ chọc thủng cánh sườn phía Tây. Mặt trận này sẽ chạy dài theo hướng Nam, tới Loire, rồi quặt sang hướng Đông. Đó là những nhát chồi quét dọn sạch sẽ vùng này tới la seine và Paris.

Sau đó, lực lượng Đồng minh thừa cơ đánh thắng qua Belgique, vượt qua các vùng Rhin-Sarre, bắt tay với

các cánh quân đổ bộ tại vùng Nam nước Pháp đang tìm cách vượt thung lũng sông Rhône. Vì thiếu phương tiện, các toán quân đổ bộ tại Normandie và bờ biển miền Nam không thể nào cùng phát động một lượt. Theo tôi, kế hoạch đổ bộ miền Midi (miền Nam nước Pháp) tức là kế hoạch Anvil (opération Anvil) sẽ được phát động sớm nhất là ngày 15 tháng 7.

Theo đúng kế hoạch do Monty phác họa, tới cuối ngày J, quân số Đồng Minh ở trên đất liền là 8 sư đoàn, cộng thêm một số cảm tử quân đặc biệt (commandos), và 14 đơn vị thiết giáp, chiến xa ; không kể những cánh quân dù, và *planeurs*. Tới ngày $J+5$, hỏa lực quân số sẽ đạt tới 13 sư đoàn, kè cả các toán quân dù, *planeurs* ; cộng 5 sư đoàn thiết giáp Anh và một con số tương đương các sư đoàn thiết giáp Hoa Kỳ. Tới ngày $J+20$, quân số tổng cộng từ 20 tới 24 sư đoàn.

Monty nói tiếp :

«Bằng đủ mọi cách, phải kết hợp 2 cánh quân đổ bộ (một tại Normandie, một tại miền Nam nước Pháp), rồi đánh thẳng vào nội địa trước khi quân Đức có đủ thời giờ tập trung quân số. Nhằm quật ngược trở lại, tôi đã hạ lệnh cho các toán quân tiền phong phải tìm đủ mọi cách đe bẹp tắt cả các ổ kháng cự. Nếu không có gì thay đổi, tôi tin là quân ta sẽ chiếm đóng Lovie và La Seine vào ngày $J+90$. Những chuyện gì sẽ xảy ra sau ngày đó, hiện tại chúng ta không thể tiên liệu trước được.

Kế hoạch đưa quân vượt biển Manche một ngày một thêm rõ rệt.

Những chiếc tàu rà mìn đi trước tiên, để dọn đường. Tiếp tới đoàn chiến hạm vũ trang trọng pháo, của Anh và Hoa Kỳ.

Rồi đến hạm đội chuyên chở bộ binh cùng khí giới đạn dược. Những chiếc LST, LSI, LCT... bám sát.

bên cạnh những chiếc tàu vận tải hạng nặng, cùng các chiến thuyền hộ vệ.

Trên thực tế, có 2 hạm đội cùng đi song song : *task-force* phía Đông, của Anh và *task-force* phía Tây, của Mỹ. Mỗi *task-force* gồm có : Khối quân nhân đỗ bộ đợt đầu, khối tăng viện ngay sau khi đó, (*force de suite immédiate*), rồi tới các sư đoàn tăng viện đợt thứ nhì, (*divisions de 1^{er} renfort*). Toàn thể khối quân nhân sau này sẽ được chuyển sang những «chải cảng nhân tạo» và những «hards», đọc theo các bờ biển.

Một kế hoạch chuyển quân hoàn toàn ăn khớp với nhau, tất cả đều nằm trong một vòng tròn quỹ đạo ở trên mặt biển. Vòng tròn tưởng tượng này nằm trong hải phận cách xa Portsmouth chừng 20 hải lý. Các tay chỉ huy tại bộ tham mưu gọi vùng nằm trong vòng tròn là vùng những các thủy thủ đặt cho nó Z ; danh hiệu là «Piccadilly Circus». Đây là nơi tập trung các *chenaux dragués*, (dường bờ đã được vét mìn) dẫn thẳng tới bãi biển đỗ bộ.

Danh sách các chiến thuyền tham gia chiến dịch *Neptune* ngay từ ngày J, gồm có : 6 *cuirassés*, 2 *monitors*, 22 *croiseurs*, 119 *destroyeurs*, 113 *frégates* và *corvettes*, 80 *patrouilleurs*, *chalutiers*, 380 *vedettes lance-torpilles* và đủ loại xuồng máy, cộng thêm chừng 250 tàu đỗ mìn. Đây là lực lượng chiến thuyền ; không kể lực lượng vận tải, chuyên chở, các loại xuồng đỗ bộ... Kế hoạch *Neptune* lo điều động cỡ chừng trên 5000 đơn vị hải thuyền đủ loại, vượt bắc Manche.

Trên các bản đồ hành quân, các chuyên viên đánh dấu và theo dõi sự di chuyển của từng con tàu. Tất cả đều tuân theo một thời biểu rõ ràng. Những biểu đồ di chuyển của tất cả các tàu bè được các chuyên viên đặt tên là biểu đồ Mickey (Diagrammes Mickey).

Vấn đề liên lạc vô tuyến giữa các tàu bè cũng được

tinh toán thật tỉ mỉ. Trong chiến dịch *Neptune* ngoài Anh và Hoa Kỳ, còn có sự tham gia của các nước khác như Bồ Đào Nha, Giá Nã Đại, Pháp... Các liên lạc vô tuyến giữa các tàu bè, trong thời kỳ đồ bộ phải được hoàn bị một cách tuyệt đối để tránh tất cả những rắc rối có thể gây nên những đồ vỡ tai hại. Ngoài ra lại còn các liên lạc vô tuyến điện, càng tới gần ngày đồ bộ, càng trở nên chí chít, những làn sóng, những tiếng người nói chuyện, những mật lệnh v.v...



Trong thời gian đó, tại một công viên gần bờ biển trong vùng đảo Wight, những toán thợ tấp nập kéo tới dựng nên những căn nhà giống như những túp lều nhỏ và những villas trông thật xinh xắn, và một tòa lâu đài theo kiểu xưa. Những người lân cận ngạc nhiên tự hỏi không hiểu tại sao đang lúc chiến tranh mà lại có người dám liều lĩnh bỏ tiền ra xây cất nhà cửa. Nhưng họ ngạc nhiên rồi đứng dừng ngay đó. Người Anh vốn được tiếng là phớt lờ mà.

Nếu họ vượt qua khói ngưỡng cửa những căn nhà chắc họ còn ngạc nhiên hơn nhiều: Thay vì các phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ vv... họ chỉ thấy những chiếc máy điện không lò, những ống sắt tròn to lớn và nhiều loại máy khác nữa. Đó chính là trạm xăng; chẳng đầu ống dẫn dầu chạy qua biển Manche.

Chúng ta chắc chưa quên cuộc nói chuyện ngày 1 tháng Tư năm 1942 giữa Geoffroy Llloyd, Bộ trưởng đặc trách về Đầu hỏa, và Lord Mountbatten, khi ông còn là chỉ huy trưởng các chiến dịch hành quân hỗn hợp. Trong cuộc nói chuyện, Mountbatten đã ngỏ ý muốn có 1 đường dây dẫn dầu từ Anh qua biển Manche. Chỉ có cách đó mới giải quyết nỗi tình trạng nhiên liệu cho các chiến xa, chiến thuyền... Mountbatten tưởng mình nói dỗ

chơi, dự định đó làm sao thực hiện nổi nhưng các chuyên viên vẫn hi vọng tính toán và sau cùng đi đến kết luận, dự tính trên có thể thực hiện được.

Khó khăn là kiểm sao được một loại ống dẫn dầu đặc biệt, giống như dây cáp ngầm đặt dưới đáy biển dùng để liên lạc vô tuyến (*cables télégraphiques sous-marins*), nhưng rỗng ruột. Ac. Hartley kỹ sư trưởng hãng *Anglo-Iranian Oil Company* (Hãng dầu Anh-Iran) là người đưa ra sáng kiến kề trên. Geoffroy Lloyd bèn cho kêu Bác sĩ Wright, giám đốc nhà máy Siemens, yêu cầu thực hiện. Wright bèn cho gọi viên kỹ sư trưởng nhà máy và yêu cầu làm gấp một vài thước hàng mẫu (*échantillon*). Vài ngày hôm sau, một chiếc tàu chuyên môn đặt cáp ngầm của Bưu điện, thực hiện công tác đặt thử một khúc dây dẫn dầu ở dưới đáy sông Tamise. Mọi việc tiến triển rất tốt đẹp. Lord Louis Mountbatten bèn Tường trình lên Thủ tướng Anh kết quả công tác. W. Churchill nói :

— Kế hoạch này thật quan trọng. Cần phải thử trên một quãng đường biển thật dài, và cần phải hoàn tất công tác càng sớm càng tốt. Đây mới là mạch máu của đạo quân viễn chinh giải phóng Âu châu.

Các chuyên viên sau đó bèn đặt thử 1 đường dẫn dầu dưới đáy kênh đào Bristol, từ Swansea tới Ilfracombe. Dây cáp ngầm rỗng ruột được đặt tên là «Hais», do những tiếng đầu của những chữ Hartley, Anglo-Iranian và Siemens ghép lại.

Hai đoạn dây «Hais», mỗi đoạn dài 45 cây số được chế tạo gấp rút. Cần nhất phải làm cả đoạn dây dài đó ngay một lần. Không có vấn đề đặt 1 khúc «pipe-line» rồi sau đó lại quay trở về lấy 1 khúc khác đặt tiếp. Kết 1 nối là không có 1 chiếc tàu đặt dây cáp nào chuyên chờ nối 90 cây số «Hais». Các chuyên viên đành phải

dùng 1 chiếc *Caboteur* (1) và biến đổi nó thành tàu đặt cáp. Vậy mà cũng được việc.

Nhưng làm cách nào đặt 90 cây số «pip-line» đó xuống đáy biển Manche? Tàu chiến, tàu ngầm Đức sẽ để yên cho các chuyên viên thực hiện 1 công tác đòi hỏi rất nhiều ngày giờ như vậy? Ông dây «pipe line», vì rỗng ruột cho nên rất mềm; đâu có thể trải nó xuống đáy biển 1 cách nhanh chóng được?

Hai chuyên viên khác — H.A Hammick, kỹ sư trưởng một công ty Dầu hỏa Iraq (Iraq Petroleum Cy) và B. J. Ellis, kỹ sư trưởng một công ty dầu khác (Burinah Oil Company) — sau khi tìm tòi, thí nghiệm, họ tuyên bố công tác trên có thể thực hiện mau lẹ nếu sử dụng những ống thép uốn cong (tubes d'acier flexibles) đường kính 75mm, đầu nọ hàn định với đầu kia, rồi cuộn quanh một chiếc trống lớn, đường kính cỡ chừng 18m.

Món đồ kỳ cục đó bèn được sản xuất, và đem đặt trên một chiếc lưới vét. Các chuyên viên ban cho nó một cái tên là «*Perséphone*». *Perséphone* vừa lăn trên mặt biển vừa trải sợi dây ống «Hamel» (ghép bởi tên hai vị kỹ sư trưởng ở trên : Hammick và Ellis). Một đoàn tàu «*Perséphone*» thả từng khối dây ống quấn trên những chiếc trống to lớn; tàu nọ nối tiếp tàu kia.

«Vẫn còn chậm chạp quá!». Một chuyên viên kêu lên như vậy. Ông ta đưa ra đề nghị :

Dùng rờ-mooc kéo m้าย chiếc trống cho chúng lăn ở trên mặt biển. Nhưng phải là những chiếc trống rỗng ruột. Những đoạn dây ống bằng thép, vì nặng, sẽ từ từ lăn xuống đáy biển. Như vậy lé hơn nhiều. Khỏi phải sử dụng lưới vét.

Kết quả, những chiếc trống trong những cuộn dây

(1) *Tàu hàng chạy dọc theo ven biển.*

không lò, đường kính 15m, chiều cao 27m. Mỗi chiếc trống có thể cuộn tròn 100 cây số ống « tubes », cân nặng tổng cộng là 1.600 tấn, vừa bằng trọng tải của 1 chiếc *destroyeur*. Nhờ sức kéo, chúng có thể lăn thật nhanh ở trên mặt biển. Mỗi ngày, nhà máy làm được cỡ chừng 16 cây số ống « tubes ».

Kế hoạch sản xuất ống « tubes » *Hais* và *Hamel*, được đặt tên là *Opération Pluto*, ghép bởi những chữ : *pipe-line under the ocean* (đường dẫn dầu ở dưới biển). Lực lượng Pluto gồm có 100 sĩ quan và 1.000 chuyên viên dân sự.

Công tác Pluto hoàn tất trước ngày J một vài tuần lễ, nối liền đảo Wight tới bờ biển nước Pháp thuộc vùng Cherbourg. Sau khi vượt qua biển Manche, « pipe-line » chạy vào đất liền, theo sát từng bước tiến của đoàn quân Đồng minh.

29

Hàng ngày, trong 1 căn phòng khóa kín, 2 viên sĩ quan SHAEF có nhiệm vụ dùng kính « Lup » quan sát những không ảnh vùng bờ biển đồ bộ do phi cơ thám thính chụp được từ ngày hôm trước.

Một buổi chiều đầu tháng Ba, một viên sĩ quan, sau khi đã mắt hàng giờ trên tấm « cliché », bỗng ngẩng mặt lên, huýt gió suýt soa ra vẻ thú vị ! Người bạn ngồi bên đưa mắt ra ý hỏi :

- Có gì lạ vậy ?
- Ồ, chắc là có !

Đến lượt anh này cầm tấm hình lên coi. Năm phút sau, tấm hình được đặt trên bàn của viên sĩ quan chỉ huy G2 (Sở Tình Báo Quân Sự). Một giờ sau, tấm hình tới tay Eisenhower.

Bức hình cho thấy :

Trên mặt một bãi biển sắp được đồ bộ, có những vật lạ trông giống như chiếc tháp bằng kim loại, đặt

nghiêng kẽ bên nhau thành một đường dài, đầu nhọn hướng về phía bên trên bãi cát. Hàng rào kim tự tháp chạy dài dọc theo bờ biển, ngay kề bên mé nước. So sánh với những bức hình chụp được từ máy bùa trước, người ta nhận thấy hàng rào vật lạ chắc vừa mới được dựng lên. Những bức hình tiếp theo chứng tỏ quân Đức đã cho thiết lập dọc theo các bờ biển Manche và vùng bờ phía Bắc, một hệ thống hàng rào kim loại. Các chuyên viên săn khoán không hiểu những chướng ngại vật bằng kim loại kề trên còn có một tác dụng phòng vệ nào nữa hay không ?

Sau cùng, nhờ những không ảnh, do những phi cơ bay thật thấp, ngay sát mặt biển, chụp được ; các chuyên viên nhận thấy những chiếc kim tự tháp nhỏ nhô bằng kim loại thực ra chỉ là những thanh sắt dài, chôn sâu xuống mặt cát thành hai dãy, cách quãng, chụm đầu vào nhau. Những cuộc thám thính tiếp theo cho thấy : Trên mặt cát phía bên ngoài hàng rào đều được chôn mìn. Ngoài ra, cách bờ nước chừng 100m, người Đức còn cho đặt những ụ kẽm gai họp thành một hình 3 góc, giao nhau ở trung tâm. Những ụ kẽm gai này có phần sụ « lột da » những chiếc xuống đồ bộ, hoặc những chiếc xe lội nước.

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng các tin tức, hình ảnh thuần lượm được, đô đốc Ramsay quyết định : Cuộc đột bộ phải được thực hiện vào lúc ban ngày !

Ban đêm hay ban ngày ? Câu hỏi trên đây đã được bàn cãi, trước đó, không biết bao nhiêu lần tại bàn họp các tướng lãnh chỉ huy kế hoạch *Overlord*. Sự xuất hiện của những hàng rào chướng ngại vật đã giải quyết vấn đề trên đây. Muốn tránh né, phá hủy hàng rào chướng ngại vật, điều kiện tiên quyết là phải nhìn thấy chúng ! Vả lại, chỉ tấn công ban ngày, phi cơ mới có thể « hết mình » yểm trợ.

Mệnh lệnh được ban ra, các hàng rào tung tẩy như

trên được sản xuất cấp thời và được đem đặt tại các bờ bắc nước Anh. Mức độ thủy triều phải đúng như ở bờ biển Pháp. Và những cuộc tập dượt tấn công những hàng rào cản có gài mìn được liên tiếp thực hiện.

Trước hết là đợt tấn công của những chiếc *tank dozer*, hay là chiến xa DD (Dupleix-Drive). Đó là một loại chiến xa Sherman được sửa đổi sao cho vừa chạy ở trên cạn, vừa ở dưới nước. *Tankdozer* hoạt động dẹp đường chẳng khác gì một khẩu *bulldozer*. « Chỉ có chúng là có đủ khả năng tiêu diệt những quả trái phá và những trái mìn hạng nặng ». Đại tướng Eisenhower nói về chúng như vậy. « Tôi cũng không biết ai là người nghĩ ra thứ giới tuyệt hảo đó. Nếu anh ta có mặt ở đây, chắc chắn sẽ được gắn đầy các loại chiến công bội tinh ».

Trên thực tế, viên chỉ huy trưởng kế hoạch *Overlord* dù muốn ban thường nhung khó mà kiểm cho ra tác giả thứ khi giới ác liệt vừa kể. Chiếc *tankdozer amphibie* (chiến xa lội nước) đã được phát minh cách đó rất lâu, cỡ vài chục năm, do 1 viên kỹ sư cơ khí người Hung gia lợi : Nicolas Straussler.

Anh này bèn trình lên Bộ Hải Quân Anh sáng kiến của mình nhưng mấy ông tướng ở đây très mông khinh bỉ, ra ý «của quỷ đó» làm sao mà có thể lội nước được ? Mặc dù vậy, họ cũng bỏ tiền ra mua bằng sáng chế rồi vứt vào 1 xó tủ. Sau này, chính Đại tướng Sir Percy Hobart đã đem áp dụng sáng kiến trên đây bằng cách thay đổi bộ máy cơ chế của chiếc xe tăng *Sherman* ; biến đổi chiếc *Sherman* thành *tankdozer amphibie*.

Cần phải nói thêm viên tướng Hobart này đúng là 1 bộ óc thông minh, một trong những tờ sứ của ngành vũ khí chiến xa. Chắc là vì thông minh quá cho nên ngay từ hồi đầu chiến tranh, ông ta đã bị các xếp cho về vườn và tờ ý khinh bỉ những đường lối cách

mạng chiến thuật, chiến lược của ông ta. Ông tướng tài cao này đành phải xung vô đội quân Gác Nhà (Home Guard) với chức cai đội.

Đó là năm 1940. Churchill bèn cho vời ông ta lại, yêu cầu sửa đổi, hoàn bị chiếc chiến xa lội nước kỳ diệu mà Eisenhower hết lời khen ngợi ở trên. Những chiếc *tankdozer* lội nước đã góp phần không nhỏ trong trận đánh Normandie. Chúng có phận sự mở đường, mang theo những chuyên viên «Génie» có nhiệm vụ phá hủy hàng rào chướng ngại vật, hoặc biến chúng trở thành vô hại. Công việc này thật sự do những toán chuyên viên «Génie» xé lẻ, hợp với toán người nhái hoạt động ở dưới nước, bởi vì cuộc đổ bộ xảy ra vào lúc thủy triều đang lên, các chướng ngại vật đều chìm dưới mặt biển.



Cùng thời gian đó, James E Arnold, thủy sư đô đốc, thuộc lực lượng trừ bị Hải Quân Hoa Kỳ (US Naval Reserve), ông ta đang làm việc tại căn cứ hải quân ở Plymouth, bỗng nhận được giấy mời của SHAEF. Arnold bèn đáp xe lửa đi Luân đôn, rồi đến thẳng Bushey Park.

Một nữ nhân viên thuộc WREN (Women's Royal Naval Service) xem xét giấy tờ rồi mời ông ta lên xe jeep chạy thẳng tới một tòa nhà cách đó chừng 400m. Trước hết, Arnold được dẫn vào một căn phòng nhỏ; trong có một số sĩ quan Hoa Kỳ. Một người này hạch hỏi Arnold đủ mọi chuyện. Họ muốn chắc chắn ông ta là Arnold chứ không phải một kẻ khác. Cuộc thẩm vấn chấm dứt, các sĩ quan Hoa Kỳ lúc đó mới thân mật bắt tay người bạn mới tới và bảo ông ta :

— Bây giờ bạn là *bigot*, tiếng đó có nghĩa là bạn là người biết được «NIỀM BÍ MẬT VĨ ĐẠI». Ngoài ra bạn còn có một niềm bí mật riêng nữa : Bạn được đặt tên là «NOIC UTAH». Sẽ có người giải thích cho bạn biết ý nghĩa của danh từ đó.

Arnold cũng vừa mới được biết cuộc đổ bộ không phải chỉ là 1 « đòn gió », và chắc chắn sẽ xảy ra vào đầu tháng sau: UTAH là tên 1 bãi biển đổ bộ. Nhưng còn NOIC nghĩa là gì ?

Arnold được dẫn qua 1 khu vực khác nằm trong SHAEF. Ở đây, 1 viên sĩ quan giải thích thắc mắc còn lại cho Arnold nghe :

— NOIC có nghĩa là : *Naval Officer in charge* sĩ quan Hải Quân phụ trách bãi biển UTAH.

Thông thường, trách nhiệm của 1 sĩ quan Hải Quân chỉ tới bờ bãi biển là chấm dứt. Sau đó là nhiệm vụ của Bộ binh. Nhưng lần này coi bộ hơi khác. Hải Quân cần phải can thiệp ngay cả ở trên đất liền, nghĩa là phải kiểm soát sự di chuyển của các xe tăng máy và những hoạt động ở trên bãi biển. Những đơn vị đặc biệt đã được thành lập. Đây là sáng kiến của người Anh. Nhiệm vụ mới của anh ở đó. Ngày mai có cuộc tập dượt « Gold braid » tại Bracklesham. Còn đây là giấy tờ bổ nhiệm của anh. Đề tôi viết cho anh 1 giấy thông hành. Tới Bracklesham anh hỏi coi Noic ở đâu, họ sẽ cho biết anh phải làm những gì.

Arnold đáp xe lửa tới Bracklesham. Trên bãi biển, những người lính chen chúc bên nhau chẳng khác chi một đàn kiến. Ngoài khơi, một đoàn tàu nhỏ nhấp nhô giữa sóng biển. Arnold hỏi 1 viên đại úy coi Noic ở đâu. Anh ta nhếch mép ra vẻ cười :

— Cả anh nữa ? Noic hả ? Nếu anh gặp một anh chàng nào có dán trên nón sắt 4 sợi băng bạc, chính là hắn ta đó !

Arnold phải chen chúc trong đàn kiến và iết chừng 3 cây số, lâu lâu đứng lại nhìn một con kiến coi có đúng là người mình muốn tìm gặp hay không. Nửa giờ sau, anh ta thấy Noic đang ngồi trên một chiếc máy phát tin loại cầm tay nhám nháp ly nước trà do tùy viên mang lai

Noic nói :

— Rất mừng gặp anh. Chắc anh cũng đã biết qua rồi phải không? Đây là một trò chơi chiến tranh rất mới mẻ, vừa mới được phát minh ra xong!

Trong khi nói chuyện, Arnold ghi được một vài điểm cần thiết :

1.— Noic chỉ huy một nhóm người gọi là nhóm bờ biển. (Groupe de rivage).

2.— Nhóm người này có nhiệm vụ ra lệnh cho các chiếc tàu di chuyển; coi sóc công việc đồ xuống đất liền những khía giới, dụng cụ...

3.— Ngay sau giờ H, Noic nhảy lên bờ nắm quyền điều động các lực lượng tấn công, cho tới khi họ vào đúng vị trí đã được chỉ định.

Anh chàng sĩ quan mệnh danh là Noic bảo Arnold :

— Nhiệm vụ của chúng ta : kiểm soát các hoạt động hai bên bờ mé nước. Làm cách nào cho các hoạt động đó được hữu hiệu tới mức tối đa.

Noic ngừng lại rồi giải thích thêm :

Nói tóm lại, sau đây là một số công tác chính yếu :

— Giám sát công cuộc thiết lập Gooseberry (hải cảng nhân tạo).

— Thiết lập các vị trí tập trung quân sĩ đồ bộ.

— Tiếp tế él-xăng, nước ngọt cho tất cả các lực lượng ở trên mặt biển và trên mặt đất trong thời gian đồ bộ, và trong thời kỳ củng cố vị trí tấn công.

— Thi hành các công tác cứu trợ, kéo ra khỏi vùng tác chiến những chiếc xuồng bị chìm, để tránh va chạm.

— Giám sát các toán sửa chữa.

V.v...

Noic đóng cuốn sổ tay lại :

— Còn một vài công tác thứ yếu nữa chẳng hạn như công tác di tản tù binh, thương binh... Chắc là anh hiểu hết rồi phải không?

— Vâng, tôi hiểu !

Vài ngày hôm sau, một cuộc họp được tổ chức tại Hội trường Hải Quân Hoàng Gia tại Plymouth ; bàn về sự phối hợp tất cả các công tác, trước khi tham dự cuộc đổ bộ lên bãi biển Utah. Cuộc hảo luận diễn ra suốt ngày hôm đó. Lần lượt các chỉ huy trưởng các hạm đội đổ bộ, các đoàn công voa, các khối không lực chiến thuật, vận tải, tình báo, xưởng đổ bộ... Tới 10 giờ đêm, viên chủ tọa cuộc họp nhận ra còn thiếu một người chưa lên thuyết trình : Noic. Thủy sư đô đốc Arnold đứng dậy nói lớn :

— Noic Utah luôn sẵn sàng tham gia « coup d'envoi » Xin chúc tất cả mọi người một ngày J huyền toàn hạnh phúc !



Mùa xuân 1944 bắt đầu bằng những cuộc leo thang dội bom của phi cơ Đồng minh trên phần đất địch. Cuộc leo thang kéo dài sang tới mùa hạ ; đúng như lời hẹn hò của Thủ tướng Anh tại Hạ Viện ngày 28 tháng Hai 1944 : « Chúng ta sẽ phá vỡ những hệ thống tiếp vận, làm suy yếu tiềm năng chiến đấu của địch ».

Ngoài những lý do kể trên, các cuộc không tập thật ra là để hỗ trợ cho cuộc đổ bộ sắp sửa xảy ra.

Trước hết hãy làm tê liệt hệ thống thiết lập (hỏa xa) nhất là các đường tiếp tế hướng về ngã Normandie. Mục đích tối hậu của Đồng minh là cô lập vùng đổ bộ. Người Đức, như chúng ta đã biết, đều nghiêm về ý-nghĩ Đồng minh sẽ đổ bộ tại Pas-de-Calais. Để phòng ngừa họ cho trấn đóng tại vùng này lực lượng quan trọng nhất của Đức là lữ đoàn 15. Nhiệm vụ của không lực Đồng minh là cắt đứt mọi đường liên lạc phát xuất từ vùng trên nhằm ngăn chặn đoàn quân Đức kéo tới Normandie đối đầu với toán quân đổ bộ. Những công tác trên phải được thực hiện sao cho quân Đức ngờ, không sao đoán

nổi địa điểm thực sự của cuộc đổ bộ. Thành thử, ngoài công tác cô lập vùng Normandie, không lực Đồng minh còn tung ra những cuộc không tập lớn lao ngay tại nước Đức, và những xứ bị chiếm đóng như Hòa lan, Belgique... Sau đây là lịch trình công tác của Không lực Đồng minh :

— *Không đoàn Thủ Tám Hoa Kỳ* (gồm những pháo đài bay B17, những oanh tạc cơ hạng nặng Liberators) do Đại tướng James Doolittle; ông tướng «Jimmy» *Làm Thật Ít* — Doolittle đọc lên có nghĩa là làm thật ít — nổi tiếng tại Hoa Kỳ từ ngày 18 tháng 4-1942, bữa đó ông dẫn đầu đoàn phi cơ B17 cất cánh khỏi hàng không mẫu hạm *Hornet*, vào lúc trời thật xấu, để đi dội bom Tokyo.

— *Không đoàn Thủ Chín Hoa Kỳ* gồm những oanh tạc cơ trung bình Maurader, Boston, và những khu trục cơ có tầm hoạt động xa, còn được gọi là khu trục oanh tạc cơ (chasseurs-bombardiers) : P 38 Lighting, P51 Mustang, P47 Thunder-bolt. Chỉ huy trưởng không đoàn là Đại tướng Hoyt Nathan Wandering.

— *Không đoàn 15 của Hoa Kỳ*, giống như không đoàn Thủ Tám, do Đại tướng Nathan Twining chỉ huy. Căn cứ phát xuất của không đoàn 15 đặt tại Ý đại lợi, từ hồi đầu năm 1944.

— *Bomber Command* của RAF (Anh quốc) gồm những oanh tạc cơ hạng nặng Halifax và Lancaster. Chỉ huy trưởng *Bomber Command* là Thống tướng Không quân Sir Arthur Harris, thời đó được coi là 1 trong những nhân vật hàng đầu, một tay lý thuyết gia về phương pháp dội bom chiến thuật (*bombardement stratégique*).

Các tướng Harris và Spaatz được kè như chỉ huy trưởng lực lượng chiến thuật (forces stratégiques) Thống tướng không quân Sir Strafford Leigh Mallory được chỉ định chỉ huy trưởng không lực Đồng minh tham gia chiến dịch *Overlord*; nhưng trên thực tế, ông ta trực tiếp chỉ

huy không đoàn thứ Chín và không lực chiến thuật Anh quốc hỗ trợ Sư đoàn 21.

Ở đây chúng ta không có thời giờ đi thêm vào những chi tiết liên quan tới các hoạt động của Không lực Đồng minh trong thời kỳ Đệ II Thế Chiến.

(Bạn nào tò mò, có thể tìm cuốn *The Army Forces in World War II (Air Historical Group)* kề lại tất cả những hoạt động của lực lượng quân sự Đồng minh trong Đệ Nhị Thế chiến. Riêng hoạt động của không lực đã chiếm 400 trang sách).

Ở trên chúng ta cũng đã nói sơ qua về phương pháp hướng dẫn phi cơ oanh tạc bằng các làn sóng vô tuyến. Từ khoảng giữa năm 1943 các phương pháp trên kề như hoàn toàn đặc dụng sau bao nhiêu lần thí nghiệm, thay đổi. Về phía Anh quốc, phương pháp «H2S» được sử dụng thay thế kỹ thuật «OBOE». H2S không cần tới sự hỗ trợ của các đài vô tuyến cố định đặt trên mặt đất. Một hệ thống dây trời hình cong (*antenne parabolique*) của H2S phát ra những luồng sóng điện dội xuống mặt đất. Những luồng sóng điện phản chiếu từ dưới mặt đất sẽ hiện lên trên màn ảnh vô tuyến của phi cơ. Hình ảnh mặt đất phía bên dưới cùng lúc đó cũng lờ mờ hiện. Các phi cơ căn cứ vào đó mà xác định vị trí của mình và mục tiêu cần phải oanh tạc. Hoa kỳ cũng áp dụng một phương pháp tương tự gọi là «màn ảnh Mickey».

Người Anh luôn luôn bảo vệ chiến thuật dội bom từng vùng (area bombing), thực hiện ban đêm, do những phi cơ chiếu sáng (*avions-éclaireurs*) dẫn đường. Những phi cơ dẫn đường này sẽ thả những trái hỏa châu xuống khu vực bị dội bom. Phương pháp này cũng bất tiện, bởi vì các trái hỏa châu nhiều khi bị gió thổi dạt qua khu vực khác. Còn Hoa kỳ vẫn tiếp tục các phi vụ chính xác, thực hiện vào ban ngày. Các oanh tạc cơ nặng nề chỉ lo có việc dội bom, còn việc vô hiệu hóa hỏa lực phòng không,

đối đầu phi cơ địch... những công tác đó dành cho đoàn khu trục cơ hộ vệ



Các phi vụ oanh tạc trên đất Pháp tuy rằng rất hữu hiệu nhưng cũng gây ra rất nhiều cuộc tranh luận vì những thiệt hại dân sự. Các chuyên viên phòng đoán con số các thường dân Pháp chết vì các cuộc dội bom nhằm hỗ trợ công cuộc đồ bộ, ít ra cũng độ 80.000 người. Tuy nhiên các vị tướng lãnh không quân phủ nhận con số quá đáng kể trên.

Dù sao, con số thường dân chết oan đó (hoặc ít hoặc nhiều) phải được coi như là cái giá nước Pháp phải trả để được giải phóng !

Các cuộc không tập nhắm phá hủy hệ thống thiết bị, nhà ga, nhà chứa dầu máy xe hỏa v.v... trở nên đắt kề từ ngày 6 tháng ba 1944. Tất cả những nhà ga lớn như Trappes, Lens, Vaire-Torcy, Creil, Aulnoye, Tours, Le Mans v.v... đều bị ăn bom. Càng gần ngày J, các cuộc không tập càng trở nên dữ dội. Riêng trong tháng tư, máy bay Đồng minh thực hiện 45 phi vụ trên đất Pháp. Tất cả các cơ sở hỏa xa, nhà máy, kho chứa... đều bị chiếu cối. Trong đêm 11, không lực Anh thả xuống đất Pháp 1.200 tấn bom nổ, và hàng ngàn trái bom lửa. Phi vụ kéo dài trên hai tiếng rưỡi đồng hồ. Trong một phi vụ khác, mục tiêu là khu vực Juvilly; những trái hỏa châu bị giò thời busat vào trung tâm thành phố. Kết quả : 850 tòa nhà thành tro bụi, 3.000 tòa nhà bị hư hại nặng nề; 15.000 người chết hoặc bị thương trong số 23.000 thị dân.

Các phi cơ Đồng minh còn thả xuống những trái bom nổ chậm, nhằm kéo dài hậu quả của các phi vụ. Tại Juvilly các toán lính phòng thủ đã kiểm được chừng 382 trái, bom nổ chậm. Trái đầu tiên nổ ngày 19 tháng Tư, lúc 1h35. tức là một giờ sau khi cuộc dội bom đã chấm dứt.

Trái cuối cùng nổ ngày 22 tháng Tư, lúc 17h58, gây

chợ 6 người tử nạn. Tại Noisy-le-Sec, các trái bom nổ dữ dội nhất từ khoảng 10 giờ tới 12 giờ sau khi cuộc oanh tạc kết liễu. Mười ngày sau, vẫn còn có người chết vì bom nổ chậm. Trái cuối cùng nổ cách sau ngày dội bom mười bốn ngày.

Gần như xảy ra 1 cuộc chạy đua giữa không lực Đồng minh và các chuyên viên, kỹ sư Hòa xá Reichsbahn. Ngay ngày hôm sau, hoặc hôm sau nữa các chuyến xe lửa lại được tái lập ngay tại khu vừa bị oanh tạc bịt kín trước 1. Dần dần cả 2 phe đều thấy chiến thuật nhằm tê liệt hệ thống thiết bị trên đất Pháp quả là rất khó thực hiện. Nước Pháp có quá nhiều đường sắt. Các tướng lãnh chỉ huy kế hoạch Oerlikon sau cùng quyết định chỉ oanh tạc các nhà ga lớn, nơi phát xuất các hệ thống đường sắt, về nhiều hướng khác nhau. Các nhà ga lớn như Paris-La Chapelle, La Plaine-St-Denis, trở thành mục tiêu oanh tạc hàng đầu. Đó là hai nhà ga phát xuất các nẻo đường sắt hướng về Manche, Belgique và vịnh Pháp Bi.

Ngày 21 tháng 4, hồi 0h.08, 16 chiếc Pathfinders (máy bay chiếu sáng dẫn đường) bay tới không phận Ba Lê, rồi thả xuống rất nhiều trái bom chiếu sáng và hai trái bom lửa. Khu vực rộng lớn sắp sửa bị oanh tạc nằm giữa Aubervilliers và đại lộ Rochechouart. Vài phút sau, trận mưa bom đầu tiên giáng xuống. Tất cả có 10 trận mưa bom, mỗi trận mưa do 40 pháo dài bay hàng nồng thực hiện, cách nhau 5 phút một.

Sau 50 phút dội bom, đoàn phi cơ trở về căn cứ. Nhà ga hàng hóa La Chapelle, nhà ga chứa dầu máy xe lửa La Plaine St Denis, cùng hai nhà ga khác nữa, tất cả đều bị hư hại nặng nề. Đầu đòn cho dân Ba Lê, một số bom trật ra ngoài mục tiêu, trở thành món quà độc địa của không lực Đồng minh tặng cho dân chúng thủ đô nước Pháp.

Đoàn cấp cứu hục làm việc. Tới 1h.12, lại có tiếng ầm ầm báo động. Các phi cơ Đồng minh lại trở lại !

Lần này dân chúng Balê bị một vỡ nặng : 304 tòa nhà hoàn toàn bị tiêu hủy, 641 người chết, 460 bị thương. Sir Harris, chỉ huy trưởng *Bomber Command* báo cáo phi vụ «hoàn toàn chính xác» !

Lần này, vị tướng Anh coi bộ quá lố ! Rất ít người đồng ý với ông ta. Ấy là không kể dân chúng thủ đô Ba Lê !

